VĂN HỌC

tạp chí sáng tác
nhận định văn nghệ

tranh khánh trường

số 45 - tháng 11 năm 1989

VĂN HỌC
TRONG SỐ NÀY:

*** Nguyễn Mộng Giác:** *Nhìn Lại Một Chặng Đường.* trang 1 *** Trần Vũ:** *Hành Lang Tâm Thần.* truyện ngắn trang 7 *** Nhược Thủy:** *Dòng Sông Sa Mạc.* truyện ngắn, trang 32, *Hoa Tháng Bảy,* thơ trang 47, *Trăm Năm Người Vẫn Gọi Về, thơ trang 48* *** Văn Cũng Thường:** *Áng Mây Mê Ngủ,* truyện ngắn trang 49 *** Ngọc Khôi:** *Kẻ Thứ Ba,* truyện ngắn trang 63 *** Sĩ Liêm:** *Con Chim Thời Tiết,* truyện ngắn trang 80 *** Triều Hoa Đại:** *Cõi Trăng Xa* thơ trang 94, *Có Kẻ Chợt Buồn,* thơ trang 95 *** Hoàng Xuân Sơn:** *Thiên Hương,* thơ trang 96 *** Thường Quán:** *Đêm Sen,* thơ trang 97 *** Nguyễn Việt Thường:** *Bài Ca Của Người Có Đôi Mắt Chim Sâu,* thơ trang 98 *** Nguyễn Tôn Nhan:** *Thèm Xưa,* thơ trang 99 *** Võ Đình:** *Cái Nét Bất Thường Trong Truyện Võ Phiến,* trang 100 *** Nguyễn Đức Lập:** *Phong Vũ Tiêu Tiêu, Lôi Vũ Động,* truyện dài trang 116 *** Giới Thiệu Sách Báo Mới** trang 124.

CHỦ NHIỆM: Nguyễn Vinh Hiển
CHỦ BÚT: Hoàng Khởi Phong
TỔNG THƯ KÝ: Cao Xuân Huy
TRÌNH BÀY: Khánh Trường

Đại diện Văn Học ở Âu châu: Mrs Lê Tất Luyện
15 Place Souham, 75013 Paris, France. Phone: 45831912
Đại diện Văn Học ở Úc châu: Nguyễn Khắc Phú
14 Lester Rd, Padstow New South Wale 2211 Australia

Thư từ tiền bạc xin gửi về: Văn Học
P.O. Box 3192 Tustin CA 92680 USA
Phone: **(714) 544.7650**
(714) 893.6242

Số đăng ký tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN - 0885 - 128X

Nguyễn Mộng Giác

NHÌN LẠI MỘT CHẶNG ĐƯỜNG

Hồi ấy là khoảng cuối tháng Ba năm 1985, tại căn nhà của Hoàng Khởi Phong dường Dapplegray thành phố Garden Grove. Căn nhà của anh bạn nhà – thơ – kiêm – thợ – tiện mới mua. Và để đủ tiền trả cho nhà băng hàng tháng, anh đành phải biến nó thành một "trại tị nạn". Nhà chỉ có bốn phòng hẹp nhưng mỗi phòng là nơi ở của một gia đình, nhân số lên đến 16 người. Gia đình tôi bốn người ở căn phòng 16 thước vuông gần cửa ra vào. Gia đình Cao Xuân Huy bốn người ở căn bên cạnh. Một gia đình từ đảo mới qua năm người chiếm căn phòng gần bếp. Nhà lúc nào cũng ồn ào, đi đâu cũng đụng phải người, y như quang cảnh các barracks trại tị nạn Galang.

Đã thế, bạn bè những người ở trọ lại thường xuyên lui tới, những ông bạn Mũ Xanh của Cao Xuân Huy, những bạn thơ của Hoàng Khởi Phong, những bạn văn của tôi. Cái bàn ăn đặt gần bồn rửa chén và bếp không lúc nào vắng người, tiếng cười tiếng nói làm cho bà người Mỹ hồi hưu ở bên cạnh phải thường xuyên kêu ca, than phiền.

Cũng tại cái bàn ăn ấy, vào một chiều cuối tuần tháng Ba, chúng tôi ngồi đấu láo đủ mọi thứ chuyện đầu cua tai nheo. Tôi nhớ hôm ấy có tôi, Hoàng Khởi Phong, Cao Xuân Huy, Nguyễn Bá Trạc, Bùi Vĩnh Phúc, Phạm Quốc Bảo. Nhằm một lúc cao hứng, không nhớ ai đó đề nghị cùng nhau ra một tạp chí văn chương. Mắt mọi người sáng lên. Trời! Một tạp chí văn chương. Một tạp chí văn chương đúng nghĩa! Cuộc họp mặt tự nhiên hào hứng hẳn lên. Trước hết nói tới bài vở. Văn phải thế này mới là văn. Thơ phải thế kia mới là thơ. Phê bình nhận định phải thế nọ. Phải giương cờ lên mà đi. Tạo thành gió thành bão. Mỗi trang chữ phải là hoa là lửa. Thôi thì bao nhiêu giấc mộng lớn giấc mộng con xổ ra hết, mạnh ai nấy nói, nói cho hả hê, nói không chán. Rồi bàn tới tên báo. Tôi nhớ Hoàng Khởi Phong ưa cái gì mạnh, muốn tên báo chỉ một chữ thôi. Nguyễn Bá Trạc khôi hài đưa ra một cái tên tôi không nhớ là gì, nhưng bị bác ngay vì thiếu nghiêm chỉnh. Cuối cùng, mọi người hiện diện đều tạm chấp nhận một cái tên vô thưởng vô phạt: "Văn Học". Sau đó cùng bàn nhiều chuyện quan trọng nữa như cách trình bày thế nào, hình vẽ ra sao, thơ phải in trang trọng thế nào... rồi mới nhớ tới một điều ít quan trọng nhất: tiền đâu in báo? Không khí bớt hào hứng, gió bão đột nhiên

lắng dịu. Mọi người đều trầm ngâm, hơi bẽn lẽ, như vừa bị kê tủ đứng vào giữa đôi môi. Nguyễn Bá Trạc khoe thân với rất nhiều bạn bè kinh doanh trên San José. "Moa nói một tiếng tụi nó cho quảng cáo cả năm!" Có Nguyễn Bá Trạc dọn đường, Hoàng Khởi Phong cũng khoe có thể vận động các business ở Bolsa để họ giúp quảng cáo. Bùi Vĩnh Phúc than không biết giới kinh doanh thương mại nhiều, nhưng hứa sẽ thử vận động các bác sĩ trẻ anh quen. Lấy giấy ra tính thử, tự ra giá biểu quảng cáo, dự thảo phí tổn in ấn: Rồi, dễ ợt! Chỉ cần xin mười trang quảng cáo là dư sức qua cầu. Mỗi người có mặt phải xin hai trang quảng cáo. Số đầu ra vào tháng Năm 1985. Việc bài vở, trị sự được giao cho tôi lo (vì lúc đó tôi đang làm cho một tờ tuần báo nên thạo việc ấn loát báo chí hơn tất cả mọi người trên bàn nhậu).

Sau đó mỗi người một nơi, gặp nhau lại còn nhắc tới dự định ra báo, nhưng tránh nhắc tới chuyện xin quảng cáo để in báo. Hoàng Khởi Phong thú nhận xin quảng cáo cho một tạp chí văn chương không phải dễ như xin quảng cáo trên một tờ báo biếu. Anh đặt hết tin tưởng vào một ông bạn cũ bấy giờ làm chủ một loạt những tiệm đồ gỗ trên Los Angeles. "Thế nào hắn cũng cho một trang quảng cáo. Hắn đánh cá ngựa bạc vạn, một trang quảng cáo nhằm nhò gì".

Hoàng Khởi Phong dành một chiều cuối tuần lên tận Los Angeles tìm người bạn cũ nhà giàu. Kết quả rực rỡ quá sức tưởng tượng, nên phải vội triệu tập số anh em đã họp bàn hôm trước, mời thêm một số bạn mới. Người bạn Hoàng Khởi Phong không những đồng ý cho quảng cáo, mà còn đồng ý chi tiền in báo mỗi tháng. Anh giải thích rằng lợi tức anh quá lớn, đóng thuế quá nhiều, anh đứng làm chủ tờ Văn Học trên phương diện pháp lý (còn bài vở nội dung thì các bạn cầm bút muốn làm gì thì làm) thì anh được trừ bớt thuế, anh không móc tiền túi giúp Văn Học mà là dành một khoản tiền thuế để phục vụ văn hóa. Nghe thật dã! Chẳng những thế, anh còn đề nghị bên bỏ tiền (gồm anh và người Hoa cùng hùn hạp làm ăn với anh) và anh em Văn Học nên gặp nhau để bàn cho rõ mọi điều, tránh những ngộ nhận về sau. Trời! Đúng là ông trời còn có lòng với văn chương! Một chủ nhật cuối tháng Ba, hai bên đã gặp nhau ở quận Cam, rồi kéo nhau xuống San Diego gặp Lê Tất Điều, vì cả hai phía đều muốn mời cho được anh Điều làm chủ bút. Nhà văn Lê Tất Điều và anh bạn bảo trợ tờ báo có ân tình cũ với nhau nên mọi việc càng dễ dàng hơn. Sau cuộc họp mặt hào hứng ở San Diego, lại thêm một tin vui khác: anh Điều đã điện thoại và nhà văn võ Phiến bằng lòng đứng tên chủ nhiệm.

Tên báo thì thay vì lấy một tên mới, tại sao không tục bản tờ Văn Học Nghệ Thuật của hai nhà văn uy tín Võ Phiến, Lê Tất Điều?

Mọi sự từ vấn đề tài chánh cho tới nhận sự, bài vở đều diễn tiến tốt đẹp. Tôi thạo việc xếp chữ, sửa bài và in báo, thích hợp với vai trò thư ký tòa soạn.

Khoảng đầu tháng Tư, việc thu thập bài vở và xếp chữ đã gần xong cho số đầu tiên thì tôi nhận cú điện thoại của anh bạn bảo trợ, cho biết vì lý do riêng anh quyết định không bỏ tiền làm báo nữa. Mọi người được tin, chưng hửng, không biết tính sao. Tôi là người bị kẹt nhất, vì đã đưa bài thuê người đánh máy, và ỷ y vào khoản tiền sẽ ứng trước của ông bạn quý để thanh toán cho người ta. Tin Văn Học Nghệ Thuật tục bản đã bay khắp mọi nơi, các bạn văn khắp nơi đã gửi bài về, bây giờ đột nhiên dẹp tiệm, coi sao được. Nhìn quanh, ai cũng nản. Tôi liều, hứa với nhà văn Võ Phiến và anh Lê Tất Điều là sẽ tự xoay sở để báo ra đúng hạn như đã quảng cáo. Tôi mới ở trại tị nạn qua chưa lâu, nhu cầu đời sống chưa nhiều, ăn ở sao cũng được, nên tôi nghĩ tiền làm báo thuê hằng tháng đủ để trả tiền in tờ tạp chí văn chương. Chẳng lẽ thời nào văn chương cũng cần trợ cấp mới sống?

Văn Học Nghệ Thuật bộ mới tục bản sau ba năm đình bản trong tình huống như vậy.

Trừ những vất vả về tài chánh do một mình tôi phải đương đầu, tờ báo được rất nhiều thuận lợi về mặt uy tín và bài vở. Văn Học Nghệ Thuật bộ mới được thừa hưởng uy tín của Văn Học Nghệ Thuật bộ cũ do hai nhà văn Võ Phiến và Lê Tất Điều chủ trương, cộng thêm bài vở đóng góp của những cây bút mới tôi quen trong thời gian phụ trách trang văn học của tờ tuần báo. Có thể nói Văn Học Nghệ Thuật là chỗ gặp gỡ của người cầm bút Việt nam hải ngoại thuộc nhiều thế hệ, nhờ vậy số người đọc gia tăng nhanh, gánh nặng tiền nong có nhẹ bớt phần nào. Số tiền bù lỗ hằng tháng dần dà giảm đi. Anh em trong ban chủ biên đều vui, vì mặc dù ra báo ở cái thế chẳng dặng đừng, nhưng báo vẫn ra, vẫn sống.

Tuy vậy, khó khăn vẫn chưa hết. Tờ Văn Học Nghệ Thuật bộ mới ra đời chưa đầy một năm, thì chính tôi lại bị làm mục tiêu của một chiến dịch chụp mũ, chửi bới, do tập 1 của bộ trường thiên Mùa Biển Động. Không khí tranh luận trên báo chí lúc đó đôi khi đi quá cái tiêu chuẩn khách quan ôn tồn cần có của văn chương. Nhà văn Võ Phiến và nhà văn Lê Tất Điều e ngại cho tờ báo, muốn tôi thôi làm thư ký tòa soạn. Đây là kỷ niệm buồn nhất trong đời viết văn của tôi. Một lần nữa, tôi bị đẩy vào

cái thế chẳng đặng đừng. Văn Học Nghệ Thuật đình bản, và Văn Học số 1 ra đời, với những bạn văn chịu đứng tên vào ban chủ biên như một cách chứng tỏ thiện cảm và lòng tin cậy của họ đối với tôi. Thành thực mà nói, ngoài lòng đam mê văn chương, chính tự ái cá nhân đã là một động lực khác giúp tôi chịu đựng mọi khó khăn để giữ cho Văn Học sống cho tới ngày nay.

*

Văn Học ra đời trong một phút bốc đồng lãng mạn, và sống được cho tới nay vì lòng tự ái tầm thường và cái thế bất đắc dĩ? Tôi đã viết như thế sao? Không. Không. Nếu tôi đã viết thế nào để bạn đọc kết luận như vậy, là tôi đã quan trọng hóa mình quá nhiều. Nhất định không phải như vậy. Không có bài vở của các văn hữu tứ phương gửi về, Văn Học không thể sống tới ngày nay. Quá lắm tôi chỉ làm được một việc rất nhỏ: liên lạc với những bạn cầm bút, sửa chính tả, trình bày cho bài viết được in ấn trung thực, trang nhã đúng ý tác giả, phổ biến tác phẩm đó đến bạn đọc. Từ trước tới sau, Văn Học chưa hề trả nhuận bút cho tác giả, một điều đáng lý tờ báo nào cũng phải làm. Vào những giai đoạn tài chánh khó khăn, nhiều nhà văn uy tín còn lấy làm ái ngại cho sinh mệnh của Văn Học, đã gửi bài còn gửi thêm tiền đóng góp cho Văn Học. Nếu nói ân nghĩa, thì Văn Học chịu ân của không biết bao nhiêu bạn viết cũng như bạn đọc. Với hỗ trợ tinh thần lẫn tài chánh đáng cảm động ấy, đáng lý Văn Học phải ổn định. Sự thực không được như vậy. Cho đến số 44 vừa qua, chưa tháng nào việc thu chi của Văn Học được quân bình. Tiền bù lỗ hằng tháng tuy không nhiều, lên xuống tùy theo số tiền thanh toán của các hiệu sách và tiền độc giả gia hạn về nhanh chậm, nhưng nói chung chừng hai, ba trăm Mỹ kim. Có tình trạng đó do tôi yếu kém về mặt quản trị và giao tế.

Tờ báo in xong giá vẫn mỗi số là 1,5 Mỹ kim. Theo cách định giá thông thường của các nhà phát hành sách, mỗi cuốn Văn Học đáng lý phải 5 Mỹ kim (vì còn trừ tiền bưu phí và hoa hồng cho các hiệu sách). Giá báo không cao như giá sách vì báo có khoản phụ thu là quảng cáo. Nhưng tôi lại quá kém tài trong việc giao tế để xin quảng cáo. Nhiều chỗ tôi đã liều lĩnh đến xin quảng cáo cho Văn Học, khi bị họ nghiêm mặt từ chối, tôi đỏ mặt, ngượng đến cả tháng. Nhiều thân chủ thuận quảng cáo rồi không chịu trả tiền, tôi cũng loay hoay không biết phải đòi cách nào. Thì đành phải bù lỗ vậy. Chịu đựng như vậy bao năm nay. Cho đến lúc gần đây, tôi tự hỏi: Hay chính mình là trở ngại chính cho Văn Học phát

triển?

Phải, với một người khác xông xáo năng động hơn, Văn Học sẽ thoát khỏi tình trạng trì trệ về quản trị. Cũng có thể Văn học vì thiếu chất thời sự, quá nghiêm túc mà không mở rộng được số độc giả? Nhiều cách giải thích khác nhau, nhưng rút lại, tôi tự thấy Văn học cần một sinh khí mới cho một giai đoạn mới. Tôi đem tâm sự này ra bàn với một số bạn trong ban chủ biên, và hai anh Hoàng Khởi Phong và Cao Xuân Huy đã nhận tiếp sức tôi, thay tôi điều hành tiếp tờ Văn Học.

Bữa họp mặt cao hứng ở đường Dapplegray có Hoàng Khởi Phong và Cao Xuân Huy. Hai bạn đã chứng kiến từ đầu các diễn tiến của tờ Văn Học, thì nay các bạn góp tay tiếp tục duy trì, phát triển tờ báo. Và cũng như tôi, cả hai bạn đều biết rõ là nếu không có sự đóng góp thân tình của các bạn văn bốn phương, không có lòng yêu mến lâu nay các bạn đọc dành cho Văn Học, thì Văn Học không thể tồn tại. Văn Học không có gì đổi thay, Văn Học chỉ bước thêm một bước mới, đẹp hơn, vững hơn. Tôi tin như vậy.

Nguyễn Mộng Giác

Xin thông báo cùng văn hữu và độc giả:
Kể từ số 45 Văn Học đổi địa chỉ:
VĂN HỌC
PO Box 3192
Tustin CA 92680
Điện thoại:
Cao Xuân Huy: (714) 544.7650
Nguyễn Vinh Hiển: (714) 893.6242
Mọi bài vở, thư từ liên lạc, chi phiếu xin gửi về địa chỉ mới.

Văn Học giới thiệu những cây bút trẻ ở Pháp

Văn Học số 42 giới thiệu một loạt các cây bút mới ở Úc. Nói cho đúng công việc của Văn Học là đăng một số bài của các cây bút trong tờ Tập họp. Đó là tên của một tạp chí thuần chất văn chương do các anh Thường Quán, Hoàng Ngọc Tuấn, Cheo Reo, Cao Huy... đã xuất bản tại Úc. Cái việc nhỏ của Văn Học nhằm đem một số khuôn mặt ở một phương trời xa, giới thiệu với độc giả của Văn Học trên thế giới, nào ngờ đã đánh động một phương trời xa khác, ở một lục địa khác: những người viết mới ở Âu châu nói chung và đặc biệt tại Pháp.

Do đó, trong số này, giống như tiền lệ, Văn Học 45 giới thiệu đến độc giả những cây bút mới ở Pháp. Trước tiên Văn Học xin cảm ơn chân thành nhà văn Trần Vũ, tác giả truyện ngắn rất hay "Ngôi Nhà Sau Lưng Văn Miếu" đã đăng trên Văn Học 41. Chính Trần Vũ đã thay mặt Văn Học ở Âu châu để liên lạc với các bạn của anh, thu góp bài vở và chuyển đến Văn Học.

Văn Học cũng xin lỗi các nhà văn Vũ Nam, Thế Uyên, Trân Sa, Diệu Tần... cùng một số những văn hữu khác đã không thể đi kịp bài trong số này mặc dù đã sắp chữ xong bởi vì số lượng bài của các cây bút Âu châu thật hùng hậu, ngoài Trần Vũ còn thêm 4 tác giả khác: Ngọc Khôi, Sĩ Liêm, Văn Cũng Thường, và một cây bút nữ: Nhược Thủy.

Văn Học cầu chúc cho các cây bút ở Âu châu sớm hình thành được một tờ báo riêng như Tập Họp ở Úc và với ước mong rằng sau số đặc biệt này Văn Học sẽ luôn nhận được bài viết của các bạn từ Âu và Úc châu.

Văn Học

Trần Vũ

HÀNH LANG TÂM THẦN

Tôi sống ở Pháp trên mười lăm năm thì kết mối giao tình với Charles. Sự gặp gỡ rồi quen biết giữa hai chúng tôi cũng khá lạ. Bắt đầu bằng một câu chuyện. Thật ra, nói cho đúng trước câu chuyện, tôi đã có gặp Charles vài lần trong hành lang mỗi khi cùng lấy chung thang máy. Charles lúc đó đã là bác sĩ phân tâm học Charles Morin, mở phòng mạch trong tòa nhà mà tôi mướn appartement.

Nhìn bên ngoài thì Charles Morin có nhân dáng của người trí thức tuổi độ trung niên. Đôi kính thuốc gọng vàng, cà vạt màu huyết dụ, lối phục sức thanh nhã và tướng đi thật đàn ông.

Tôi không nhớ rõ thời điểm nào, khi lần đầu tiên đến khám bệnh ở phòng mạch của Charles. Thời gian đó trong đầu tôi có một khoảng trống. Thứ khoảng trống rỗng của não bộ! Vâng, tôi không được bình thường khi ấy. Bước vào tuổi trung niên, tôi bất ngờ chạm trán với sự khủng hoảng khủng khiếp xảy ra cho một người đàn ông sống độc thân quá lâu. Cơn khủng hoảng đổ ập xuống người tôi, dễ sợ, hãi hùng, không kém một cơn bão nội tâm tàn phá! Tôi rơi không kềm giữ vào tình trạng xuống tinh thần ở mức thấp nhất. Tôi lo buồn, sợ hãi, ray rứt vì đời sống của chính mình. Nỗi cô đơn lạc lõng suốt mười lăm năm như đã đến điểm dứt hơi chót của chịu đựng. Tôi bắt gặp mình một hôm khóc òa trước gương như trẻ thơ. Tôi than thân trách phận, rồi mặc cảm thua thiệt bằng cấp, thua sút người đời khiến tôi thù ghét tất cả mọi người. Tôi căm thù cả bọn đàn bà, những con đàn bà mà tôi thèm muốn vì dồn nén sinh lý. Cơn bão khủng hoảng rưới ào lên người tôi ý nghĩ mình sống thừa thãi. Không ai cần tới tôi, sự hiện diện của tôi trên quả đất hoàn toàn không cần thiết.

Suốt ngày nếu không khóc lóc, kể lể một mình trước gương, không xem những phim ái tình cụp lạc để tự thỏa mãn, thì tôi ra ngồi hàng giờ nơi cửa sổ nghĩ đến việc tự tử. Dễ lắm, chỉ việc leo qua lan can, nhảy xuống mặt đường sâu hút bên dưới là chấm dứt tất cả. Thế nhưng, tôi không đủ can đảm để tự hủy một mình. Tôi nằm chết một chỗ trong nhà, nhiều tháng liền, không đi làm, không dạo phố, chỉ nhìn đăm đăm lên trần nhà trắng bệch bệnh hoạn, suy nghĩ cùng thao thức. Trong tôi có ý nghĩ rõ rệt mình là một sinh vật thừa, một con vật bất lực trước sự sống.

Đến lúc không còn chịu đựng nổi, lúc ý nghĩ phải nhờ một người ngoài giúp mình tìm một lối thoát, xô đẩy, hối thúc tôi vào phòng mạch của Charles ở cùng lầu, thì cơn khủng hoảng đã tàn phá hơn ba phần tư con người tôi. Tôi là một xác chết lững thững bước vào phòng mạch của Charles, cái xác đã rơi lưng chừng giữa vực thẳm. Trọn vẹn thân thể tôi đã ở trong khoảng không, chỉ chực ngã nhào xuống vực sâu tối đen bên dưới. Cả đầu và mắt tôi cũng đã nhìn xuống khoảng tối dưới chân, chỉ còn mười ngón tay còn bấu víu vào sợi dây leo mọc vắt bên ven bờ vực.

Charles là sợi dây leo đó!

Tôi ngồi trước bureau của Charles, bắt đều kể những ám ảnh thần kinh, nỗi lo lắng hãi hùng ngao ngán cho thân phận con người, cùng sự tuyệt vọng của chính bản thân tôi. Tôi đặt trên mặt bàn làm việc nhẵn thín của Charles hàng trăm câu hỏi. Tôi là ai? Tại sao Tôi ở đây? Tại sao xã hội này ruồng bỏ Tôi? Tại sao Tôi không có người đàn ba nào bên cạnh? Tại sao Tôi không phải là đàn bà? Sống là gì? Thượng đế ở đâu? Tại sao bày trò thử thách con người và chờ đến bao giờ mới là ngày phán xét cuối? Tôi nói thẳng tôi không đến gặp Charles để Charles ký giấy giới thiệu tôi đi bệnh viện tâm thần. Tôi chỉ muốn Charles khẳng định rõ ràng một lần, với khả năng chuyên môn, với tư cách bác sĩ, tôi là một sản phẩm bất thường của Thượng đế. Không có loại thuốc an thần nào có thể chữa chạy trường hợp của tôi. Tôi cần sự sáng suốt của Charles để bình yên ra đi, an tâm làm cái việc tự hủy mà tôi luôn luôn nghĩ tới.

Trong yên lặng của căn buồng khám bệnh, Charles ngồi lơ đãng nghe tôi nói. Khuôn mặt Charles phẳng lì như tượng đá, không mảy may xúc động, không có vẻ gì là sửng sốt hay quan tâm chú ý đến những điều tôi giãi bày. Charles làm như không có mặt tôi ở đó, để yên cho tôi thao thao bất tuyệt với cơn ám ảnh của mình một hồi cho đến khi tôi ngừng nói, thì Charles mới chịu thả lơi tia nhìn hờ hững lên người tôi. Đôi mắt nhìn sau lớp kính, phản rọi ánh điện vàng từ chụp đèn bàn, cũng chỉ ngắm tôi vài giây rồi lại hướng ra cửa sổ, chìm đắm vào thế giới lao xao bên ngoài. Charles ngồi thờ ơ như thế trong ghế bành bọc da, chỉ làm một cử động duy nhất là thu hai bàn tay đang đặt trên bàn về trước bụng. Tôi ngừng nói, phòng khám bệnh im lặng đến ngộp thở. Charles tiếp tục im lìm bất động, gần như biến thành thứ đồ vật trang trí của căn buồng. Một tủ gỗ cao chất đầy sách. Một bàn khám cá nhân. Một bồn rửa... Charles là một trong những thứ đó, chập choạng trong thứ ánh điện lờ mờ. Đến lúc sự im lặng trở thành ngột ngạt đến độ không còn chịu đựng nổi, tôi há miệng

định nói thì Charles bỗng đột ngột ngắt lời tôi.

– Tôi rất tiếc không thể giúp gì cho ông!

Thứ tiếng Pháp sắc, gọn, phát âm rõ từng chữ cất lên mạnh mẽ vang âm trong phòng. Thái độ bất cần gần như xua đuổi của Charles chợt làm tôi khó chịu. Tôi vụt thù ghét cả thế giới, chủng tộc da trắng. Trong đầu tôi vụt nẩy sinh ý tưởng giết người. Phải, tại sao tôi chỉ nghĩ đến việc tự giết mình mà không nghĩ rằng mình có thể giết người khác? Nếu giết người là một lối thoát? Charles kéo tôi ra khỏi mớ tư tưởng hỗn độn.

– Tôi không thể trả lời những câu hỏi của ông. Cũng không có thứ thuốc an thần nào chữa được sự bất bình thường của não bộ. Tôi không có quyền khuyên ông tự sát, nhưng tôi cũng không cấm ông làm việc đó, vì giản dị là tôi cũng muốn tự giải quyết mình bằng cách ấy!

– Docteur nói sao?

– Tôi nói tôi cùng mang một tâm trạng khủng hoảng như ông, song có lẽ còn nặng hơn căn bệnh của ông gấp bội phần vì đã kéo dài quá lâu rồi!

Charles nhìn tôi lạnh lùng, ánh mắt gần như thù hận ghét bỏ. Như thể tôi vừa xúc phạm đụng chạm vào thế giới khủng hoảng riêng của hắn. Trên khuôn mặt phẳng lì một ánh đèn, bây giờ tôi mới thấy phảng phất một nỗi buồn của tượng đá. Nỗi buồn sâu gẫy theo từng góc cạnh của sống mũi, khóe môi, quai hàm... Tôi tưởng chừng Charles sẽ đứng lên ngay xua đuổi tôi ra khỏi phòng để hắn yên với tủ sách im lìm, để hắn tiếp tục trầm ngâm suy lắng với bồn rửa, với cơn khủng hoảng gậm nhấm trên mặt bàn khám... Nhưng Charles lại lên tiếng, giọng nói vụt thay đổi run run, yếu đuối.

– Ông làm tôi nhớ tới một người bệnh Da Vàng. Tôi không rõ có cùng quốc tịch với ông hay không nhưng biết chắc là người châu Á. Biết chắc? Đúng ra thì tôi chưa trông thấy con bệnh Da Vàng ấy bao giờ, chỉ được nghe kể. Ông biết đó, người Á châu các ông ít khi đi khám bác sĩ tâm thần lắm, thường khi người ta chở vào nhà thương điên thì đều là những trường hợp thật nặng vô phương cứu chữa. Xin lỗi, tôi không muốn ám chỉ bệnh lý thần kinh của ông, nhưng đó là "cas" mà tôi được nghe kể. Trong trường hợp thế nào mà tôi được nghe kể thì dài dòng lắm... chính là khởi đầu của cơn khủng hoảng mà tôi mang trong mình hơn mười năm nay. Tôi... ông có muốn nghe câu chuyện đó hay không?

Charles ngập ngừng, bối rối, như muốn giấu diếm điều gì đó vừa lỡ lời. Hắn nuốt nước bọt, thất thần, vẻ tự tin thường nhật trong hành lang,

hay trong thang máy hoàn toàn biến mất. Charles có vẻ an tâm trở lại khi thấy tôi không có phản ứng. Giọng nói của Charles thôi cáu kỉnh, dịu xuống, đôi lúc sôi nổi như thể sống lại cùng với quá khứ...

Trong đời người, chỉ có một mối tình để lại dấu vết hằn sâu hơn hết. Mối tình lớn, hiểu theo nghĩa si mê điên cuồng, bất chấp, đam mê dục vọng lấn át cả trí tuệ mà mình không kiểm soát được. Mối tình đó đến với tôi cách đây trên mười năm. Khi ấy tôi vừa đậu trường Thuốc, ra trường với mảnh bằng phân tâm học. Gia đình tôi vốn dòng dõi thợ thuyền, nên tôi đã phải vất vả bảy năm sinh viên vừa học vừa làm mới giật được mảnh bằng chuyên khoa của bộ môn mà tôi say mê. Tôi sung sướng ngỡ đời mình từ nay phú quý. Nhưng thực tế không dễ dàng vậy. Ngành phâm tâm học là một ngành khó. Khó học lẫn cả khó kiếm tiền! Sau năm lần bị các bệnh viện Tâm Trí từ chối, vì số đơn nộp của bọn y sĩ ra trường quá nhiều mà tôi ra trường đậu gần chót. Dù sao tôi vẫn hãnh diện vì vừa học vừa đi làm, đậu được đã là khá. Không được nhận nội trú ở bệnh viện tôi không nản chí, vay tiền nhà băng ra mở phòng mạch. Dạo đó mượn tiền ngân hàng đã khó, không có ai bảo lãnh rốt cuộc tôi chỉ mượn được một số tiền nhỏ, đủ sang một căn gác mở phòng mạch nhỏ trong khu phố lao động, nhiều di dân. Tuy vậy tôi mừng lắm. Ngày khai trương phòng mạch đầu tiên trong đời mình, tôi hăm hở, hân hoan như là đứa trẻ. Tôi đã thành công! Đã làm tăng thế giá của gia đình, đem vẻ vang cho dòng họ bao nhiêu thế hệ làm thợ thuyền. Tôi bước vào thế giới khoa bảng, nhưng không bỏ rơi cội nguồn của mình vì chắc mẩm khu phố đông người chung quanh sẽ cung cấp cho tôi nhiều thân chủ thuộc giới bình dân. Nhưng tôi đã lầm lẫn tai hại. Không phải đâu, không phải vì giới lao động tay chân không có những vấn đề phức tạp đau đầu mà không đi bác sĩ. Họ có chứ, nhưng rất ít khi, hay không bao giờ bén mảng đến phòng mạch những nhà phân tâm học như tôi. Tôi sớm vỡ lẽ ra rằng đa số di dân sinh sống trong khu vực mình vì nhập cảnh lậu, không được hưởng quy chế an sinh. Tôi cũng khám phá ra nguyên nhân sâu xa khiến mình ế khách, là các sắc dân Trung Đông, châu Phi, châu Á, đều ưa bói toán, đoán điềm giải mộng, hoặc cầu hồn để trấn áp các vấn đề tâm linh trong người. Họ tin vào khoa học huyền bí cổ truyền của họ hơn là thứ khoa học luận lý có phân tích và chứng minh của chúng tôi. Mở phòng mạch một năm mà tôi chưa mua nổi xe hơi, không dám đi nghỉ hè, nhà còn ở thuê như hồi còn sinh viên chưa ra trường.

Thế nhưng tôi không chịu thua. Tôi đã kiên trì deo đuổi bảy năm

trường Thuốc, dễ gì chịu bỏ cuộc. Giới lao động di dân không xong, tôi chuyển hướng nhìn về giới trưởng giả phong lưu truyền thống của xã hội Pháp. Đúng rồi, chỉ có những kẻ lắm của cải mới hay lo sợ, nghĩ ngợi đủ thứ chuyện. Làm thế nào để không mất của? Làm thế nào để giàu thêm? Từ chỗ lo nghĩ đến chỗ có những vấn đề thần kinh chỉ có một bước.

Tôi sung sướng tìm ra chân lý kinh doanh. Xúc tiến việc chỉnh trang phòng khám bệnh cho phù hợp với nơi chốn lui tới của giới nhà giàu. Không mượn được tiền ngân hàng nữa, tôi xuống tỉnh vay tiền của bà cụ thân sinh. Thượng đế chứng giám cho tôi là hôm đó bà cụ tôi đã khóc ròng khi nghe tôi hỏi mượn tiền. Tôi thề thốt sẽ hoàn trả số tiền trong vòng một năm. Tôi là con trai độc nhất của gia đình, bà cụ rưng rưng mở tủ lấy số tiền dành dụm hưu trí. Nhưng hỡi ôi, món tiền to tát đối với bà chỉ là muối bỏ biển so với vật giá đắt đỏ ở kinh đô. Chúng chỉ đủ giúp tôi đặt một tấm biển bằng đồng lớn, chạm nổi tên họ mình với hàng chữ "Tốt Nghiệp Đại học Y Khoa Paris". Giúp tôi sơn lại trần phòng mạch vôi đã vàng ố. Tôi thay được lớp nỉ lót chân, sắm được bộ màn cửa mới, mua thêm bốn chiếc ghế nệm bọc da đặt ở phòng đợi, và... chỉ có thế. Quả nhiên ba tuần sau tôi có khách, loại khách nhà giàu như tôi dự đoán. Những bà trưởng giả sồn sồn đến tìm tôi chỉ để kể lể những chuyện ghen tuông vặt vãnh, chẳng hạn cách phục sức lố lăng đỏm dáng của con em họ làm bà khó chịu, mùi nước hoa rẻ tiền của cô ấy làm bà nhức đầu và đeo đuổi bà mãi tận vào trong giấc ngủ! Những ông già bụng phệ thì tâm sự với tôi, không biết sao bước vào tuổi ngũ tuần các ông thường nằm mơ nhớ lại lần ân ái đầu tiên. Và cứ mỗi lần sắp làm tình với người con gái đầu tiên trong đời, liền bị tiếng ngáy của vợ phá giấc mộng! Những câu chuyện của họ khá giống nhau, chẳng mấy gì hào hứng, nhưng tôi lấy làm thú vị vì ngỡ mình đang thành công trong thương trường. Phải, mở phòng mạch cũng là một cách kinh doanh như mở một xí nghiệp.

Nhưng rất nhanh tôi lại ế khách dần và chẳng mấy chốc không còn ai lui tới. Tôi... là một tên y sĩ phân tâm thất bại! Tôi học phân tâm mà không nắm nổi tâm lý nhỏ nhen tầm thường của con người. Những con bệnh nhà giàu bỏ rơi tôi vì phòng mạch không có thư ký trực điện thoại lấy hẹn. Không có y tá trẻ đẹp lăng xăng lập phiếu bệnh lý. Trò đời thế đấy. Không có tiền mướn người tức là tôi không kiếm ra tiền, không phải một bác sĩ giỏi!

Bước sang năm thứ hai phòng mạch tôi sa sút thảm hại. Thuế má bắt đầu tới, tiền này tiền nọ đổ dồn về. Thời hạn một năm đã qua mà tôi chưa

có tiền trả bà cụ thân sinh, lại nợ nhà băng như chúa Chổm. Cơn khủng hoảng tài chánh kéo tới bắt buộc, xầm xập vô phương cứu chữa. Tôi rơi vào tình trạng bị ám ảnh về tiền bạc, nhìn đâu cũng nghĩ cách trục lợi.

Tệ nhất là đám bạn cùng khóa tôi thì thành công rực rỡ, mở hết cabinet này đến dưỡng đường nọ. Không có lấy một đứa mở miệng mời tôi về làm chung, trông coi một phần cơ sở cho chúng. Trong giới y khoa ai cũng biết tôi là một tên y sĩ thất bại, không ai muốn dây vào sợ mang lây tiếng "thất bại" xui xẻo đó. Tôi cay đắng chán chường tột độ. Cơn khủng hoảng dấy lên từng chặp ở mỗi tiếng điện thoại reo, bà cụ thân sinh tôi gọi lên đòi tiền. Ở khốn cùng của tuyệt vọng thì tôi gặp Eugénie.

Eugénie, người đàn bà mà tôi nhớ mãi!

Nàng đẹp lắm, thứ nhan sắc chín mùi của người đàn bà bước vào tuổi ba mươi, phơi phới chín mọng nụ tình. Ngay hôm đầu tiên tôi đã bị đôi mắt trong suốt màu lục của nàng thôi miên. Đôi mắt chạm trên khuôn mặt được tạo hóa điêu khắc tuyệt mỹ. Sóng mũi nàng thanh tú lần xuống bờ môi đỏ rực như được nặn ra để đón nhận những nụ hôn. Eugénie còn đẹp toàn vẹn ở thân hình nảy nở, cân đối. Chúng tôi bắt đầu hẹn hò với nhau mỗi buổi trưa. Trời mùa xuân mưa lấm tấm, nàng băng qua đường vạt áo đầm bập bềnh phấp phới. Tôi ngồi trong quán, sau cửa kính hồi hộp theo dõi vạt áo lên xuống trước gió, phơi bày từng lúc khoảng da đùi trắng nõn. Chúng tôi uống với nhau chung một ly cognac, không chuyện trò nhưng trao đổi với nhau bằng mắt. Trong tình yêu, chính sự rung cảm mới là quan trọng, lời nói đôi lúc không còn cần thiết. Tôi đưa nàng về phòng mạch, không dám dẫn về căn gác trọ tiêu điều của mình. Cánh cửa gỗ vừa khép là chúng tôi ôm choàng lấy nhau, hối hả thuộc về nhau. Tôi hôn đắm đuối lên mặt, lên cổ nàng. Tiếng thở nàng hổn hển, hai cánh tay như đôi vòi bạch tuộc quấn quít, níu lấy tôi không rời. Tôi đặt nàng lên bàn khám. Đôi mắt nàng khép hờ, môi hé mở, ngực phập phồng lên xuống. Tôi cúi xuống, mê man, tan biến vào giữa hai hàng cúc áo vừa bật tung. Mười ngón tay nàng co quắp rồi xòe ra bấu vào nệm. Tôi ghì lấy vòng eo thắt lưng của Eugénie, thỏa mãn sống cái cảnh tượng ân ái với con bệnh mà tôi đã từng nghĩ đến. Buổi trưa, nắng ập vào phòng mạch, soi rõ hai cái bóng người gian díu vụng trộm trên tường. Bốn bức tường thâu trọn tiếng rên rỉ, đê mê khoái cảm của cả hai. Không gian là khoảng lưng trắng ngần của nàng điểm một nốt ruồi son. Phần da thịt thơm mát, sáng lóng lánh mỗi khi hạt nắng rơi vỡ bên trên. Lẫn với những nụ hôn tham lam, cái cắn môi, là những tiếng gọi yêu thương âu yếm, ban phát

và đón nhận. Nàng chỉ cất tiếng kêu thất thanh, thảng thốt ở phút cuối khi rướn người lên siết vòng lấy bả vai tôi.

Chúng tôi gian díu với nhau suốt mùa xuân, đến hè. Những trưa mùa hạ, tôi ngồi sau bureau ngắm nàng khỏa thân đi lại trước cửa sổ. Nắng hè lồ lộ đắp điếm thân thể nàng. Eugénie giả làm thân chủ, khai những cơn bệnh sinh lý và tôi tìm cách chữa chạy. Chúng tôi có thể bày những trò chơi phóng đãng như thế hàng giờ không chán. Đôi khi cả buổi cả hai không hề mở lời, chỉ tìm bắt tia mắt, thân thể của lẫn nhau. Hôn vùi lên từng phân ô vuông da thịt của lẫn nhau. Không cần nói rõ cũng biết là thời gian đó tôi xao lãng phòng mạch. Tôi tìm quên cơn khủng hoảng tài chánh bằng cách thả rơi mê đắm vào cuộc tình si mê, choáng ngợp với nàng. Chính nàng cho tôi tiền trả tiền thuê phòng mạch mỗi cuối tháng. Dĩ nhiên là chuyện đó khó kéo dài... Tôi thường bắt gặp mình trơ trọi một mình đối diện với cơn khủng hoảng ban đầu chưa giải quyết, sau mỗi khi nàng ra về. Bà cụ thân sinh ra tôi vẫn đều đặn điện thoại lên hàng tuần. Đến khi những khao khát thầm kín, những ước muốn nhục thể dồn nén của bảy năm sinh viên cô độc mà tôi bày cho Eugénie thực hiện để thỏa mãn, cũng không còn hiệu lực đẩy lùi thực tế trước mắt, thì chúng tôi bắt đầu nghĩ đến chuyện chung sống dài lâu.

Phải tìm một lối thoát, vì cả tôi và nàng đều biết hai chúng tôi không thể sống thiếu nhau. Lối thoát? Đúng, vì Eugénie đã có chồng. Đến đây tôi không dấu, chồng nàng chính là giáo sư Raymond Garrot, phân khoa trưởng, thầy học cũ của tôi. Lão Garrot mà tôi ghét cay ghét đắng, người đã phê điểm xấu cho tôi trong mỗi kỳ chấm thi. Lão chưa bao giờ đi làm gác dan đêm để biết cái cực nhọc, mệt mỏi của thằng sinh viên buổi sáng vào phòng thi, đôi mắt cay sè, bụng đói cồn cào, chân đi không vững? Garrot hơn Eugénie hai mươi tuổi. Cuộc đời lão là một chuỗi thành công bất tận. Có lẽ lúc xưa Eugénie khi còn là cô nữ sinh viên trường Thuốc nhận lời lấy Garrot, cũng vì tiền bạc hào quang danh vọng. Nhưng với thời gian giáo sư Garrot già đi và Eugénie thực sự trở thành đàn bà. Đàn bà đúng với định nghĩa của nó là khao khát, tìm kiếm, nồng cháy, dữ dội...! Và, tôi là sự trái ngược với Garrot. Gã lớn tuổi, tôi còn trẻ. Gã thành công, tôi thất bại. Gã giàu có, tôi nghèo mạt. Gã kinh nghiệm, tôi ngu ngơ. Gã trầm tĩnh, tôi sôi nổi. Tôi và Garrot là hai thái cực. Eugénie tìm đến với tôi, như ham muốn của loài người thèm khát khám phá mặt bên kia, phần dấu kín của mặt trăng.

Những trưa mùa hè (chúng tôi chưa bao giờ được cùng nhau ngắm

bầu trời đêm), nàng nằm lõa thể trên mặt thảm, tôi nằm cạnh vỗ về, ôm ấp lấy tấm thân mềm mịn của nàng và không ngớt thì thào bên tai dụ dỗ nàng dứt khoát. Eugénie chỉ khẽ gật gù, mắt mở lớn nhìn lên chụp đèn trần lượn lờ bên trên. Phải loại trừ Garrot! Tôi nói ra cái ý nghĩ giết người của mình với giọng nói ngọt ngào đằm thắm nhất. Tôi nói tôi muốn nàng hiểu là tôi yêu nàng hơn tất cả mọi thứ trên thế gian này. Tôi muốn sống những đêm trắng hoan lạc trọn vẹn với nàng, không chỉ sống vụng trộm, ân ái hối hả và lén lút trong một vài giờ rồi mất nhau. Tôi không muốn nàng thuộc về Garrot nữa, nhưng là của tôi, công khai và vĩnh viễn. Tôi cũng nói rõ là tôi không muốn Eugénie ly dị. Tiền bạc trong ngân hàng, đất đai, nhà cửa của chìm của nổi Garrot đều đứng tên. Ly dị, Eugénie sẽ không được gì ngoài tiền cấp dưỡng. Trái lại nếu Garrot qua đời, nàng sẽ có tất cả theo như tờ di chúc đã viết sẵn. Eugénie yên lặng lúc tôi đòi hỏi nàng phải chọn lựa giữa tôi và lão Garrot. Nàng để yên cho bàn tay tôi hăm hở, mơn trớn, ve vuốt trên bụng. Những vòng tròn vô hình tôi vẽ quanh rốn Eugénie lớn dần ra mãi, cho đến lúc nàng chợt bấu vào mu bàn tay tôi ngăn lại. Tôi biết Eugénie hãy còn do dự.

Mười ngày sau hôm ép buộc Eugénie giết chồng thì lão Garrot mở tiệc. Lão vẫn thường mở tiệc luôn như thói quen của bọn trưởng giả. Bữa đó Garrot tổ chức buổi họp mặt dành riêng cho cựu sinh viên trường Thuốc đã từng theo học lão. Tôi đến dự với thèm muốn duy nhất là được trông thấy Eugénie buổi tối.

Lối đi trải sỏi, nắng tắt lịm và mây tím đùn lên vây kín ngôi biệt thự có vườn rộng mênh mông. Quan khách đã đông đủ, những khuôn mặt đạo đức giả và Eugénie từ thang lầu bước xuống. Lần đầu tiên trông thấy nàng trang điểm buổi tối, nên tôi rất xúc động. Nàng có vẻ rạng rỡ ướp đẫm hạnh phúc, trái ngược với khuôn mặt lo âu của buổi trưa cuối cùng ăn nằm với nhau. Eugénie trông thấy tôi liền cười mỉm. Khóe môi dầy đánh son bóng. Khóe mắt sâu viền xanh biếc và hai gò má ửng hồng phấn. Chiếc áo dạ hội tím rực cực kỳ diễm lệ có thêu kim tuyến, xẻ giữa, phô bầy đôi chân thuôn dài mang bas de fil đen của nàng. Eugénie bước xuống lầu, ở mỗi cử động hai chéo áo đằm mở ra, khép vào khêu gợi kích thích tâm tư tôi bần thần xao xuyến. Nàng xuống đến bậc thềm chìa tay cho tôi bắt. Một ánh đèn lạc lõng rơi nổi ửng trên ngực nàng. Chiếc áo xẻ một khoảng rộng sâu nơi cồn ngực vun đầy, mịn màng lên xuống nhẹ nhàng mỗi khi nàng thở. Chỗ trũng trắng ngần đó làm tôi ngây ngất. Những hình ảnh Eugénie lõa thể nhễ nhại tắm nắng trong phòng mạch

hiện ra trong đầu tôi hừng hực, bừng bừng không kềm chế. Nàng siết lấy năm ngón tay tôi kín đáo. Phút đó, tôi biết mình sắp phạm tội lấy vợ người ngay trong đêm nay, dưới mái nhà này.

Sau tuần champagne đầu tiên, khách khứa một số ra thăm vườn, một số bu quanh Garrot nghe lão kể những kinh nghiệm chữa bệnh tâm thần. Eugénie ra dấu cho tôi theo nàng lên lầu. Hai chúng tôi biến mất êm thấm ở chân cầu thang. Nàng bước mau lắm, lên thang thoăn thoắt như chạy trốn. Tôi bỗng có cảm tưởng mình đang đuổi bắt cái hạnh phúc lộng lẫy phía trước. Đôi chân tôi cũng gấp rút, đuổi bắt khoảng lưng trần lồ lộ và cặp đùi thon mang bas đen không ngừng ẩn hiện. Thân áo đầm tím chuyển dịch, khép mở mời gọi của Eugénie như có hấp lực thu hút tôi mãnh liệt. Tôi không rời gót chân nàng. Đôi giày tím mũi nhọn, đế cao, vang vang réo gọi trước mặt tôi. Tôi vụt nhận ra mình đang đuổi bắt cái hạnh phúc trưởng giả mà Garrot đang chiếm hữu. Eugénie chỉ ngừng lại ở tầng thượng. Cặp mắt màu lục nhìn chờ đợi. Không còn kiểm soát được mình nữa, tôi kéo nàng ra bao lơn, vục đầu hôn ghì khoảng ngực để hở. Eugénie chống cự yếu ớt, rướn người đón nhận trăm nghìn nụ hôn của tôi vỡ tung trên da thịt nàng. Trong lúc hấp tấp và mê đắm tôi còn tỉnh táo nhận ra mình vừa uống giọt mồ hôi mặn lấm tấm trên ngấn cổ đang lăn xuống gò ngực hâm hấp ấm của nàng. Tôi buông thả cho bản năng mình vồ vập lấy Eugénie. Búi tóc xổ tung, bệt son bóng, hương phấn ngào ngạt, nàng siết lấy tôi, hôn trả những nụ hôn khi run rẩy, lúc mạnh bạo dài thăm thẳm tưởng chừng nghẹt thở. Hình như mặc cảm tội lỗi, lo sợ bị khám phá bắt quả tang ngay trong nhà mình làm tăng sự kích dục ở Eugénie. Nàng thở dồn dập, tham lam nắm níu. Tôi đẩy nàng nép sát vách tường, trốn những cợn mây đêm đang ào ạt lướt trôi qua đầu. Dưới vườn có tiếng nhạc dương cầm vọng lên, tiếng chân nô đùa, trửng giỡn của bầy chó nuôi chạy rong trong vườn... Eugénie tì người vào tường tìm điểm tựa. Tôi luồn một tay vào áo nàng mơn man khoảng da trần. Bàn tay kia lần xuống thân thể nàng tìm kiếm. Eugénie thở mỗi lúc một gấp rút, mắt nhắm nghiền, vẻ mặt rã rượi. Nàng cố gắng co một chân lên, bắp đùi ghịt bas de fil đen lúc này rướn cao, cố mở rộng. Mùi nước hoa thơm lừng ngây ngất vây lấy tôi trên bao lơn ngôi biệt thự. Eugénie ôm cứng lấy tôi và lập lại ngoan ngoãn những điều tôi đòi hỏi.

– Giết Garrot?

– Vâng, giết Garrot!

– Tất cả thuộc về anh? Tài sản của Garrot và thân xác em?

– Vâng, tài sản của Garrot và thân xác em... tất cả!

Nàng khẽ mở mắt nhìn tôi rồi nhắm mắt lại, chìm đắm vào khoảng trời cuồn cuộn mây phía sau. Tôi trông thấy những cụm mây hoan lạc phản chiếu trong đôi mắt nàng. Tiếng dương cầm ở nhà dưới vọng lên đều đều, tiếp tục hòa tấu cùng với tiếng rên rỉ của Eugénie. Hơi thở đứt quãng của cả hai theo gió tỏa đi lồng lộng. Ở phút cuối, tôi có cảm giác hân hoan tuyệt diệu đã thành công, tước đoạt hết của Garrot những gì lão có. Garrot là tột đỉnh của thành công, tiền tài và danh vọng. Tôi phải thay thế lão bằng mọi cách, kể cả trục lợi người yêu. Tôi rùng mình vì khoái cảm sung sướng lẫn nỗi sợ hãi sắp giết người bắt đầu xâm chiếm.

Lúc chúng tôi trở xuống nhà dưới, sự vắng mặt quá lâu của cả hai khiến mọi người tò mò nhìn sững chúng tôi. Căn phòng khách đang ồn ào tự dưng im bặt, rồi tiếng xì xào bàn tán vụt trỗi lên. Tôi đứng chết trân ở chân cầu thang, lúng túng thầm trách mình quá vụng về, còn Eugénie mặt đỏ ửng, bối rối tránh nhìn Garrot. Giữa những tiếng xầm xì, khuôn mặt lão Garrot lầm lì dễ sợ. Lão nhìn chúng tôi lạnh lùng với ánh mắt của tên nhà giàu chai đá trước lời van xin của đứa ăn mày bần tiện. Lão muốn nói với tôi bằng mắt rằng lão bố thí cho tôi con đàn bà ấy. Rằng lão biết tôi mưu tính giết lão. Đôi mắt Garrot – đôi mắt của nhà phân tâm học – mà như lão nói, phải biết săm soi, mổ xẻ, phân tích và nhận xét.

– Đến đây nghe ta kể câu chuyện này!

Garrot vươn bàn tay lớn quá khổ làm cái cử chỉ mời mọc tôi và nàng gia nhập vào vòng tròn người đang vây lấy lão.

– Đến đây nghe một câu chuyện tâm thần đặc biệt mà ta biết chắc có ích cho các ngươi!

Cánh tay dài quá khổ lại vươn ra lần nữa, như thể Garrot muốn lùa tôi và nàng vào cái bẫy sập giương sẵn. Không còn cách nào khác cả hai đành ngồi xen kẽ vòng tròn. Garrot bắt đầu kể.

– Các ngươi biết đó, ta vừa giảng ở phân khoa, vừa trông coi dưỡng đường tư. Một lần có người đàn ông đến dưỡng đường xin khám bệnh thật lạ. Gã là người Á châu, mang nước da vàng bủng tái xanh của người sống nơi khuất ánh sáng. Nhìn dáng điệu thất thần, thân thể ốm lả và vẻ hoảng hốt thường trực trong mắt, ta biết con bệnh đã tới thời kỳ trầm trọng. Bước vào phòng, gã nói ngay là mắc bệnh khủng hoảng và xin được chạy chữa. Ta bảo gã khai bệnh. Người đàn ông chợt thất sắc, như người có tội bị hỏi cung. Con bệnh do dự đến cả mười phút, nửa muốn giấu diếm chuyện riêng, nửa muốn được cứu vớt. Ta phải ngỏ lời khích lệ, cam kết

giữ kín lời khai bệnh theo luật y khoa, bệnh nhân mới chịu kể. Càng kể, da mặt gã càng vàng bủng. Giọng nói phát âm tiếng Tây không mấy đúng, lắp bắp, ban đầu chậm rời rạc rồi nhanh dần, thao thao như bị một lực vô hình cuốn hút không cưỡng lại được.

...Tôi đi lính Cộng hòa năm 68, sau trận Mậu Thân. Tôi... thuở nhỏ có chơi thân với một thằng bạn cùng hẻm, học chung lớp ở trường tên Tiến. Bạn tôi... nó học giỏi lắm, làm trưởng lớp bảy năm trung học liền. Tôi ngược lại là thằng ham chơi, luôn đứng gần chót lớp. Lẽ thường thì thằng trưởng lớp ít giao du với thằng đội sổ, nhưng tôi đã nói, hai đứa ở cùng ngõ hẻm chơi thân với nhau từ tấm bé. Suốt thời gian trung học, mỗi kỳ khảo hạch, tôi hay "quay" bài của Tiến nhờ thế mà lên lớp đều. Dĩ nhiên là tôi có hãnh diện đi cặp kè với thằng bạn học giỏi, con cưng của các sư huynh. Nhưng cùng với niềm hãnh diện lâng lâng, nhẹ nhàng bay bổng với tình bạn, còn có cái gì như là tị hiềm, ghen tuông âm thầm nặng nề chìm sâu bên dưới, đè lên người tôi. Tôi mặc cảm học dở thì ít mà ganh tức thì nhiều. Những buổi lễ phát thưởng, tôi ngấu nghiến sờ mó cây bút mực parker của Tiến, thiếu điều muốn giữ làm của riêng hay tỳ cho gãy ngòi, cho thỏa thuê lòng ghen tỵ nhỏ nhen của mình. Dẫu sao, tuổi nhỏ nên tính tiểu nhân vặt trong tôi cũng chỉ nảy nở một cách xấu xa vô tội vạ có ngần ấy. Hai chúng tôi vẫn là bạn thân thiết, đâu tôi có phải chịu đựng hào quang chói lòa của Tiến.

Đến khi thi tú tài, cái khoảng cách khác biệt mờ mờ chập chờn giữa hai đứa mới thật sự hiện hình. Kết quả kỳ thi chẳng có gì đáng ngạc nhiên. Tiến đậu ưu theo học Khoa học, tôi hỏng thi bị động viên đi học khóa hạ sĩ quan Đồng Đế. Ngày khăn gói vào "Ở Lính", tôi mới thấy buồn thấm thía. Tiến sắp thuộc về giai cấp ưu tú của xã hội, còn tôi kiếp lính gian lao chờ đợi. Rõ ràng rồi đây hai đứa mỗi người mỗi ngả. Sự thua thiệt ở trường lớp theo bước chân tôi ra đời, rồi tình bạn giữa chúng tôi có còn tồn tại vì giai cấp cách biệt của cả hai? Đêm chia tay, tôi chúc Tiến "chóp" được cái học bổng đi du học. Thật tình tôi chỉ muốn nó đi xa, ra khuất khỏi cuộc đời mình, đừng lấn át số phần tôi bằng hào quang của nó nữa. Tiến không hiểu nên có vẻ cảm động, ân cần hẹn gặp lại nhau!

Rồi tôi đi "Ở Lính", hòa tan trong môi trường lính, quên dần thằng bạn thời niên thiếu. Nỗi ganh tị cũng nhờ đó phai mờ dần. Xã hội là một sự phân công. Tôi chấp nhận sự phân công "Ở Lính" đó. Dù sao tôi cũng cho rằng mình đang hữu ích cho xã hội, đang chống đỡ cho quê hương, làm tròn bổn phận của người trai thế hệ. Tôi an tâm nghĩ mình sống xứng

đáng và anh hùng hơn Tiến. Trải qua hai năm với đủ mọi nồng độ chiến trường, tôi đang chuẩn bị làm tên lính già thì gặp lại thằng bạn cũ! Hôm đó tiểu đoàn đang chuẩn bị hành quân ngoại biên Hạ Lào.

Buổi trưa Khe Sanh, gió núi lồng lộng. Hai đứa gặp lại nhau không ngờ. Ai dè cuộc đời lại run rủi cho tôi nó cùng chung đơn vị. Tiến kể đang học Khoa học thì bị động viên đi học khóa sĩ quan trừ bị Thủ Đức. Mãn khóa "bắt" được chỗ Nhảy dù, nó đăng liền vì hy vọng gặp lại tôi.

– Mẹ mày! Học cho cố vào rồi cũng ra đây ăn đạn thôi con!

Tôi cười hô hố, ngất ngưởng với ý nghĩ thôi từ đây hết còn giai cấp cái con c. gì nữa. Nó cũng như tôi lính trận khác chó gì nhau! Nó cũng cười khà khà, hai thằng khoác vai tương đắc vô câu lạc bộ nhậu mừng xum họp. Uống hết mười sáu chai bia, đêm xuống say khướt, tôi nó dìu nhau về chỗ đóng quân. Sao núi sáng đến rợn da gà, Tiến nôn thốc tháo, tôi ngủ yên bình trong hố cá nhân vì hài lòng với cuộc đời!

Sáng hôm sau thức giấc, ra bãi chờ trực thăng bốc thả qua đất Lào, tôi mới thấy giữa tôi và Tiến bắt đầu một khoảng cách mới. Cái hố ngăn cách của hệ thống quân giai. Tiến đeo lon chuẩn úy đi theo trung đội, tôi trung sĩ coi một tiểu đội. Mười lăm chiếc Huey rùng rùng bốc đại đội tôi thả xuống đồi 30. Tiểu đoàn và pháo binh Dù xuống theo. Những ngày sau chiến trường trở nên khốc liệt. Tụi nó đánh biển người lên đồi 31. Ở căn cứ chúng tôi, đặc công dùng B.40 thụt lên đồi. Đại đội được lệnh bung ra hoạt động. Lúc đổ đồi, tụi nó ở sườn núi trước mặt bắn xuống như mưa. Tiến dẫn hai tiểu đội đi đầu hứng ngay một quả 75 ly. Lửa, đất, đá phụt lên với tiếng nổ, khói tỏa có ngọn từ mấy đám tranh cháy khét lẹt. Khói vây lấy tiểu đội khinh binh không biết chết sống thế nào. Tôi như điên, chạy tới chỗ Tiến bị nạn, vừa sợ hãi lo lắng cho bạn nhưng cũng từ sâu kín trong lòng tôi khám phá ra cái cảm giác hài lòng nhỏ nhen thú vật. Con người thứ hai trong tôi muốn Tiến bị thương, tàn phế! Muốn mảnh đạn chém đứt cái lon chuẩn úy trên cổ áo nó. Đồng thời con người thứ nhất tiếp tục giục tôi chạy mau tới. Ba người lính tử thương, nhưng Tiến không việc gì mặc dù nó đi ngay cạnh, làm như có bàn tay thượng đế che đạn cho nó. Cũng hai con người lúc nãy, một đứa trong tôi vui mừng và một đứa trong tôi thất vọng. Tiến không nhận ra sự khác lạ, nó cảm động vì trông thấy con người thứ nhất của tôi lo lắng săn sóc cho nó. Trận Hạ Lào kết thúc. Chúng tôi phải bỏ đồi 30 vì áp lực quá nặng của địch. Tiểu đoàn rút theo đường rừng, bị phục không biết bao nhiêu lần. Mỗi lần như vậy tôi đều phải sống trở lại cái cảm giác nửa lo sợ, nửa

mong Tiến "bị" một cái gì đó. Nhưng Tiến về được Khe Sanh bình an, tôi cũng vô sự.

Qua nguy biến chúng tôi lại trở thành bạn bình thường. Nhưng một lần nữa cấp bậc trong quân đội lại đẩy chúng tôi xa nhau. Tiến thăng thiếu úy coi trung đội tôi. Nhiều lần bê trễ, tôi bị nó gọi lên sát xà phòng. Những lần đó tôi giận dữ nhận ra trong thằng bạn cũ cũng có con người thứ hai: con người sĩ quan gương mẫu không nể vì bạn!

Mùa hè 72 tới liền sau Hạ Lào. Chiến tranh tàn phá khủng khiếp. Một lần nữa hai đứa vào sinh ra tử. Cái chết kéo chúng tôi lại gần. Nhưng những khi an toàn một mình, tôi lại thấy con người thứ nhì lớn vởn trong người mình. Nhưng Tiến đẻ bọc điều thật, nó sống sót qua Mùa Hè Đỏ Lửa không một vết trầy. Tái chiếm xong Quảng Trị, sư đoàn Dù tăng phái luôn cho miền Trung cho đến ngày miền Nam sụp đổ.

Tôi lạc mất Tiến hôm đơn vị tan hàng cuối tháng Tư 75. May mắn tôi trèo lên được tàu Hải quân rời kho Năm bên Khánh Hội vào giờ chót. Rồi cuộc đời tiếp tục, tôi lập gia đình một năm sau ngày lưu lạc sang Pháp.

...

Trước đây tôi cứ nghĩ khó khăn nhất là sống sót trong cuộc chiến. Ai ngờ thoát ra khỏi chiến tranh, khó khăn mới thật sự bắt đầu. Không có nghề chuyên môn, hai vợ chồng tôi thất nghiệp không kiếm ra việc làm. Ban đầu còn lãnh trợ cấp, lâu dần bị cúp hẳn. Vợ chồng tôi đành đi làm nhà hàng. Cái nghề mà tôi ghét nhất. Vợ phụ bếp, chồng làm bồi. Nhưng cũng chỉ được hơn nửa năm. Tính tôi cọc, không chịu được những thằng khách ăn sai bảo phách lối. Cái máu Nhảy Dù bốc lên là tôi không còn biết nể nang ai. Tôi lại hay ghen, mà không ghen không được vì vợ tôi có nhan sắc. Tôi bị đuổi, vợ tôi làm một mình bị mấy thằng chủ tán tỉnh sàm sỡ. Tôi đến đón nàng, bắt gặp thằng chủ đang thả lời ong bướm. Thế là đánh lộn, cuối cùng vợ tôi cũng phải nghỉ việc. Túng quẫn, chúng tôi đành dọn về căn gác tồi tàn chật hẹp trong một dãy lầu cũ phố Strasbourg Saint – Denis. Khu gái điếm, ban đêm tiếng cười đùa trửng giỡn tục tĩu vọng lên lầu làm tôi mất ngủ. Thời gian này vợ tôi kiếm được việc làm đêm. Buổi tối nằm một mình nghe lũ da đen cười sằng sặc, đám Ả Rập xầm xì và nhóm ma cô chửi lộn vì chia chác không đều, tôi bắt đầu chán nản xuống tinh thần.

Tôi rơi vào hố thẳm của sự khủng hoảng!

Đêm đầu tiên tôi đang nằm trên giường, vật trang trí duy nhất của căn buồng rộng không quá năm thước vuông, tự nhiên cái trần nhà phình to ra và hạ thấp dần. Không, không, tôi không ngủ mơ, vì thấy rõ ràng mặt trần nhà hạ thấp xuống từ từ gần sát mặt mình đến nỗi tôi đưa tay chạm vào được. Không khí bị ép dẹp trong phòng. Tôi cựa quậy khó khăn, ngẹt thở muốn ngất xỉu. Cái trần nhà xám xịt đè dí ngay trên mũi. Tôi gồng sức lấy hai chân, hai tay đỡ chống cho khỏi bị đè bẹp. Tôi la hét cầu cứu, nhưng dưới đường chỉ có tiếng con điếm cười hô hố, nói vọng lên tục tĩu.

– Ê, thằng đàn ông! Muốn tụi tao lên thổi kèn thì trả 300 F!

Con điếm lại cười the thé, sau khi kê khai giá biểu của mỗi ngón nghề chơi. Ánh điện néon chớp tắt từ cái biển quảng cáo dội vào phòng cái hình nịt vú xanh đỏ rẻ tiền. Tôi há hốc miệng cố nuốt từng ngụm dưỡng khí. Lâu lắm tôi mới nhận ra cái trần thôi không còn hạ thấp xuống nữa, mà đứng yên lơ lửng ngay trên mặt mình. Tôi cố gắng luồn lăn dưới cái trần nhà khổng lồ ra tới thềm, mở hé cánh cửa thoát ra ngoài.

Cái hành lang im lìm bên ngoài dị hợm vì khúc cầu thang đã biến mất. Lớp thảm nỉ cũ mèm đỏ ối từng chỗ, loang lổ nhạt màu bạc thếch từng chỗ. Một bóng điện vàng khè buông thử ánh sáng u ám leo lét, nhờ nhờ như da xác chết. Tôi ngồi xuống chiếc ghế đẩu ai vứt chỏng trơ giữa hành lang. Bên trong buồng cái trần nhà vẫn treo lưng chừng trên mặt giường. Tôi vẫn còn sợ hãi, nhưng đã thôi hốt hoảng. Không gian tương đối rộng rãi của cái hành lang giúp tôi lấy lại quân bình. Tôi không hiểu chuyện gì đã xảy ra. Bức tường cáu bẩn trước mặt dài lê thê và dừng lại ở một cánh cửa. Trong hành lang chỉ có hai buồng duy nhất: căn gác của vợ chồng tôi và một căn nữa chưa bao giờ thấy có người ở. Tôi ngồi im trong lúc cái hành lang tự nhiên di chuyển, tự dưng dài ra thậm thượt rồi đột ngột thu ngắn lại. Cái bức tường trước mặt tôi rõ ràng lùi ra xa, xa lắm, xa tít, xa mãi chỉ còn là một điểm đen nhỏ xíu. Tôi không cưỡng được tò mò, bước tới. Vừa dợm bước thì bức tường lao vùn vụt trở về, mang theo cánh cửa đứng dừng ngay trước mặt. Cánh cửa im lìm bằng gỗ dày, nắm tay bằng đồng sáng lóe. Cánh cửa sừng sững trước mặt, tôi thấy mình bị thôi miên, cánh tay đưa lên từ từ, bàn tay nắm lấy nắm cửa.

Năm ngón tay tôi nắm lấy cửa. Nhưng người tôi đột ngột run bắn lên. Trời ơi! Cái mụt nhọt vô hình ở yên trong thâm tâm tôi lâu nay bỗng vỡ ra. Hai con người cũ thảng sống dậy! Bàn tay tôi cứng ngắc, tướp ướt mồ hôi, tôi nghe rõ tiếng lao xao hớt hãi của ai đó khẩn khoản van lơn tôi

đừng mở cửa, và lẫn tiếng xì xầm thúc hối, xúi giục mở cửa của người khác.

– Đừng mở cánh cửa đó! Chạy đi!

– Mở cửa, vào! Chần chờ gì nữa!

Khoảng hành lang tối xầm, tôi sây sẩm mặt mày, choáng váng. Tôi biết mình đối diện nguy hiểm song không cách nào rút tay ra khỏi nắm cửa được. Hai con người vô hình xâu xé và tôi chiến đấu đơn độc trước cánh cửa. Cuộc chiến đấu chống cự như kéo dài cả thế kỷ. Cánh cửa bấy lâu nay đóng im ỉm, gợi tò mò, lúc này vĩ đại trấn áp trí óc tôi. Mở cửa? Không mở cửa? Trở về phòng? Tôi liếc mắt nhìn về phòng mình, thấy khoảng trần vẫn la đà trên giường ngủ. Hóa ra cơn ảo giác có thật. Tôi không còn lối thoát, tôi gào lên, cái hành lang không cầu thang đi xuống, tôi thét lên lúc mở tung cánh cửa!

Im Lặng. Không gian tối đen im lặng. Im lặng đến rợn người. Căn phòng trống toang hoác nhưng vô hình dạng. Ánh sáng yếu ớt nhú dần dần, tiếng gió vi vu từ từ đưa đến, rồi bất ngờ gió ào lên vần vũ, thổi phần phật, mạnh mẽ như trận cuồng phong. Gió hút tôi vào phòng. Trong cơn lốc cuốn, tôi chụp được mép cửa, kháng cự tuyệt vọng bằng cách bấu thật chặt mặc cho gió thổi tốc nâng toàn thân và cả hai chân lơ lửng trên không. Ánh sáng rõ dần, trong tiếng gió ào ạt, tôi thấy ở nền nhà thật nhiều cỏ tranh không biết ở đâu mọc lên đồng loạt lởm chởm. Cả một rừng cỏ tranh nhú mình, vươn cao oằn oại, bị gió bạt xấp ngửa. Sức gió cuồn cuộn bây giờ mang theo tiếng ầm ầm của động cơ. Từ trần nhà hiện từ từ ra một càng trực thăng, rồi trọn vẹn thân tàu với cánh quạt quay tít, chém gió phành phạch. Những bóng người nhảy vụt xuống từ thân tàu đương lơ lửng, lượn trên rừng cỏ. Tiếng tranh chạm vào nhau lao xao, tiếng chân đạp lên cành gãy của những bóng người vun vút chạy đến. Tôi kinh hãi nhận ra Tiến đang chạy tới, tôi càng hãi hùng hơn khi nhận ra người chạy sau Tiến là tôi!

Rồi tiếng nổ. Tiếng đạn xé rách trong gió. Tiếng lụp bụp của đạn cắm vào những thân người. Hai ba bóng đen ngã xuống. Một tiếng nổ lớn làm rung chuyển cả căn phòng, cái nền phòng bị bửng lên, thảm, cỏ, đất đá tung lên rồi rơi xuống bắn tung tóe vào người tôi. Giữa trận đánh, giữa những ánh lửa nhá lên từng chập, thân thể tôi vẫn bị gió trì kéo muốn hút vào phòng. Căn buồng bây giờ là cả một khối âm động đủ mọi thứ tiếng động. Những hình ảnh trồi sụt rồi vỡ ra, hàn gắn lại. Tôi la lên thất thanh lúc tôi trông thấy tôi chạy đến trước mặt tôi. Bước chân ai chạy

rầm rập trong hành lang.

– Ê, thằng đàn ông! không xong rồi hả?

Con điếm vực tôi dậy. Tôi thấy mình nằm giữa hành lang và con điếm đang ra sức kéo lê tôi về phòng. Cái trần nhà đã trở về vị trí cũ. Tôi ngoái nhìn cánh cửa ở cuối hành lang, cánh cửa vẫn đóng kín. Toàn thân tôi run rẩy, bải hoải, hơi thở còn gấp rút chưa lấy lại được nhịp thở bình thường. Mấy đầu ngón tay bỏng rát, móng đỏ bầm thâm tím.

– Ê, đừng có bầy trò điên đút tay vô khe cửa rồi la lối om sòm nữa nghe! Để tụi tao làm ăn, tao nói gì mày nghe không?

Con điếm cúi xuống, thả rơi mấy lọn tóc giả lên mặt tôi nhìn soi mói một lúc trước khi ngửng lên.

– Mày còn la nữa tao kêu maquereau. Muốn giải quyết sinh lý thì gọi, hiểu chưa?

Lúc con điếm đi xuống cầu thang rồi, tôi cũng ngất lịm đi.

Những ngày sau, cái hành lang tương đối trở lại bình thường. Tôi nói tương đối vì khúc cầu thang dẫn xuống đường không biến đi, khoảng tường ố ở yên một chỗ, không cựa quậy di chuyển như trong cơn ảo giác của tôi hôm nọ. Nhưng, nhưng... có những đêm về sáng, vợ tôi đi làm khuya về ngủ mê man bên cạnh, tôi nằm một mình nghe văng vẳng từ đầu hành lang vọng vào những tiếng động thì thầm nho nhỏ. Tiếng chuyện trò đàn bà ở chốn phòng the. Tôi sợ lắm, nhiều ngày liền tôi giam mình trong phòng không dám ra ngoài, sợ phải đối diện và bị cánh cửa đóng kín cám dỗ. Đến một lúc như người ta chết đuối ngộp hơi, cần phải trồi lên mặt nước, tôi đành phải bước ra khỏi phòng thì cánh cửa đã mở toang từ lúc nào.

Sáng đó vợ tôi còn ngủ mê, tôi dọ dẫm bước lần về căn buồng hôm trước, cửa buồng mở rộng...

Ánh sáng hiu hắt tỏa lan từ một khung cửa sổ dấu kín không trông thấy, rơi yếu ớt lên căn buồng. Một người đàn bà ngồi giữa nhà chăm chỉ chải tóc. Tôi lặng người theo dõi từng cử động của cánh tay cầm lược cẩn thận chải gỡ, lên xuống thong thả nâng niu bờ suối tóc. Nàng ngồi sau một bàn gỗ, chiếc áo cánh cộc tay và hai ống quần lụa bóng nuột. Tôi nhận ra Diệm như nhận ra một quãng đời phung phá của chính mình. Người đàn bà ngẩng mặt lên không hề lộ vẻ ngạc nhiên hay mừng rỡ.

– Anh đến rồi à, sao không vào chơi?

Diệm, Diệm của mười mấy năm về trước trong một quán bar ở Đà

nắng bây giờ ngồi đây gọi tôi vào phòng nàng. Nỗi sợ hãi thường trực đến từ khúc hành lang quỷ ám vụt nhú hình, song tôi rất tỉnh táo, bấu véo vào mặt mình để biết chắc là không mê ngủ. Cái véo đau điếng khiến tôi biết chắc mình đang thức, làm Diệm bật cười, giọng cười hăng hắc xối xả.

– Anh bây giờ khùng quá!

Diệm bỏ lược xuống bàn, kéo ghế mời tôi ngồi.

– Anh uống la ve nghe, em chỉ có thứ này.

Vẫn chai bia lớn Con Cọp ngất ngưởng của thời gian lính. Vẫn Diệm, em bé hậu phương của những ngày về thành phố. Tôi nắm lấy tay Diệm để biết chắc rằng không phải ảo giác.

– Từ từ chi dữ vậy, uống bia đã!

Diệm phản đối song vẫn để yên bàn tay tôi rờ nắn khuôn mặt nàng. Năm ngón tay Diệm thuôn dài bum búp, khuôn mặt đầy đặn với đôi má bầu làm tôi yên tâm. Diệm bằng xương thịt đang ngồi đây, không phải ảo giác.

– Em sang hồi nào?

– Em mới qua vài tuần nay.

– Sao biết anh ở đây?

– Anh làm gì em không biết. Anh mướn phòng ở đây hai ngàn quan một tháng phải không? Người ta cho em miễn phí.

Diệm nhìn tôi cười cười, áo cánh mỏng nổi lờ mờ hai cồn ngực phập phồng theo nhịp thở. Màu da sữa ở cánh tay trắng ngần.

– Người ta là ai?

– Anh biết rồi còn hỏi.

Diệm đứng lên, tôi níu lại, nàng vùng vẫy.

– Đừng anh!

– Nó là ai?

– Là ai anh không phải hỏi!

Thái độ sấc sược của nàng làm tôi điên lên. Từ bao giờ gái bán bar có quyền làm cao? Tôi ghì lấy Diệm, kéo ghì nàng vào lòng mình.

– Buông em ra, em không ngủ với anh nữa!

– Tại sao?

– Em bỏ nghề rồi...

Diệm kháng cự, cố gắng giữ hai bàn tay tôi không cho chạm vào người nàng. Chiếc áo cộc vải thô, vạt bầu ôm theo đường eo ở hông nàng. Tôi giật mạnh cúc áo, khoảng ngực trắng của Diệm lộ ra.

– Anh! Em sắp lấy chồng!

Diệm la thất thanh. Tôi chợt khựng lại vì ý nghĩ một con điếm cũng lấy chồng đàng hoàng và giữ thân cho chồng nó. Diệm lợi dụng tôi đang ngạc nhiên, vùng thoát thân.

– Em lấy chồng?

Nàng không trả lời, biến mất vào một cánh cửa khuất trong góc buồng. Tôi ngồi trơ ra đó, lạ lắm, còn chưa tin vào diễn biến xảy ra quá đột ngột. Mười mấy năm bất ngờ gặp lại Diệm, bất ngờ nghe tin Diệm lấy chồng. Cũng có thể lắm, sang Pháp rồi điếm cũng thành phu nhân. Ai biết Diệm tiếp tục hành nghề bán bar, *phải không em?*

Tôi ngồi một mình cười khẩy, có thì giờ nhìn ngắm cái căn phòng đã ám ảnh tôi từ nhiều tuần nay. Nó thật tầm thường, không có gì quái gở, trang trí nghèo nàn gần như loại nhà ở trại gia binh thuở trước. Chờ mãi không thấy Diệm trở ra, tôi định đứng lên bước vào buồng trong nơi Diệm đang trốn thì nghe tiếng vợ gọi. Tôi hấp tấp chạy trở về căn gác của mình phụ với vợ tôi rửa chén. Lúc quay ra, cánh cửa buồng Diệm đã đóng kín từ lúc nào.

Suốt một tuần lễ liền sau đó Diệm không hé cửa. Buổi tối, lội dụng vợ tôi đi làm, tôi đập cửa gọi Diệm, nhưng cánh cửa vẫn đóng im thin thít. Rồi một tối, tôi đang nằm hút thuốc, cánh cửa bỗng bật mở mạnh đến nỗi đập vào tường hành lang kêu đánh xầm. Tôi nhào dậy chạy ra bắt gặp Diệm và Tiến đứng đó!

– Anh Khiêm, đây là anh Tiến chồng sắp cưới của em!

Diệm và Tiến đứng đó, trước cửa buồng, giữa hành lang. Tôi bủn rủn tay chân. Tiến, Tiến, thằng bạn của tuổi thiếu niên, của thời kỳ đi lính với mặc cảm thua sút đứng trước mặt tôi rõ từng đường nét.

– Anh Khiêm không nhớ anh Tiến hả?

– Không ngờ mình gặp lại!

Tiến chìa tay bắt, bàn tay nó lạnh tanh. Hóa ra nó là chồng của Diệm. Thời gian ở Đà Nẵng tôi và Tiến thường lui tới bar của chị Hưởng, cùng "đi" với Diệm, ai ngờ sau này nó lấy gái bán bar.

– Vào chơi Khiêm!

Tiến choàng vai thân ái kéo tôi vào nhà, vào căn buồng của Diệm đủng hơn. Diệm lấy bia cho hai đứa tôi uống. Cách kéo ghế, rót bia mời của nàng cũng không khác mấy dạo trước, chỉ khác bây giờ Tiến không còn là khách chơi hoa mà là chồng, và tôi là hàng xóm.

– Tao cải tạo về cách đây ba năm, vượt biên sang đây tình cờ gặp lại Diệm, duyên nợ đưa đẩy, tụi này tính làm đám cưới cuối năm nay.

Tiến kể chuyện đời nó, giọng bình thản như đi tù là chuyện không đáng gì và lấy điếm làm vợ là bình thường. Cái con người quân tử ở nó làm như chưa chết. Tôi dấu tiệt chuyện có vợ, Tiến cũng chẳng hỏi thăm nhiều về tôi, chỉ cho biết nó làm thợ cho một hãng làm yaourt và Diệm còn thất nghiệp.

– Một cựu trung úy không đi làm cu ly cho người khác!

– Thợ thuyền thì đã sao, không chịu làm việc mới xấu hổ.

Tiến vô tình khơi dậy cái hố mặc cảm ngăn cách hai chúng tôi. Buổi gặp gỡ sau mười mấy năm chia cách đổi đời vẫn chẳng kéo tôi lại gần nó hơn bao nhiêu. Chỉ khác bây giờ nó lấy điếm.

– Không ai lấy điếm làm vợ!

Một hôm chỉ có hai đứa, tôi nói thẳng với Tiến như vậy. Nó ngó tôi chăm chăm một lúc rồi mới nhỏ nhẹ trả lời.

– Lấy một cô gái điếm về làm vợ mà biết thay đổi, giữ đạo vợ chồng vẫn hơn là lấy một con đàn bà về rồi nó lăng loàn hơn điếm.

Tình bạn giữa chúng tôi rạn vỡ từ sau cuộc nói chuyện đó. Tiến và Diệm tránh gặp mặt tôi. Vợ tôi vẫn làm đêm không mấy để ý đến chuyện có một cặp Á châu dọn đến ở cùng hành lang. Lúc này tôi không còn bị ảo giác, có lẽ không còn cô độc một mình từ ngày biết có người ở trong căn phòng cuối hành lang. Nhưng cuộc đời không giản dị như thế...

Tôi đã kể là hai con người cũ đã sống dậy trong tôi từ cái hôm tôi bị ảo giác. Chúng luôn luôn ở sau lưng rình mò soi mói phán đoán những gì tôi thấy, những gì tôi muốn làm. Đứa xúi giục, đứa khuyên răn. Nhưng từ lúc gặp Diệm rõ ràng là con người thứ hai, con người ma quỷ bỗng trở nên mạnh mẽ khác thường. Nó nằng nặc đòi tôi ngủ với Diệm, phung phá như dạo nào. Tội nghiệp cho con người thứ nhất trong tôi cố gắng tuyệt vọng giữ gìn hành động của tôi, nó bị tôi gạt hẳn qua một bên với ý định cám dỗ cho bằng được Diệm để chứng minh với Tiến là con điếm nào cũng như nhau, ngựa quen đường cũ...

– Anh buông em ra!

Diệm vùng vẫy lúc tôi bất ngờ ôm lấy nàng từ sau lưng. Tiến đi làm, vợ tôi không có nhà, hành lang vắng tanh tha hồ cho Diệm kêu gào. Tôi lợi dụng tình hàng xóm đập cửa xin chút dầu ăn rồi thừa cơ nàng quay cúi xuống trạn bếp, tôi vồ lấy nàng.

– Ngày xưa em ngủ với anh bao nhiêu lần nhớ không?

– Xưa khác, em bây giờ có chồng rồi. Buông em ra mau!

– Em tưởng lấy "ông thầy" của anh rồi là em ngon hả?

Tôi đè nàng xuống quầy bếp chỗ rửa chén. Diệm xô đẩy đạp chân cố hất tôi ra. Nồi niêu soong chảo rơi loảng xoảng. Tôi thả một tay Diệm để giật đứt cúc áo. Cánh tay vừa thả lỏng của Diệm chụp ngay lấy một chĩa ba đâm mạnh vào vai tôi.

– Thả tao ra thằng sở khanh!

Diệm xỉa chĩa ba đâm vào người tôi đau điếng. Tôi vung tay tát vào mặt nàng. Cả thân hình Diệm đổ nhào ra đất, vừa lồm cồm bò dậy đã bị tôi đá xối xả vào bụng vào ngực.

– Mày còn chống cự nữa thôi? Nữa thôi?

Tôi điên lên lúc đó, nàng lả đi trên mặt thảm rồi mà tôi còn tiếp tục đá vào mặt vào đầu vào lưng nàng. Đến lúc mệt và ngộp thở vì vận dụng quá nhiều sức lực, tôi mới nhận ra Diệm đã chết từ hồi nào. Nàng nằm xấp mặt, thân hình mềm nhũn. Một sống áo chemise phất lên để lộ một khoảng thịt bụng trắng tươi lốm đốm máu bầm. Tôi ngồi xuống kế bên, trống ngực tự dưng rối loạn. Tôi vừa giết người. Con người ma quỷ biến đi chỉ còn lại con người chân chính kêu khóc, oán than. Trời ơi sao tôi làm vậy? *Diệm ơi tha thứ cho anh!* Tôi lật người nàng trở dậy, một búng máu bầm hộc ra từ cửa miệng, nhưng khuôn mặt người chết không phải là Diệm mà là con điếm Rosa!

Tay chân tôi lạnh ngắt, làm như tôi không còn máu trong người nữa. Mái tóc giả đen nhánh của Rosa rơi xuống để lộ cái đầu hói, mấy mẩu tóc đỏ mọc thưa thớt quăn tít. Tôi không ở trong căn buồng cuối dãy hành lang mà ở trong nhà tôi. Trạn bếp tung tóe đồ vật rơi ngổn ngang trên đất. Hóa ra tất cả chỉ đều là ảo giác... Tôi sợ hãi bỏ chạy khỏi nhà, đổ thang lầu xuống đường, buổi sáng vắng hoe... Tôi chạy mãi, chạy mãi cho tới lúc thấy tấm biển chỉ vào dưỡng đường tâm trí của bác sĩ...

– Anh vừa phạm tội giết người, căn bệnh tâm thần của anh không còn thuộc quyền chữa trị của tôi nữa mà thuộc về quyền phán xét của luật pháp.

– Tôi... tôi... bác sĩ khuyên tôi phải làm gì?

– Tôi chỉ có thể khuyên anh nên ra đầu thú cảnh sát để không bị dằn vặt lương tâm. Dầu sao anh cũng sẽ bị truy nã, nên ra trình diện để có thể xin giảm khinh. Đừng tìm gặp vợ anh bây giờ, hãy để cảnh sát làm việc

báo tin cho bà ấy.

– Vợ tôi?

– Vợ anh hiển nhiên là bà ấy chưa hay biết phải không?

– Vợ tôi... chính là con điếm Rosa!

Lão Garrot thuật lại câu nói sau cùng của người bệnh rồi im lặng thưởng thức cái không khí chấn động thỏa mãn lão vừa tạo ra từ câu chuyện. Toàn thể mọi người vây quanh Garrot đều rụng rời vì cái đoạn kết bất ngờ, nhưng Eugénie mới là người xanh xám mặt mày hơn ai hết. Gian phòng tiếp tân im lặng như không một ai dám lên tiếng. Tôi cứng người ở chỗ ngồi chịu đựng ánh mắt của lão già suốt câu chuyện, ánh mắt đeo lấy tôi không rời...

– Bệnh tâm thần chia làm ba thời kỳ.

Garrot lại cất tiếng, giọng nói của lão càng lúc càng sắc như dao. Lão nói nhưng chính là đang đâm lụi từng nhát dao vào bụng tôi và nàng.

– Thời kỳ nhẹ, nặng và trầm trọng. Nhẹ là lúc bắt đầu xuống tinh thần, chán nản chỉ nghĩ đến việc tự tử, nhưng còn tỉnh táo còn cố gắng thoát ra bằng cách đi khám bác sĩ. Nặng là lúc bắt đầu trông thấy ảo giác, không còn kiểm soát được não bộ của chính mình, không phân biệt được đâu là thực đâu là hình ảnh của tưởng tượng. Nặng hơn là khi con bệnh tưởng có thể giết chết sự khủng hoảng, tìm cách hủy diệt cơn khủng hoảng bằng cách hủy diệt các mối riềng của nó, nhưng thật ra là đang giết chính mình. Lúc đó con bệnh hoàn toàn chịu sự sai khiến của khủng hoảng. Ở thời kỳ này mầm khủng hoảng đã đột nhập được vào trong tâm thần của con bệnh không còn sức kháng cự. Sau chót mới là thời kỳ trầm trọng. Thời kỳ con bệnh sai khiến trở ngược lại cơn khủng hoảng để đạt tới một mục đích nào đó, lúc đó thì con bệnh hoàn toàn tỉnh táo, nhưng là sự tỉnh táo nguy hiểm. Đời người ai cũng phải đi qua một cái hành lang tâm thần như vậy. Mạnh, sáng suốt thì thoát mà yếu đuối để cho bị sai khiến thì sẽ mất hút vào trong hành lang không bao giờ thoát ra được. Do đó có những người bệnh đột nhiên được chữa lành, trở lại bình thường vì tìm ra được lối thoát, những con bệnh khác thì suốt đời luẩn quẩn trong cái hành lang điên loạn.

Garrot lại im lặng như để cho từng lời nói của lão thấm vào từng phân ô vuông tế bào của từng người. Tôi liếc thấy Eugénie đã run lắm rồi, mặt nàng tái mét, mười ngón tay đan vào nhau bứt rứt, cử chỉ của người bị xáo động tâm thần cực độ. Ý nghĩ liệu Garrot sắp giở trò gì và nếu lão đã thật sự hay biết vụ ngoại tình lẫn âm mưu giết lão của chúng

tôi chờn vờn nhảy múa. Đầu tôi rối rắm cực độ, tôi muốn giúp Eugénie trấn tĩnh nhưng không biết bằng cách nào. Chắc chắn là lão đã biết cả, câu chuyện lão kể rõ ràng quá mà. Lão sắp làm gì hai chúng tôi? Đối phó ra sao?

– Các người tưởng đã biết hết về tâm thần rồi à? Không đâu, tâm thần muôn hình vạn trạng, biến hóa vô thường. Nó sờ sờ ra đó ở ngay bên cạnh, nó ở trong mình các người mà các người không hay đó thôi. Các người tưởng ta chỉ dạy hết cho các người cái sở học của ta ư? không đâu, ta không ngu dại đến thế phải không, thưa ông bác sĩ "thất bại" Charles Morin? Lão Garrot cười khằng khặc, cả thân hình ngồn ngộn múi thịt rung lên bần bật – cả thân hình lão – chỉ trừ cặp mắt giữ nguyên một tia nhìn soi mói, hau háu.

– Các người về đi, câu chuyện của ta đã chấm dứt!

Trong số những người khách ra về, tôi đi như chạy. Chạy trốn sự thật, hay chạy trốn cái hành lang tâm thần của Garrot tôi không rõ. Nhưng tôi biết mình đã thất bại. Eugénie không tiễn tôi ra cửa, cũng sẽ không tìm gặp lại tôi lần nào nữa. Nàng lẩn tránh tôi như đã bừng tỉnh thoát ra khỏi khoảng hành lang u ám. Làm như chuyện ngoại tình bấy lâu chỉ là một lúc u mê thiếu tỉnh táo, không tự chủ nổi mình. Có lẽ nàng đã nhận ra tôi chỉ là ảo giác, một thứ mộng mị của suy nhược lý trí và Eugénie đã quay lại với Garrot tiếp nối cuộc đời mà nàng cho là hợp lý.

Phần mình tôi trở về với cơn khủng hoảng tài chánh ban đầu, cộng thêm nỗi thất tình nhục nhã. Vấn đề tài chánh rồi cũng qua đi, nhưng tôi không bao giờ còn tìm lại được những vui thú, rung động, đam mê chất ngất trong tình yêu như đã có với Eugénie. Tôi đã giao du với nhiều người đàn bà khác sau đó, song hoàn toàn không tìm ra những hứng thú nhục cảm khi trước. Ông hỏi tôi tại sao à? Câu trả lời rất giản dị là tôi chỉ tìm thấy hứng thú khoái lạc khi gian díu vụng trộm, khi âm mưu chiếm đoạt, giết người, khi nghĩ mình đang chiếm hữu một sinh vật thuộc về thầy dạy học của mình. Những mối tình khác đều tầm thường bên cạnh. Sau Eugénie, đời tôi là một thất bại trong cô độc. Những câu hỏi não nề cứ trở về ám ảnh tôi rằng lần đó, nếu tôi dám bỏ ngoài tai câu chuyện của lão Garrot, âm thầm thực hiện âm mưu giết lão một mình, liệu nàng có rơi vào vòng tay tôi trở lại? Có phải tôi đã để mất một cơ hội chiếm hữu tình yêu duy nhất của đời mình? Tôi còn sống tiếp tục để làm gì trong sự thừa thãi trơ trọi này? Nhiều năm rồi, nhiều năm rồi tôi muốn kết thúc số phần mình, ông nghe chưa?

Charles buông cặp mắt kiếng gọng vàng xuống mặt bàn. Hai khuôn mắt hấp háy đỏ ngầu. Hắn trở lại thành cái con người im lìm, hờ hững, không động đậy, như một món đồ vật của phút đầu tiên tôi bước vào phòng khám. Charles Morin thu hai tay về trước bụng, cả thân hình hắn tì vào ghế bành như tìm một vật chống đỡ. Mười ngón tay run run, cặp môi lắp bắp, hai màng tang co giật vì xúc động quá độ. Sự ẩn ức vừa được phơi trải như không giúp Charles được nhẹ nhõm yên ổn gì mấy, trái lại nó ảnh hưởng ngược như làm sống dậy sự khủng hoảng im ngủ từ lâu. Charles loạng choạng đứng dậy, vung tay hất đổ khay cắm bút mực, cuốn lịch bàn, nhìn tôi xua đuổi.

– Ông ra khỏi đây ngay, tôi không giúp gì được cho ông! Đi đi!

Charles chồm tới và hét lên bằng thứ tiếng Pháp tục tĩu. Tôi chạy lùi ra khỏi phòng mạch của hắn kinh hãi quá độ. Tôi đến tìm một bác sĩ phân tâm học để chữa bệnh không ngờ gặp một con bệnh khác trầm trọng hơn!

Trường hợp của Charles đã gây ấn tượng lên tôi sâu đậm đến nỗi tôi không dám đến gặp một bác sĩ phân tâm nào khác. Tôi trở về appartement của mình nằm suy nghĩ, nhớ lại từng chi tiết của câu chuyện được nghe kể. Một câu chuyện lạ, nhưng có cái gì ẩn chứa ghê gớm bên trong. Tôi nghĩ về Charles, về Eugénie, về lão Garrot, về người lính mắc bệnh tâm thần chỉ vì mặc cảm lấy một con điếm làm vợ. Tôi suy nghĩ chìm đắm vào trong câu chuyện của Charles đến quên mất trường hợp của mình. Có những điều mà hắn kể tôi cho rằng hợp lý, cũng có những chi tiết mà tôi cho là giả dối, Charles đã bịa ra. Không thể một sớm một chiều mà một người đàn bà ngoại tình và rồi trở về với chồng chỉ vì một câu chuyện. Còn câu chuyện của người lính mới thật là vô lý. Rặt một tuồng xếp đặt. Cho đến một hôm tôi tin là mình đã tìm ra hết những mấu chốt vô lý của câu chuyện và quyết tâm trở lại chất vấn Charles, với ý chí không để cho Charles áp đảo như lần trước, thì lạ thay hắn đã hoàn toàn đổi khác. Không phải cái con người bị ẩn ức dày vò, cáu kỉnh, lúc lạnh băng như tượng đá, lúc hung dữ khác thường mà là một viên y sĩ hòa nhã, niềm nở tiếp đón tôi ở phòng mạch. Tôi đặt những câu hỏi về chuyện Charles đã kể, hắn gạt phắt bảo muốn mời tôi đi dùng bữa với vài người bạn. Rồi không để tôi kịp có ý kiến, hắn đã điện thoại đặt chỗ nhà hàng và lịch sự hẹn gặp lại tôi vào buổi tối vì bấy giờ hắn phải tiếp khách.

Tôi không nói anh cũng biết rằng tôi đi dự buổi tiệc ấy. Đã lâu giam mình trong phòng không tiếp xúc với mọi người nên tôi đâm lạ và thích

thú. Bạn bè của Charles đông lắm, họ vui vẻ chuyện trò thăm hỏi tôi khi thấy Charles ân cần giới thiệu tôi là người bạn mới của hắn. Cách tiếp đãi ấy làm tôi cảm động. Điều kỳ lạ là mọi người có vẻ kính trọng và biết ơn Charles. Cuối bữa ăn họ dành phần trả tiền nhà hàng khéo léo không để cho Charles phải ngượng. Tàn bữa tiệc ra xe, Charles chúc tôi một đêm toại ý rồi ra về với một thiếu phụ trẻ. Một thoáng tôi ngỡ người đàn bà đó là Eugénie, môi dưới khá dầy, ánh mắt xanh lục tuyệt đẹp và lối ăn mặc cũng khá hở hang. Nhưng tôi không dám hỏi Charles có phải đó là Eugénie và tại sao nàng ở đây? Tôi sợ hắn trở lại trạng thái bất bình thường hôm đầu tiên ở phòng mạch. Nhóm bạn của Charles chia làm hai, một số ra về, một số tiếp tục đi chơi khuya. Tôi nhập vào nhóm thứ hai thả bộ xuống St Michel vào một quán nước có dương cầm nghe nhạc. Bỗng chốc tôi có nhiều người bạn mới. Chính họ sau này nói cho tôi biết tất cả đều là bệnh nhân của Charles và tôi không phải là một trường hợp chữa bệnh thành công duy nhất của Charles.

Phải, tôi đã thoát ra khỏi cơn khủng hoảng từ lúc nghe xong câu chuyện và biết phân tích sự khủng hoảng. Tôi đã trở lại con người tỉnh táo bình thường. Những người bạn mới quen cho tôi biết thêm bác sĩ Morin có thông lệ, cứ sau mỗi lần chữa bệnh thành công lại tụ họp ăn mừng với những con bệnh cũ. Tôi đã được kết nạp vào vòng tròn thân mật của Charles. Từ từ tôi trở lại đời sống xã hội, các bạn tôi lâu lâu tụ họp kể những câu chuyện tâm thần của họ còn kinh khủng hơn câu chuyện mà Charles đã kể cho tôi nghe. Nhưng câu chuyện của Charles vẫn làm tôi xúc động hơn hết. Gần đây trong một bữa tiệc mừng thân chủ mới lành bệnh, tôi đánh bạo đứng lên giữa đám đông chất vấn Charles về câu chuyện mà hắn kể cho tôi nghe có thật hay không? Charles nghiêm trang trả lời rằng hắn không bao giờ dối thân chủ, tất cả những gì hắn đã kể đều có thật, lấy từ kinh nghiệm sống của riêng hắn. Trên bàn tiệc mọi người cười ồ vì ai cũng biết câu chuyện chỉ là một cách thức chữa bệnh tài tình của riêng Charles. Hắn không bao giờ kê toa thuốc, chỉ kể những mẩu chuyện, kiểu lấy độc trị độc của phương Đông.

– Như thế theo anh Eugénie không có thật?

– Có thể có, có thể không. Có thể Charles đã tả Eugénie theo mẫu người bạn gái của hắn.

– Còn lão Garrot?

– À, lão Garrot thì có lẽ lấy mẫu từ chính ông thầy học của Charles ở trường Thuốc.

– Thế thì người lính?

– Ai?

– Khiêm, người lính mắc bệnh tâm thần. Không lẽ Charles đã lấy mẫu ở chính ngay anh? Trong lời kể, hắn tả giống anh từng chi tiết!

*

Gã đàn ông xưng "tôi" thao thao kể nhiều câu chuyện một lúc, từ lúc bước chân vô phòng khám của viên y sĩ phân tâm, cho đến lúc được chữa lành bệnh, bỗng im bặt. Hai tiếng đồng hồ liền với tiếng kể chuyện của gã không dứt bây giờ đột ngột im bặt tạo thành thứ im lặng kỳ lạ. Khuôn mặt của gã đàn ông còn kỳ lạ hơn, ở gò má trái có ba chấm thẹo nhỏ, ở cái cần cổ đang bạnh ra thở hục hặc cũng có ba chấm thẹo như vậy. Khuôn mặt gã mới đây còn tươi tắn khoe khoang đã lành bệnh vụt biến đổi kỳ dị. Những tia máu bắn đi tứ phía trong hai hố mắt lộ ra trừng trừng. Gã thở mệt nhọc như nghẹt thở, hai bàn tay bấu vào mép bàn đến nổi gân xanh. Rồi gã đột ngột đứng bật dậy, hất đổ tung chiếc bàn. Gã nhìn mọi người chung quanh đang nhìn gã, rồi nhìn tôi đầy khó chịu. Gã mấp máy môi nói lí nhí điều gì đó với khuôn mặt bất xứng như đã bị xúc phạm nặng nề. Gã lẩm bẩm chửi rủa trong miệng rồi vụt chạy ra khỏi quán.

Tôi còn một mình với chiếc bàn con ngã chỏng trơ. Với ly tách vung vãi miếng chai trên mặt đất và người hầu bàn cắm cúi lượm. Tôi nói xin lỗi bà chủ quán. Móc ví trả tiền. Người bồi đem đến tiền thối. Tôi nhìn một chiếc nĩa ăn ở bàn bên cạnh, chợt nhớ như in vết thẹo ba chấm trên gò má trái, ở cần cổ gã đàn ông. Trong đầu tôi vang vang lên một đoạn của câu chuyện mà gã vừa kể: *Thời kỳ sau chót mới là thời kỳ trầm trọng. Thời kỳ con bệnh sai khiến ngược trở lại sự khủng hoảng để đạt tới mục đích nào đó, lúc đó thì con bệnh hoàn toàn tỉnh táo, nhưng là sự tỉnh táo nguy hiểm.* Có phải ở thời kỳ này người bệnh tâm thần biết mình không tài nào thoát ra khỏi cái hành lang u ám, nên tự tạo cho mình một lớp vỏ để che dấu sự bất bình thường đó? Như thế thì quả thật nguy hiểm vì mầm điên loạn có thể ở ngay bên cạnh, sờ sờ ra trước mắt mà chúng ta không tài nào đoán ra được.

Đột nhiên tôi thấy lạnh xương sống, đưa tay sờ lên gò má trái, nơi có vết thẹo ba chấm.

8.1989

Nhược Thủy

DÒNG SÔNG SA MẠC

Nhược Thủy: *sinh 1966, bút hiệu khác Y Chi, Miên Viễn. Là người viết trẻ của Làng Văn, Độc Lập, Măng Non. Dòng Sông Sa Mạc viết một khía cạnh tâm tư phô diễn qua tiếng dương cầm. Nhược Thủy có bút pháp lãng mạn phảng phất nét tuổi ngọc của thời mới lớn, nhưng đã bắt đầu trưởng thành bước vào thế giới phức tạp của người lớn, nhưng vẫn giữ được nét riêng biệt của mình.*

– Ba nói không được. Con ở đây, không đi mô hết.

– Nhưng mà ba! Ba đâu có quyền chọn cuộc sống của con. Con về tin cho ba biết rứa thôi. Ba không cho con cũng đi.

– Răng lại không có quyền? Máu chị xương chị là của ai! Ai nuôi cho ăn học mà không có quyền! Ở đây! không đi mô hết!

Hai bàn tay chị Vĩnh vặn vẹo nắm siết vào nhau. Câu nói ba vừa dứt, chị đỏ mặt đưa cả hai nắm tay giáng mạnh xuống mặt bàn, rồi quay lưng bước ra khỏi phòng khách. Cánh cửa đóng rầm. Tiếng ba gầm lên giận dữ.

– Vĩnh!

Chị Vĩnh khựng lại trước tiếng gầm điên cuồng của ba. Rồi cúi đầu lầm lũi bước về phòng. Tôi co rúm người sợ hãi. Tưởng trong giây phút ba sẽ mở toang cửa, rượt theo, và hậu quả thật không thể lường được. Tôi đứng trân trối ở hành lang, không biết thu người vào đâu. Biết nên mở cửa bước vào với ba, hay theo chị Vĩnh về phòng? Trước đến giờ chị Vĩnh với ba vẫn thường ít khi nào thông cảm đồng ý với nhau điều gì, nhưng chưa bao giờ tôi thấy chị Vĩnh dám khiêu khích ba nổi nóng đến mức độ này. Một tiếng vỡ toang trong phòng khách làm tôi giật nẩy mình. Không còn kịp suy tính thiệt hơn, tôi mở vội cánh cửa. Ánh nắng buổi chiều chói lòa từ khung cửa sổ đối diện làm tôi lóa mắt trong giây lát. Và tôi thấy ba, nhăn nhúm ôm đầu bên thành tủ. Chiếc bình hoa quý của mẹ vỡ tan từng mảnh trên nền nhà.

*

Tôi ôm chiếc gối ngồi dựa thành giường, nhìn chị Vĩnh thoăn thoắt bên nửa phần giang sơn của chị, loay hoay thu xếp dọn dẹp. Càng thu xếp dọn dẹp căn phòng càng có vẻ như thêm bừa bộn, bề bối. Đồ đạc trăm

thứ chị mang ra từ góc tủ, đáy giường, vất lung tung trên nền nhà. Tôi vẫn thường rất ngán cho tính bừa bãi của bà chị yêu dấu, căn phòng tôi đã phân chia giang sơn rõ ràng, và thường vẫn cho nửa phía bên kia là cái thùng rác vĩ đại của phòng mình. Nhưng chị Vĩnh thì hình như vẫn thường rất hài lòng và thoải mái trong cái thùng rác vĩ đại đó.

– Em thấy Vĩnh không nên đi. Dù sao ba cũng lớn tuổi rồi, Vĩnh làm ba buồn.

Chị Vĩnh im lặng. Như thể không gnhe tôi nói gì. Chị thản nhiên mở tủ, rút hết áo quần thảy lên giường và bắt đầu cho vào túi xách. Cây đèn bên bàn học soi sáng từ sau lưng, nét mặt chị Vĩnh phẳng lì trong nửa vùng ánh sáng, tôi chợt rùng mình thấy sợ.

– Rứa Vĩnh có nói với ba là Vĩnh ở mô chưa?

– Có chịu nghe chi mô mà nói.

– Vĩnh dữ quá! Ba lo cho Vĩnh chứ bộ.

– Không cần.

Tôi thở dài.

– Rồi Vĩnh lấy tiền mô ra mà sống?

Vĩnh khựng lại nửa chừng, chiếc áo đang xếp treo lơ lửng trên cao. Tôi ngước mắt nhìn Vĩnh, chờ đợi rất lâu mới thấy Vĩnh giũ chiếc áo, tiếp tục công việc bỏ dở.

– Chị xin được việc rồi, Tâm khỏi lo.

Tôi há miệng la hoảng.

– Cái chi! Vĩnh bỏ học à?

Chị Vĩnh gật đầu. Tôi nói như rên.

– Trời ơi năm nay thi tú tài, răng không đợi cho xong luôn đi đã.

Có chút gì không ổn trong cách tính toán, suy luận của chị Vĩnh. Tôi chồm lên nóng nảy.

– Với Albert, phải không!

Cái gật đầu của chị Vĩnh làm tôi nổi giận. Tôi lẳng lặng chui vô mền và quay mặt vào vách. Đêm hôm đó tôi không nói gì thêm với chị Vĩnh. Tôi rán nằm nhắm mắt, nhưng không tài nào ngủ được liền. Ngọn đèn nửa căn phòng bên phía giang sơn của chị Vĩnh còn sáng thêm rất lâu, không biết mãi đến mấy giờ. Sau khi nghe chị kéo khóa hai túi xách, tôi còn nghe tiếng chị bước qua lại xếp dọn lục đục, sẽ sàng như sợ tôi mất giấc ngủ. Sau đó hình như chị còn ngồi lại rất lâu trước bàn học, tiếng giấy viết sột soạt êm đềm như những đêm chị thức học khuya. Tôi ngờ

rằng chị viết để lại cho tôi mấy hàng. Ý nghĩ đó làm tôi yên tâm và rơi nhanh vào giấc ngủ.

Buổi sáng thức dậy, tôi ngỡ ngàng với phân nửa căn phòng gọn ghẽ sạch trơn. Không có những cái áo thay ra vứt bừa bãi trên giường, không có những trang giấy nháp vò viên rơi vãi quanh thùng rác, không có sách vở đầy mặt bàn, không có những cuốn tập, cuốn sách rớt dưới chân ghế. Giường xếp phẳng phiu. Mặt đất trống trải. Tủ khép gọn gàng. Cái sạch sẽ chết duyên, cái sạch sẽ... cà chớn!

Tôi nhổm người nhảy ra khỏi giường, bước tới bàn học của chị Vĩnh. Chợt thất vọng vô cùng khi mặt bàn trống trơn không một chữ nào để lại cho tôi cả. Tôi nuôi hy vọng cuối cùng, quay đầu nhìn về phía bàn học của mình. Cũng vẫn không có gì. Hy vọng tắt ngúm thật sự khi tôi thấy những mẩu giấy vất dưới đáy thùng rác cạnh bàn. Xé vụn, quá vụn, để có thể gom lại tìm được chút ý nghĩa trong chữ viết.

Tôi rời phòng và bước ra phòng khách. Hơi hụt hẫng đôi chút trước một ngày chủ nhật vừa mới bắt đầu. Tôi biết tôi sẽ không cần tranh dành buồng tắm, không cần tranh dành bếp nước, không cần tranh dành cây đàn. Và tự nhiên tôi bỗng không còn muốn làm gì nữa cả. Tôi thu người ngồi trong chiếc ghế bành ở phòng khách, nhìn qua khung cửa rộng. Bỗng trong phút chốc mà ý thức được khoảng trống trần trụi quanh mình.

*

Trong vòng hai tháng đầu, chị Vĩnh thỉnh thoảng có gọi điện thoại về nhà hỏi thăm tin tức. Tôi không dám cho ba hay, sợ ba nổi giận. Một sớm một chiều mà tôi thấy ba già đi. Như là tuổi già đã chực sẵn, chỉ chờ dịp là đổ về, đè nặng. Giữa ba và chị Vĩnh, tôi chưa bao giờ muốn nghiêng về phía người nào, để trách móc người nào. Mẹ mất những năm tôi còn quá nhỏ, tất cả những xoay chuyển biến đổi trong ba, trong chị Vĩnh, không hề có tôi dự phần. Ba vì ý thức quá rõ vai trò trách nhiệm của mình, mang quá nặng cái tình của mẹ để lại, muốn dậy dỗ con cái cho tận tường, nên vô tình đã trở thành một người cha quá ư là khắt khe. Ba khắt khe nhiều điều vô lý. Ba đòi hỏi nhiều điều vô lý. Ba ép buộc nhiều điều vô lý. Ba quay cuồng trong ưu tư muốn con gái mang đầy đủ trọn vẹn nết hiền dịu, nết na. Đâm ra sợ hãi mọi sự, vì tưởng mọi sự đều có thể biến con mình thành hư hỏng.

Chị Vĩnh, nhiều hơn tôi, phải lớn lên trong những bức tường cấm đoán trùng điệp của ba. Mẹ mất năm Vĩnh bảy tuổi, và hình như là bắt

đầu từ đó, chị đã phải luôn luôn cứng rắn đương đầu với ba. Đương đầu. Đi từ quyền chọn lựa một loại áo, một kiểu tóc, hay một màu giấy dán tường, đi tới quyền được thích một món ăn, một điệu nhạc. Đi đến tuổi mới lớn với cái quyền được đi chơi với bạn bè, được quyền quen những người bạn trai. Bao nhiêu bức tường khắt khe cấm đoán ba dựng lên, Vĩnh vội vàng đạp xuống, để tôi có thể bước qua an lành. Tôi biết là nhờ chị mà tôi không bao giờ phải thẳng mặt phản đối ba điều gì. Chị luôn âm thầm bảo bọc tôi, luôn đương đầu cay cực với những nguyên tắc dư thừa và bất công, nhường lại cho tôi cái quyền được yên ổn ngọt ngào làm đứa con gái cưng quý của ba.

Vì có lẽ chị thương và lo lắng cho tôi nhiều hơn là người khác có thể ngờ. Chị hiểu rõ hơn tôi cái thiếu thốn của đứa con mất mẹ, nên luôn cố gắng đắp đổi, đền bù cho tôi.

Có thể là ba đã quá khắt khe không hẳn chỉ vì thiếu mẹ, mà còn một phần vì tính nết của Vĩnh. Ba sợ Vĩnh. Ba luôn luôn sợ Vĩnh. Tính khí của Vĩnh làm ông sợ, con người Vĩnh làm ông sợ, ông không bao giờ hiểu được Vĩnh và ông thấy cần thiết phải siết chặt vòng kiểm soát. Nhưng vòng kiểm soát càng siết chặt, phản ứng của Vĩnh càng dữ dội, và ông lại càng thêm đau khổ. Đôi khi tôi có cảm tưởng như tình thương dù đậm, hai người cũng đã vô tình đẩy nhau đi quá xa trong những bất bình, tự ái, để có thể trở về bày tỏ tình thương cho nhau.

Và tôi đã phải lớn lên trong cái thế giằng co đó. Nhưng tôi không hề thấy mất thăng bằng. Chị Vĩnh luôn gần gũi, luôn cố gắng mở rộng vòng tay bao che. Đối với tôi, chị không chỉ là một người chị, mà còn là người bạn, người mẹ. Ba không thể ngờ được chuyện đó. Vì ba không bao giờ hiểu được Vĩnh. Ba luôn khó khăn muốn giữ nề nếp một người con gái Việt nam cổ điển, và chắc chắn là Vĩnh không được chút gì có thể làm ba hài lòng. Tính khí chị quá khác người. Chuyện chị hay đi sớm về khuya, chuyện chị phóng túng kết bạn hằng hà, chuyện chị la cà trong quán cà phê, dường như có cả hút thuốc, uống rượu, không phải là điều dễ chịu đựng cho một người cha như ba. Nhưng với tôi thì khác. Tôi luôn tin tưởng là chị biết rất rõ giới hạn phải dừng lại. Ba luôn sợ chị mang ảnh hưởng xấu đến cho tôi, nhưng ba không biết chị Vĩnh là người duy nhất hiểu tôi, biết cách nâng đỡ, bảo bọc tôi. Ba không biết là tôi vô cùng hãnh diện có được một người chị như chị Vĩnh. Mẹ mất từ khi hai đứa còn rất nhỏ, chị lớn hơn tôi không bao nhiêu, nhưng tôi biết chị luôn cố gắng đi trước, để trở về dẫn tôi qua, chỉ cho tôi chọn những lối đường yên ổn hơn.

Tôi không tìm đến ba mà luôn luôn tìm chị mỗi khi có chuyện gì khó xử. Và chị luôn chăm chú lắng nghe, lắng nghe bất cứ một vấn đề nào, dù nhỏ nhoi dị hợm đến đâu chăng nữa. Tôi chưa bao giờ nghĩ rằng có chuyện gì của tôi mà chị chưa từng trải qua, đã kiếm ra cách giải quyết.

Nhưng mặc dù chưa bao giờ tôi dám phê phán bất cứ một chuyện nhỏ nào về Vĩnh, tôi cũng khó lòng đồng ý được cho hành động vừa qua của chị. Cứ mỗi ngày nhìn ba ngồi yên trong lòng ghế nơi phòng khách, nhìn dáng ba bần thần không buồn đụng đũa trên bàn cơm, nhìn vai ba trĩu xuống, khuôn mặt luôn ẩn nét buồn phiền, tôi bắt buộc phải nghĩ rằng, lý ra, chị Vĩnh không bao giờ nên hành động như vậy.

*

Hai tháng trôi qua trong không khí nặng nhọc của cái buồn ẩn hiện. Rồi một buổi sáng thứ bảy còn trong giấc ngủ, tôi mơ màng nghe tiếng đàn bên tai. Thoáng xốn xang cho một điều vô lý nào đó làm tôi giật mình choàng tỉnh. Tiếng dương cầm. Tiếng đàn thật sự chứ không đến từ trí tưởng tượng hay trong mơ. Một bản valse. Đoạn nhẹ nhàng khoan thai mà chậm buồn, đoạn hồn nhiên vui tươi mười ngón tay phải chạy như lướt êm trên phím. Tôi nhớ chị Vĩnh có lần nói với tôi đoạn nhanh là bàn chân của đứa con chạy quẩn quanh gót mẹ, đoạn chậm là đôi mắt buồn của người mẹ, trôi lạc trong những ưu tư của tâm hồn và niềm hạnh phúc trìu mến trước nét hồn nhiên của đứa con thơ. Từ đó mỗi lần nghe bản nhạc này, tôi vẫn thường lơ đễnh mơ hồ trong cái nhớ bâng quơ. Hình ảnh điềm đạm buồn tênh của một người mẹ hiện lên như có thật. Tôi biết chị Vĩnh thích bản nhạc này, cũng như trong nỗi nhớ vô vọng, người ta hay tìm ảo giác để lấp kín tâm hồn. Một ảo giác sống thật, đôi khi cũng mang về được đôi chút an ủi cho cái thiếu thốn quá thâm sâu. Và tiếng đàn chị Vĩnh dường như vẫn thiên về những nguồn ảo giác. Mỗi bản nhạc là một thế giới, một hình ảnh, một màu sắc riêng tư. Có phải vì vậy mà dù kỹ thuật thuần thục điêu luyện hơn chị Vĩnh, ngón đàn của tôi – hình như – vẫn thua kém chị rất xa?

Một luồng điện chạy trong thân thể khi tôi vừa đủ tỉnh táo để ý thức một sự thật. Tôi tung mền ngồi dậy, và chạy ra phòng khách. Tôi rán nín thở đứng dựa cánh cửa, và im lặng nhìn chị Vĩnh. Chị Vĩnh. Mái tóc chị cắt ngắn một kiểu rất lạ, tôi ngạc nhiên ngắm nhìn ba cái đuôi rùa có duyên trên ót cao. Đoạn nhanh, đoạn chậm, bản valse của chị vẫn nhịp nhàng và tôi tuột người ngồi xuống, dựa lưng thành cửa. Tôi không biết tôi đang thưởng thức tiếng đàn của chị, hay đang muốn bản đàn chấm

dứt nhanh nhanh. Tôi thèm nhìn chị quay lại.

Và chị đã quay lại. Trợn mắt nhìn tôi.

– Mần chi mà ngồi như con ếch rứa. Có chi cho ta ăn không!

Tôi lồm cồm ngồi dậy, hỉnh mũi cười toe toét.

– "Ta" muốn ăn thì "ta" vào bếp! Con ếch không thèm mần cho "ta" ăn.

Chị Vĩnh nén chút bật cười giòn cho điệu bộ ó đâm của tôi, tôi vội vàng xua tay.

– Ba ngủ!

Tôi không biết tôi đã có lầm khi nhắc đến ba hay không, khuôn mặt Vĩnh thay đổi hẳn. Chị quay người lại, lót khăn đóng nắp đàn. Rồi im lặng đứng lên đi vào bếp. Tôi nhìn theo chị.

– Vĩnh vô thưa ba chưa?

Vĩnh nhún vai. Cái nhún vai mà ba rất ghét.

– Mi nói ba ngủ mà!

Chị Vĩnh mở tủ lạnh, và chăm chú ngắm những ngăn tủ gọn gàng, chất đầy đồ ăn.

– Răng đi chợ sớm rứa? Ta tính về dẫn mi đi.

– Hồi ni ba chở em đi chợ chiều thứ bảy.

– Mi ăn trứng không, ta làm.

Tôi lấy soong, và dành mấy cái trứng trên tay chị Vĩnh.

– Đưa em làm cho. Trưa ở lại ăn cơm nghe. Lâu quá mới thấy Vĩnh...

Chị Vĩnh ngẩng đầu. Dường như chị nhìn vu vơ về phía phòng ba.

– Thôi, tới chơi chút xí thôi, ta về liền.

Tôi ngước lên nhìn chị, kéo dài giọng thảm thương.

– Vĩnh!

Tôi không biết tôi có hay nhõng nhẽo với chị Vĩnh không. Hình như tôi không bao giờ có dịp nhõng nhẽo với ai hết. Tôi cũng không muốn nhõng nhẽo bây giờ. Nhưng quả thật là tôi nhớ chị Vĩnh, tôi mong chị Vĩnh ở lại, tôi cần chị Vĩnh ở lại.

Vĩnh dường như cũng cảm thấy điều đó. Chị đành gật đầu.

– Thôi được rồi. Ở tới hai giờ chiều thôi đó nghe chưa, sau đó chị phải về.

Cái gật đầu của chị Vĩnh làm tôi cảm động thật sự. Tôi biết chị chiều tôi, và biết chị phải cố gắng kinh khủng để có thể chiều tôi, vì chắc chắn là chị không muốn đối mặt ba. Tôi hơi ái ngại khi tưởng tượng đến bữa

cơm trưa ba cha con cùng ngồi nhìn mặt nhau, không khí chắc sẽ căng thẳng ngột ngạt vô cùng. Nhưng thôi kệ, tôi quá mong chị ở lại với tôi.

Buổi trưa hôm đó chị dành nấu ăn. Tôi đứng nhìn, cười liên miên cho cách nấu nướng kỳ cục của bà chị yêu dấu. Múc đầu này dây đầu nọ, lăng xăng và bày bừa kinh khiếp. Chỉ có cái hay là chị không hề ngượng nghịu, cứ hùng hổ tự tin một cách đáng phục. Thứ tự tin giúp những món ăn của chị làm ra mang một màu sắc, mùi vị lạ, không dở nhưng chắc chắn là ... không ngon. Hồi chị Vĩnh còn ở nhà, chính cái mùi vị lạ này làm tôi sợ, chẳng bao giờ dám để chị làm bếp. Hơn nữa chị bầy quá sức, khi làm xong tôi dọn còn mệt hơn mình tôi tự tay làm hết. Vậy mà hôm nay tôi lại vô cùng vui vẻ khi nhìn chị nấu ăn, nhìn bồn rửa chén mỗi lúc mỗi thêm đầy tràn. Chị vất vào đó đến bây giờ đã là bốn đôi đũa bếp. Cộng với vô số chén đĩa và nồi niêu dư thừa. Dù sao với đôi mắt quan sát tinh vi của người quen việc nấu nướng, tôi thấy chị Vĩnh tiến bộ hơn trước rất nhiều. Xắt đồ ăn đã không còn văng tùm lum dưới đất và chịu khó vất đồ dơ vào bồn rửa chứ không để rải rác cùng khắp như xưa.

Nhưng tôi có cảm tưởng như chị không hoàn toàn thoải mái. Và tôi cũng vậy. Có chút lo lắng hồi hộp nào đó khó lòng giải thích. Ba đến giờ vẫn chưa bước ra khỏi phòng ngủ. Cánh cửa đóng im lìm một cách đáng sợ. Đến lúc vất chiếc đũa bếp cuối cùng vào bồn rửa chén, chị Vĩnh thở ra và bắt đầu đếm chén đũa dọn bàn ăn. Tôi biết ý, lẳng lặng rời bếp bước vào phòng ba.

– Thưa ba ra thời cơm.

Ba ngồi trên chiếc ghế quay về hướng cửa sổ. Tôi không biết ông ngồi trong tư thế đó đã bao nhiêu lâu. Ngồi như ngồi trên những đống gạch vụn, như trên những đổ vỡ mênh mông. Tiếng thưa của tôi trôi lạc trong phòng không gây nổi chút âm vang nào. Tôi khép cửa bước đến gần ba, quàng tay ôm qua cổ.

– Ba ra thời cơm, đi ba!

Ba ho khan, hắng giọng.

– Ba không đói. Bữa nay chắc ba không ăn.

Tôi ngoẹo cổ hôn lên má ba, thủ thỉ.

– Hay con đem cơm vô trong ni, chừng mô ba đói ba ăn, nghe ba.

Ba gật đầu. Cái gật đầu lơ đễnh chừng như vô nghĩa. Mắt ba kéo những tia đỏ, khuôn mặt như co thắt xé toạc trong những nỗi đau dật dờ nào đó. Tôi không dám nhìn lâu.

Tôi hôn ba thêm lần nữa, rồi nhẹ nhàng bước ra khỏi phòng.

Chị Vĩnh có vẻ nhẹ nhõm thoải mái hẳn ra khi biết ba sẽ không rời phòng. Chị tự tay sắp dọn mâm cơm cho ba. Tôi có cảm tưởng như chị cố gắng bày biện cho sạch sẽ mát mắt. Trong cử chỉ chị đã có chút nhẹ nhàng, gần như là một niềm vui, nhưng có lẽ không hẳn là một niềm vui. Khi mâm cơm đã xong xuôi, chị cười phất bàn tay, và tôi trịnh trọng bưng mâm vào phòng.

*

Từ đó mỗi chủ nhật chị Vĩnh mỗi về. Tôi nằm trong giường, ngủ vùi yên lành chờ lúc tiếng đàn của chị dịu dàng đánh thức. Buổi sáng thức dậy trong tiếng đàn giăng kín, tôi lang bang thả lỏng tư tưởng trôi dạt thật lâu. Trong những nguồn nhớ, nguồn thương, trong dòng tình cảm dạt dào. Tiếng đàn của chị Vĩnh mỗi lúc mỗi thua sút tôi thêm vì chị chỉ còn tập dượt vài lần mỗi sáng chủ nhật, nhưng đối với riêng tôi, tôi thấy tiếng đàn chị mỗi lúc một lớn, mỗi lúc mỗi bao la. Tiếng đàn gắn liền với mộng mị của tôi về đêm, nối dài hiện tại tôi buổi sáng, nối dài thêm trong những nỗi vui cơn buồn. Tiếng đàn chị không bao giờ chỉ là âm thanh. Đôi khi giọt thầm như những sợi nắng mông lung. Đôi lúc giọt trong như nước thánh thót rơi trên mặt hồ tĩnh lặng. Nhịp tim ngắn, nhịp tim dài, nhịp thở cuồng loạn hay mong manh. Tiếng đàn chị Vĩnh thay đổi không ngừng, và tôi nằm mỗi sáng, chiêm ngưỡng chị tôi qua tiếng đàn. Thường mười ngón tay chị tôi tìm kiếm vô vọng những nguồn ảo giác, để riêng xây một thế giới, một thế giới đủ lớn rộng, chở che cho vùng nội tâm chập chùng những bí ẩn riêng tư.

Ba không rời phòng nữa. Mâm cơm cho ba ngày chủ nhật đã trở thành một thói quen. Mỗi tối thứ bảy ba thu xếp đầy đủ mọi thứ cần thiết cho một ngày chủ nhật làm việc trong phòng, và trưa chủ nhật ba yên tĩnh chờ tôi đem mâm cơm vào, với những món ăn mùi vị lạ của chị Vĩnh nấu. Tôi thường muốn ngồi lại với ba dăm phút, nhưng ba luôn nhẹ nhàng đẩy tôi ra ngoài. Hai cha con có cả tuần để sống với nhau, trong khi chị Vĩnh chỉ về ngày chủ nhật mà thôi. Tôi quấn quýt quanh chị. Chị bắt tôi dạy nấu ăn, bắt tôi dạy tiếp chị những bản đàn, luyện trở lại những bàn tay đôi. Thuở đầu tôi hơi ngạc nhiên thấy chị không bao giờ chịu nghe lời tôi rủ đi dạo loanh quanh đây đó, cũng không bao giờ chịu theo tôi vào phòng, chị giữ tôi lại, quanh quẩn cười giỡn trong bếp, trong phòng khách mà không bao giờ đi đâu xa hơn. Sau rồi tôi hiểu. Chỉ giản

dị vì cánh cửa phòng ba không bao giờ khép kín, và chị Vĩnh không bao giờ rời xa phạm vi phòng bếp, phòng khách. Tôi thấy lòng yên ổn, quẩn quanh theo gót chị Vĩnh trong suốt những ngày chủ nhật yên bình.

Nhà chị Vĩnh cách nhà tôi hơn nửa tiếng xe điện, nhưng cách trường chỉ mươi phút đi bộ, những hôm có giờ trống, tôi vẫn thường ghé qua nhà chị, nghe nhạc, làm bài, hay... lục bếp. Thường không khi nào tôi gặp chị, vì buổi trưa chị đi làm. Nhưng thỉnh thoảng vẫn gặp Albert. Anh chàng người cao ráo, ốm nhom và xanh mướt. Không biết chị Vĩnh kiếm đâu ra được chàng Tây lai Thụy điển này, với mái tóc vàng tơ mịn, hai con mắt xanh biêng biếc. Những lần đầu gặp mặt, tôi bất mãn vô cùng. Tôi không ngờ là mình nhiều thành kiến đến như vậy, nhưng thật sự là tôi khó lòng chấp nhận được chuyện chị Vĩnh ở chung với một anh chàng mắt xanh mũi lõ. Chị Vĩnh dù không đẹp xuất sắc, nhưng cũng sáng láng hào quang. Trong đám những người bạn trai của chị, mười anh hết chín mê chị tha thiết. Tôi không biết hết về những người bạn của chị, không biết nhiều về thế giới chị đang sống, nhưng tôi biết có nhiều anh rất đặng. Không bao giờ tôi tưởng tượng được là chị lại đem lòng thương một tên tóc vàng, đến độ chấp nhận bỏ cả giang sơn của mình để dọn đến đây, trong thế giới này, không phải của chị.

Có lẽ tôi đã không bao giờ thôi âm thầm hờn giận Vĩnh, nếu như một hôm đẹp trời, chị không nổi hứng làm cho tôi một chiếc chìa khóa mở cửa nhà chị. Từ đó tôi đến nhà chị thường xuyên. Tôi vào bất cứ giờ nào tôi muốn, tôi bước vào thế giới này đây, tôi lục lọi, tôi ở lại, tôi ra về, chị không cần có mặt để bảo vệ, canh chừng cái gì cả. Chị cho tôi hết. Và đó là một món quà vĩ đại mà chị đã cố ý tặng tôi. Chị biết tôi không muốn bị gạt ra khỏi cuộc sống của chị, chị biết tôi cần chị, cần cảm thấy chị còn thuộc về tôi, tôi thuộc về chị.

Và chị biết một ngày chủ nhật không đủ cho cái máu tham lam của tôi, nên chị mở cửa cho tôi vào nhà chị. Tôi chưa bao giờ nghĩ rằng chị Vĩnh có thể cáng đáng được chuyện nhà cửa, vậy mà căn phòng nhỏ xíu của chị xinh xắn dễ thương vô cùng. Có những buổi trưa bước vào, tôi thấy Albert loay hoay trong bếp, hay ngồi an lành đọc sách, tôi tự hỏi không biết anh chàng này có ý thức được cái sự may mắn vĩ đại của đời mình hay không. Albert lớn hơn chị tôi bốn tuổi, nghĩa là lớn hơn tôi những tám. Sau mấy lần đầu gặp gỡ ác cảm đằng đằng, dần dà nét cởi mở thân thiện của anh làm tôi dịu đi, và tôi bắt đầu chịu chấp nhận anh.

Chấp nhận như chấp nhận một điều... không thể không chấp nhận, rồi chấp nhận như chấp nhận một điều có thể chấp nhận được. Và cuối cùng là chấp nhận với đôi chút cảm tình, nhưng tôi ngừng lại ở đó. Phần là vì tôi gặp anh không nhiều. Phần vì trong những lần nói chuyện, dù cởi mở thân mật đến đâu, tôi vẫn thấy như có một khe hở nào đó, khiến tôi vẫn không thật sự biết nhiều về con người anh.

Chỉ có điều cũng nhờ chiếc chìa khóa chị Vĩnh trao cho, mà tôi không còn thấy xa cách với đời sống của chị, không còn khổ sở trước sự chọn lựa của chị như lúc đầu. Tôi dần dà hiểu, dần dà thấy rõ hơn. Nhất là từ khi tôi khám phá ra anh Albert cũng có máu mê cờ tướng như tôi, tôi không còn đặt nhiều vấn đề thắc mắc cho mái tóc vàng và đôi mắt xanh của anh nữa. Anh Albert đủ sức đi những nước cờ làm tôi điêu đứng, đó là điều mà không phải bất cứ ai cũng có thể làm được.

*

Tôi thấy tôi bay trên một cánh đồng màu đen. Những nhánh cỏ đen vươn lên, những bông hoa dại chờn vờn trong gió, cũng tuyền một màu đen, những màu đen rập rờn, giữa nền không gian trắng tươi ống ánh sáng lòa. Tôi bay cánh gãy gập, trong triền gió, vùn vụt, chập choạng, điếc mù, và tôi bay. Không gian đẩy tôi tới, bay như trôi dập trong những luồng khí nóng, khí lạnh, những luồng khí nặng, khí nhẹ, loạng choạng chới với. Cánh đồng từ đen chuyển dần sang đỏ, từ đỏ sang xanh, xanh sang vàng, rồi tôi trôi tuột vào một khoảng không nhạt nhòa màu sắc, xác bướm tuột khỏi người trôi về phía sau và tôi chúi đầu tới trước, để thật sự rớt lại trên giường. Tôi tỉnh dậy trong tiếng đàn dồn dập bão tố của chị Vĩnh.

Tiếng đàn rõ ràng bên tai. Không còn nặng, còn nhẹ. Không là vui, là buồn. Tiếng đàn cuồng loạn rối rắm như mười ngón tay đuối ngạt, vô vọng tìm lối trồi lên từ những hố đen sâu thẳm. Tiếng đàn như xé rách âm thanh nghệ thuật, đập vỡ mọi giới hạn của thể xác, tiếng đàn sổng vó điếc xé những cơn đau. Tôi giật mình trống tim đập mạnh khi bất chợt tiếng đàn ầm vỡ rồi tắc nghẽn. Không còn dấu tích. Hình ảnh chị Vĩnh hiện lên rõ rệt và tôi vội vã tung mền chạy ra phòng khách.

Nhưng tôi khựng ngay trước cửa khi vừa thấy bóng chị Vĩnh. Chị đứng bên cửa sổ, quay mặt ra ngoài, khoa đầu châm một điếu thuốc. Nghe tiếng chân tôi chị quay lại, tiếng nói nhẹ nhàng không một thoáng giao động nhỏ nhoi.

– Tâm hả? Răng dậy sớm rứa?

ba nói tôi có rảnh thì rán ghé sang nhà chị Vĩnh. Tôi nghe lòng mềm nhũn trước vẻ thản nhiên giả tạo của ba. Trong lúc đó, tôi không dám nói với ba là tuần lễ vừa rồi tôi đã liên tục ghé qua nhà chị Vĩnh, nhưng không có dấu vết gì chứng tỏ là chị có về nhà. Tất cả nằm nguyên vẹn không mảy may thay đổi trong suốt một tuần lễ. Tôi chỉ tìm được một mẩu giấy chị dằn trên bàn, ghi mấy dòng vội vã: "Tâm à, chắc chị không có thì giờ gọi cho em. Cứ giữ chìa khóa ghé lại đây nếu muốn. Chị bận chút chuyện chứ không việc chi mô, em đừng lo".

Và chị Vĩnh biến mất hoàn toàn. Tôi không cách gì mò ra dấu vết của chị. Chị dặn tôi đừng lo, nhưng tôi không biết làm sao để có thể không lo lắng.

Sau lần đó, ba không hỏi gì thêm về chị Vĩnh và tôi cũng không biết gì hơn để có thể cho ba hay. Tôi không ghé qua nhà chị Vĩnh nữa, cái hoang vắng đây còn rõ nét hơn cả ở nhà. Tôi cũng không muốn nghĩ nhiều đến chị Vĩnh, rán không suy nghĩ đến tất cả những gì có thể xảy đến, rán lượn tránh những lo âu. Tôi chỉ còn nuôi mỗi một hy vọng mơ hồ. Một hy vọng được đem vào lời cầu nguyện của những đêm thứ bảy tôi đi ngủ. Là, ước gì, sáng chủ nhật ngày mai chị lại trở về đánh thức tôi dậy bằng một bản đàn thân thuộc nào đó.

*

Nhưng lời cầu nguyện của tôi chỉ thành sự thật được có phân nửa. Chị Vĩnh trở về, nhưng không phải là một sáng chủ nhật ngồi đàn để đánh thức tôi dậy, mà là một buổi tối trong tuần. Tôi đang xem chương trình thời sự với ba ở bàn cơm, thì bất chợt cánh cửa mở ra, chị Vĩnh bước vào. Chị lúng túng cởi áo ngoài hành lang và đặt hai túi xách xuống đất. Ba xô ghế đứng dậy, run run trỏ một ngón tay.

– Cái chi ri? Chị na cái chi về đây ri?

Chị Vĩnh ngước lên, thần sắc trống vắng. Tôi giật mình nhìn chị. Đôi mắt quầng sâu, đôi mắt lặng lờ, như dật dờ lây lất ở một nơi chốn nào đó, không phải ở đây. Nhưng ba không nhận ra điều đó. Trăm vạn điều căng thẳng hành hạ ba từ gần ba tháng nay, bỗng như căng đứt. Ba mù quáng giận dữ.

– Bỏ nhà theo trai bỏ cha bỏ em, chừ na áo quần về đây chi rứa? Hắn bỏ chị rồi, phải không? Hắn bỏ rồi na đồ về đây báo cơm, phải không! Tôi không chứa.

Tôi hốt hoảng trước những lời cay nghiệt của ba.

– Ba, chi mà dữ rứa, chi mà dữ rứa!

Tôi kéo bàn tay ba xuống, tôi kéo ghế cho ba. Ba dễ sợ khi ba nổi giận, ba tàn nhẫn khi ba nổi giận. Rồi sau đó có thể ba sẽ bị dằn vặt hối hận cho những lời nói ra. Rồi sau đó có thể vì tự ái ba không bao giờ đính chính những lời đã nói ra. Rồi sau đó chị Vĩnh sẽ không bao giờ thôi buồn, cũng lại vì những lời đã nói ra. Tôi vuốt ve ba, tôi xoa dịu ba, nhưng ba vẫn bùng nổ.

– Chị có bước mau ra khỏi nhà tôi không!

Tôi sợ chị Vĩnh bỏ đi thật. Nhưng khi ngẩng lên, tôi thót ruột khi thấy chị vẫn đứng yên, đôi mắt vẫn trống vắng. Như có một lớp không khí nào vây bọc chị, mọi chuyện bên ngoài không thấm vào trực tiếp. Đôi dòng nước mắt lặng lẽ chảy xuống, chị cúi người lượm hai túi xách, rồi mặc cơn giận dữ lồng lộn của ba, chị quay lưng bước thẳng về phòng.

Ba rớt xuống khi chị Vĩnh vừa ra khỏi tầm mắt. Nhìn ba ngồi nhăn nhúm trong lòng ghế, tôi thấy ba đau khổ hơn bao giờ. Nhưng cái đau bây giờ như đã có đường giải tỏa, bùng thoát. Tôi biết rồi máu nóng sẽ dịu xuống. Trong thâm tâm ba đang hạnh phúc. Xen lẫn giữa niềm vui con gái bình an vô sự, còn có niềm kiêu hãnh là mình đã hoàn toàn có lý, đã chứng minh được rằng sự ra đi của con là sai lầm.

Tôi thấy tôi không cần phải lo ngại cho ba nữa. Chỉ còn nét mặt của chị Vĩnh là làm tôi giao động sâu xa. Tôi rời ba bước theo Vĩnh vào phòng. Chị Vĩnh đang mở túi xách và xếp áo quần vào tủ. Tôi không biết sức chịu đựng của con người sâu rộng đến đâu, vẫn hằng tin rằng nghị lực và sức mạnh của chị Vĩnh vĩ đại vô cùng. Nhưng đứng nhìn từng cử động rời rạc của chị, tôi hiểu Vĩnh đã đi đến tận cùng những cố gắng, tưởng chừng chỉ cần thở thêm một hơi thở mạnh là sức sống tuôn cạn và chị sẽ rớt xuống thành bột vụn. Tôi không có thì giờ suy nghĩ đến những gì đã xảy ra trong suốt mấy tháng qua, và cũng không thấy cần thiết phải nghĩ đến. Chuyện quan trọng hiện thời là chị Vĩnh phải nằm xuống, phải ngủ, nhất định phải ngủ thật nhiều. Sức chịu đựng của tinh thần có thể vĩ đại, nhưng sức chịu đựng của thể xác luôn có giới hạn. Chị Vĩnh dường như đang đứng chênh vênh trên mức giới hạn cheo leo đó.

Tôi quyết định bước vào phòng, và gạt hết mọi đồ đạc trên giường chị. Cho đến nay tôi sẽ không kịp thay bao nệm mới. Tôi trở lại đón mớ áo quần chị đang cầm trên tay, thảy ngược vào túi xách, rồi vất tất cả vào chân tủ. Tôi lượm chiếc áo ngủ, thay cho chị, rồi dẫn chị lên giường. Tôi bắt chị uống một viên thuốc ngủ, rồi ấn chị xuống. Chị nhắm mắt. Hình như chị ngủ liền khi chất thuốc ngủ vừa ngấm. Tôi thấy những dòng lệ

vẫn đều đặn rơi dài, những dòng lệ không rời, im lặng theo chị đi vào giấc ngủ.

*

Vậy là hôm nay là lần đầu tiên tôi với ba được tiếp xúc với gia đình của Albert. Ông bố tóc vàng óng, nước da rám nắng và vóc người đẫy đà. Bà mẹ còn rất trẻ, dáng nhỏ nhắn với khuôn mặt phúc hậu. Albert còn có một người em trai, có lẽ bằng tuổi với chị Vĩnh. Họ đứng quanh chị, như đã từ lâu xem chị là người trong gia đình. Suốt buổi lễ chị đỡ tay bà mẹ, đứng với gia đình Albert ở bên kia, tôi và ba đứng phía bên này. Một số người quen rải rác xung quanh. Không khí trầm trọng, trang nghiêm. Ba hoàn toàn im lặng. Sự hối hận, nếu có, sẽ được bày tỏ khác hơn là một ánh mắt thông cảm, một lời nói, hay một cử chỉ bất kỳ nào trong giờ phút này. Ba đã từ chối Vĩnh, từ chối một đứa con, giữa khi gia đình Albert đón chị bằng cả một niềm ân cần, trang trọng. Bà mẹ Albert nghiêng thân người dựa lên cánh tay chị. Chị nâng đỡ giùm nỗi đau của người ta, ai là người nâng đỡ giùm nỗi đau của chị? Lý ra chị phải kể cho em nghe. Nỗi đau đã quá lớn tại sao còn chất chồng thêm những hiểu lầm, tại sao không san sẻ mà cứ cô đơn gánh chịu?

Hay chính tại vì cơn đau quá lớn? Cơn đau quá lớn. Đến bất ngờ như cơn lốc xoáy, chị phải vội vàng băng theo, cắn chặt môi để ém giữ nguồn can đảm và nghị lực. Cơn đau quá lớn để có thể mượn lời nói mà phân tích, giải bày. Quá lớn để có thể san sẻ, quá lớn quá sức lớn, ứ đầy như một quả bóng căng hơi, phải cố nín thở ngậm câm để giữ lấy thăng bằng.

Có lẽ vì vậy. Vì chị không còn đủ tâm sức, không còn đủ can đảm, để giải thích cho tôi, cho ba. Hoặc là vì chị đã cố gắng tìm sự thông cảm, nhưng ba ngừng lại trước chuyện chị bỏ đi, tôi ngừng lại trước chuyện chị sống với một người con trai không cùng chủng tộc, không ai chịu nghe chị nói, không ai chịu đưa bàn tay thông cảm ra cho chị nắm lấy.

Bây giờ thì đã quá trễ để có thể quay lại, không còn gì để mà dằn vặt với những dáng – lý, lẽ – ra. Còn lại là những ngày sắp tới. Còn lại là chị Vĩnh, với cơn đau trần trắng, mà – tôi sợ là – ngoài chị ra không ai còn có thể chia xẻ, thấu hiểu, hay an ủi, xoa dịu được gì.

Lễ táng kết thúc nhanh chóng hơn tôi có thể ngờ. Một cuộc đời kéo dài không bao nhiêu, một cuộc tiễn đưa cũng ngắn ngủi như là cuộc đời đã sống. Lời kinh Cứu Rỗi chấm dứt, những viên đất từ bàn tay người thân ném xuống, và thế là xong. Người mẹ khóc ngất, chị Vĩnh vội vàng mở rộng vòng tay, khép lại an ủi. Tôi ngạc nhiên thấy chị bình tĩnh và

vững vàng như một người ngoại cuộc. Có lúc tôi thấy chị nhẹ nhàng như đứng trong một luồng khí ấm bảo bọc nào đó. Chị không nhìn ai, không thấy gì. Cũng không cần ai, không chờ đợi gì. Nhưng bà mẹ thì cần chị. Nhưng cả gia đình bên anh Albert đều cần chị. Chị là dấu vết cuối cùng của một đời sống còn sót lại. Chị là con người cuối cùng của một yêu thương còn sót lại. Chị là thế giới riêng tư duy nhất của anh Albert, còn sót lại. Cả gia đình anh Albert đều cần chị, cần như điểm tựa tinh thần cuối cùng, niềm an ủi cuối cùng, cần như một người chia xẻ niềm đau chung. Tôi tưởng tượng đến những ngày dài, đêm dài của suốt ba tháng nay chị quay cuồng vào ra bệnh viện. Nghĩ đến ba tháng dài chị đã cùng người mẹ thay phiên túc trực bên giường bệnh, ba tháng dài vất vả chống cự với điều không thể tránh khỏi, hy vọng một điều không thể có. Tôi nghĩ đến hai năm dài chị chấp nhận bỏ rơi tất cả những người thân của chị, để đến với anh Albert. Bỏ cả tương lai, bỏ cả hiện tại, chị riêng lo cho anh. Sự chọn lựa không giản dị là một cử chỉ bồng bột, mua lấy những tự mãn riêng tư, không đến từ lòng thương hại vẫn sẵn có trong con tim của mọi người con gái. Sự chọn lựa đã xứng đáng là một chọn lựa. Tôi đã thấy chị sống. Bây giờ tôi hiểu. Từng ngày, từng ngày, chị cố gắng, chị thu vén, chị chăm lo. Hai năm dài ghép lại từ những cái "từng ngày" đó, chị chắp thành trọn vẹn một cuộc sống. Một cuộc sống ngắn ngủi nhưng trọn vẹn, với những cái "từng ngày" cướp giật từ sự sống, nỗi chết. Chết. Dường như chị không bao giờ e ngại cho cái kết cuộc bi thảm đó của một đời người. Ngày xưa chị vẫn thường nói với tôi sống nhiều không bằng sống đầy, sống xứng đáng. Tôi biết nhờ chị mà anh Albert đã được hưởng một cuộc sống đầy và xứng đáng, cho dù sống không có dài. Tôi không bao giờ có thể tưởng tượng được chị đã mang tất cả những gì đến cho gia đình anh Albert, đã chia xẻ tất cả những gì cho người con trai mà chị thương. Có lẽ nhờ chị, cơn – bệnh – chờ – thời đã không còn là một ám ảnh, cái – chết – đương – nhiên đã không còn là bất hạnh. Có lẽ đó là những gì chị đã làm. Và có lẽ đó là điều chị chọn lựa tặng anh Albert khi anh còn trong cuộc sống. Tình thương không còn ngừng ở lời nói, cũng không còn ngừng ở một cử chỉ, một hành động, hay một hy sinh. Tình thương chỉ giản dị là tình thương, phủ mịt, bao trùm, thuần nhất. Tôi choáng ngợp.

Hai năm đó đã là hai năm hạnh phúc, hay hai năm khổ đau, chỉ riêng mình chị, chị biết. Đám táng chấm dứt. Đám người lục đục chào nhau ra về. Chị dìu người mẹ bước tới. Ra đến cổng, chị trao bà lại cho người em trai. Tần mần dặn dò nhớ rán an ủi chăm sóc cho mẹ. Người con trai hiền

hòa hôn hào chị. Prends soin de toi aussi. Et reviens – nous voir. Người cha cũng kéo chị lại, quàng tay qua vai siết chặt thương mến. Những giọt nước mắt rơi nhòa. Những vòng tay thân yêu. Và chị quay lưng, một bước rời xa thế giới của anh Albert, để thật sự trở về với gia đình.

*

Đêm hôm đó về lại giang sơn của hai chị em, tôi trở mình nghe chị nhỏ nhẹ nói trong đêm.

– Anh đi sớm quá, chị không có thì giờ, Tâm à...

Tôi nín thở cho chị tâm sự tiếp. Nhưng chị Vĩnh chỉ thở dài.

– Hai năm sống hết một cuộc đời rồi, chừ biết làm chi với mấy mươi năm còn lại đây, Tâm?

Tôi bàng hoàng trong bóng đêm của lời chị nói. Nỗi ám ảnh theo đuổi lâu dài. Hai năm hết một cuộc đời. Lúc đó, chị Vĩnh của tôi chỉ vừa mới ngoài hai mươi...

4.89

HOA THÁNG BẢY

Em hỏi tôi tháng bảy
Bao giờ dứt cơn mưa
Một vòng hoa tóc trắng
Thêu nên nhánh mộng thừa

Em hỏi tôi tháng bảy
Sao mù lá vàng bay
Đôi bàn tay khờ dại
Kết thành sầu nghiêng bay

Trên rừng hương hoa cũ
Có tháng bảy chơi vơi
Bay mù khơi giọt lệ
Quanh những khối tình người

Tháng bảy một mùa đông
Sao ấm lạnh bềnh bồng
Em hỏi tôi tháng bảy
Tình có còn hay không?

Nhược Thủy

Nhược Thủy

TRĂM NĂM NGƯỜI VẪN GỌI VỀ

Ta cười hỏi bóng
Có biết vì đâu mưa đuổi tới hiên nhà?
Đêm dài tịch mịch
Ta lặng lẽ đời ta
Vài cánh tay vươn, gõ bên thềm ký ức
Vài sợi hương hoa thành khói biếc tỏa nhòa
Một nửa nụ cười thành mưa rơi lạnh
Nửa thành mây tan giạt cuối trời xa.

Ai gọi ta về...
Bó gối đong đưa nhìn hồn phiêu giạt
Ta thấy ta rơi trăm vạn giữa lòng đêm
Mưa ngoài thềm, sao vào đây ướt tóc?
Chuyện đời người, sao cấy lạnh vai ta?

Ai gọi ta về...
Đừng níu tương lai bằng hai bàn tay vỗ
Đón tang thương bằng một nụ cười hiền
Phủi áo cho qua, con đường lại

Đêm nay trời mưa lạnh ngoài hiên
Ai gọi ta về làm sóng, vỗ triền miên...

Nhược Thủy

Văn Cũng Thường

ÁNG MÂY MÊ NGỦ

Văn Cũng Thường: sinh năm 1958, bút hiệu khác Ưa Hát, Huỳnh Tống khanh. Trong ban biên tập của các tạp chí Tin Lành Đất Mới, Thông Công. Sáng tác Áng Mây Mê Ngủ viết từ một góc độ tâm linh chịu chi phối bởi hai nguồn nghệ thuật Hội họa cùng Điêu khắc. Bút pháp có nét siêu hình, một loại "Tân Liêu Trai".

Vực mênh mông đổ bóng chiều
Làng xiêu dột đón buồn hiu quạnh vào
Em cười môi mắt chiêm bao
Biển mây chia cách từ giao điểm này

* Ngọc Khôi – Võ việt Dũng.

1

Khi định nói về ngôi làng đó, tôi đã thấy ngay một sự khó khăn để diễn tả. Một lần, nể lời một người bạn ra quyển sách nói về đời sống Pháp, tôi đã nhi nhô vài chữ gọi là tùy bút, viết đôi nét cái duyên của ngôi làng. Thế rồi, quyển sách ra mắt và còn bày bán đều đều cho đến bây giờ, nhưng khiếm khuyết bài viết của tôi. Tôi tự an ủi, có lẽ, ngòi bút chưa đủ lửa, cái duyên mờ nhạt đó chưa rõ nét để lôi cuốn người bạn và người đọc.

Thế rồi, tháng năm vẫn cứ miệt mài trôi vào quên lãng, việc thăm viếng ngôi làng chỉ khép nép xếp vào những chương trình tình cờ, hoặc để làm vui lòng những người bạn tò mò, thường thì chỉ để tìm kiếm tặng phẩm vội vàng trong các ngày cuối của kỳ hè.

Thế rồi, ngôi làng và tôi gắn liền với nhau như một định mệnh đã vạch sẵn, do công ăn việc làm, bỗng nhiên, tôi dự phần vào đời sống với dân làng, trò chuyện, hít thở cùng một bầu không khí được ướp hương nồng trộn lẫn giữa mùi biển mặn đưa lên từ phía dưới và của gió núi từ rặng Alpes thổi về.

Những buổi trưa, giờ ăn trong sở, tôi nghe được tiếng chuông nhà thờ của làng thong thả báo giờ, hay từ bao lơn, có thể thấy một chút mặt biển xanh và những mái nhà ngói nâu tí hon trải dài.

Như thế, cũng xong, cho một phần đời tôi còn lại, cho những mối tình đã đi qua không bao giờ trở lại, và tương lai, cũng chả gì là rõ ràng với

tiền lương cố định. Nhưng tôi biết chắc, có một điều mà tôi hài lòng vô cùng, là thiên nhiên, và tính tình của người dân địa phương nơi này làm tôi có cảm tưởng như còn đang sống liền với quê hương Việt nam yêu dấu. Nắng tháng Bảy ở đây là nắng Sàigòn, mùa xuân ở bên này chẳng khác chi là mùa mưa ngâu ở nơi quê nhà. Có khác chăng là tiếng nói, danh xưng và biên giới. Đôi khi, thiên nhiên và khí hậu đánh lừa cái cảm giác tôi, tôi hiện diện Sàigòn, tôi có hẹn với Phượng Vĩ chiều nay tại nhà nàng, trên con đường Nguyễn Kim. Dù vốn biết, nhưng tôi cứ để cái cảm giác đó lôi kéo. Sau cùng, tôi cũng phải trở về thế giới thực tại, với những bạn đồng nghiệp, để trả lời cho công việc.

2

Trong giờ giải lao tháng ba, bà Zhaiahre, người đồng nghiệp Algérienne cùng tôi tán gẫu về ngôi làng, mà bởi cấu trúc địa dưa, từ nơi này công viên ở sở, nhìn thấy toàn diện những ngôi nhà trước mặt. Tôi buông ra một câu vô thưởng vô phạt:

– Tôi mến nó lắm, tôi yêu thích nó lạ lùng, những ngày nghỉ thường khi tôi đi dạo, lượn một vòng, nhìn những cửa tiệm bán toàn đồ gốm, bỗng dưng từ bao giờ làng và tôi có một thứ tình cảm kết chặt, liên hệ nhau như ruột thịt.

Vô tình, tôi làm cuộc quảng cáo không công cho ngôi làng du lịch. Người đàn bà Bắc Phi cũng phụ họa theo nhiệt tình:

– Những khi cần dùng dụng cụ nhà bếp là tôi liên tưởng đến nó ngay.

Tôi tán thành:

– Đến nay, trong nhà tôi những hai mươi cái lọ cái bình đủ cỡ, lần mua nào tôi cũng tự bảo, thôi nhé lần này là lần cuối, vậy mà, hễ khi đi ngang qua một tiệm nào, là tánh mua vặt cứ nổi lên không chừa...

Khi nhiệt tình đưa tới cao điểm:

– Ông Thường này, chiều nay sau giờ tan sở, tôi và ông đi xem có gì mới lạ, ngày bây giờ dài ra một chút rồi đó, hôm nay trời ấm lại nhờ nắng.

Tôi suy tính:

– Mới lạ thì lúc nào cũng có, nhưng Zhaiahre này, bà có biết không, tôi thường đi mua sắm sau mùa hè, lúc du khách trở về cố quận, dân làng không hẹn đồ sold cả lượt. Chiều nay, tôi phải đi chợ này, giặt dũ này...

Thực ra, ngày nào cũng như ngày nấy, tôi chỉ trông chờ về nhà liền để xem tôi có những lá thư nào trong hôm ấy, thư tình cảm bạn bè đọc

trước, giấy báo ngân hàng, tiền gaz tiền điện xem sau. Hôm nào không thư thì tôi ngồi thừ một đống, hỡi ơi, trái lại, tôi là người lười viết thư nhất thế giới. Zhaiahre cụt hứng thấy rõ. Và rồi, những lọ, hũ chấm dứt ở đó, đề tài chuyển sang việc bếp núc ăn uống.

3

Ngay buổi chiều hôm ấy, tôi không thể về nhà một mạch được, thời tiết thay đổi, cơn mưa xuân thình lình rơi xuống lúc xế chiều, cơn mưa cầm chân tôi lại nơi bìa ngôi làng. Tôi không thể lái chiếc Tanunus to xù trên một ngọn đồi có đường đèo hiểm nghèo và trơn ướt lúc này cho được. Tôi đậu lại ven đường. Bên ngoài, cơn mưa trút nước như thác đổ, tôi khoan khoái duỗi chân duỗi tay ra thẳng và lắng nghe tiếng mưa đổ lộp độp trên mui xe. Trong lòng xe khô ráo tương phản với làn mưa ẩm ướt bên ngoài cho một cảm giác bình an lạ lùng. Tôi không thể giải thích được. Tôi lại nhớ về Sàigòn nữa rồi. Khi không, tôi bỗng ăn năn cho một mùa mưa thời tuổi nhỏ. Tiếng rao của một bà bán hàng vặt: "Ai ăn chè chuối chưng bột bán nước dừa hôn?" Lúc ấy tuổi nhỏ, tính hay phá, từ bên trong cánh cửa sổ che màn gọi ra: "Ê, bà bán chè chuối, chè chuối...". Người đàn bà bỏ gánh xuống nhìn quanh quất, dáng đơn độc, đứng chờ một hồi lâu, khi không thấy ai ra, bà quẩy gánh tiếp tục bước đi. Sau này lớn lên, có va chạm với đời, tôi đã không tha thứ cho hành động ấu trĩ đó của tôi.

Tôi đang ở một cao điểm trước con đường đèo không xa dẫn về thành phố Cannes sau ngọn đồi Saint Antoine. Ngôi làng Vallauris bây giờ mờ nhạt như bức tranh thủy mạc giữa biển và đồi.

Vô tình, tiếng mưa rơi là nhịp điệu ru tôi ngủ. Mí mắt tôi trĩu nặng sau tám tiếng đồng hồ quá chú tâm vào công việc. Tôi tự lay tỉnh tôi, phải làm một cái gì đi chứ, nếu tôi chợp mắt lúc này, lát nữa, tôi khó mà dỗ giấc ngủ cho được, dám thức trắng tới sáng lắm. Tôi mở trừng mắt, sờ soạng hàng ghế sau kiếm cây dù và mở cửa xe bước ra. Bên ngoài trời đã dịu nhỏ lại những giọt mưa. Tôi hít thật sâu bầu không khí tươi mát trong lồng ngực, thoải mái và tỉnh táo. Cẩn thận tôi nhoài người vào trong kéo cái thắng tay ở nấc cuối cho chắc ăn. Chiếc xe đang đậu ở một vị thế nghiêng. Rồi tôi đi ngược trở lại hướng về làng. Tôi vừa mới nhớ ra, một tiệm bán đồ gốm rất nghệ thuật gần đâu đây, mà vì không tiện đường xe, với lại giá cả bán giá trên trời dưới đất gì đâu, đã làm tôi sao nhãng, bẵng đi một thời gian lâu.

4

Bốn năm về trước, cũng một cơn mưa như ngày hôm nay, chiếc xe gắn máy phải ngừng lại trước mái hiên một cửa tiệm bán đồ gốm để đụt mưa. Người đàn bà bên trong vội chạy ra mời tôi vào. Giới thiệu hàng của cửa tiệm bà. Tôi ngắm nghía, trầm trồ và khen ngợi. Vốn đã từng vẽ vời chút ít, xem rất nhiều những cuộc triển lãm về nghệ thuật, thì những ngạc nhiên cho các sáng tác phẩm không phải là lời hời hợt trên đầu môi.

– Bà làm lấy hết tất cả?

Tiếng Pháp thời đó còn bập bẹ như đứa trẻ lên ba.

– Không, chồng tôi, thưa ông. Người đàn bà dịu dàng trả lời.

– Ông ta là người Á Đông ư?

– Không người Pháp chính cống. Nguyên quán ở Rouen. Sau, chồng tôi thích miền nam, thế rồi chúng tôi an cư lạc nghiệp nơi này được hai mươi năm. Còn riêng tôi, quả tình tôi có giòng máu Á, mẹ tôi người Tonkinnoise ông à.

Từ một ngạc nhiên này bước sang ngạc nhiên khác. Chén sứ đó, bình trà đó, lọ bông đó, những đường nét thanh tú đó đã được tạo dựng từ bàn tay của người đàn ông.

– Tôi cứ ngỡ, tác giả của chúng phải là một người đàn bà duyên dáng như bà. Tôi nịnh.

Câu chuyện thân mật thêm một chút khi bà ta thố lộ:

– Thật ra tôi cũng có dự phần công việc của chồng, tôi cho biết ý kiến, tôi phê bình màu sắc, những nét tô điểm và việc tráng men do tôi đảm nhận lấy.

Phần cuối của một sáng tác cũng khó khăn và tế nhị như bước đầu, nếu mảnh trăng không tròn, nhánh lau không thẳng thì cả bộ bình trà chắc phải đổ bán sold quá.

Chừng như đoán được ý tưởng tôi, bà tiếp lời:

– Đôi khi vì một lý do nào không rõ, những miệng chén không tròn hay một cái bình quá lửa, chồng tôi họp lại thành một sáng tác vừa điêu khắc vừa lập thể như vầy. Theo hướng chỉ, tôi nhìn thấy những mảnh vành tròn xếp lại, mà khi nhìn về phiến diện là đóa hoa có nhiều cánh nở rộng, nhưng khi nhìn xiên là một chóp núi chia ra nhiều khía.

– Quả là một sáng tác tuyệt vời. Tôi có thể chào người nghệ sĩ được không?

Bà mỉm cười, mặt quay về phía trong, mà tôi đoán nơi có những lò

nấu đồ sộ.

– Chồng tôi đang bận làm việc.

Thấp thoáng sau bức màn, tôi chừng thấy tấm thân cao lớn của người đàn ông Pháp thật tương phản với nhân dáng nhỏ thó của tội nghiệp của bà vợ.

Ở một góc phòng, có chiếc bình mang một hình thù kỳ dị. Tôi đoán nó đang diễn tả một khối đá với những nét lồi lõm, trên miệng bình, lơ thơ vài cành trúc non khô héo. Tôi chiêm ngưỡng rất lâu.

– Sáng tác đầu tay của tôi đó, ông à.

Tôi quay đầu lại nhìn người đàn bà. Điều ngạc nhiên khiến tôi để ý đến. Bấy giờ, tôi mới thấy tóc bà đen và mịn, cùng đôi mắt xếch của người Á Đông. Cái đặc thù ấy đang chia chác với khuôn mặt và chiếc mũi Âu châu tạo cho bà có một vẻ đẹp ngộ nghĩnh.

Trời đã tạnh mưa bên ngoài. Tôi xin kiếu. Trước khi về, tôi chọn một cái bình xông hương có hai màu đen và nâu. Rồi tôi hài lòng cho một hạnh phúc không đâu với giá cả phải chăng.

– Tôi có bớt cho ông đấy... Tôi chưa thấy một nụ cười nào dịu dàng đến thế. Đã rất lâu tôi mới có dịp thấy lại người đồng hương sau khi mẹ tôi qua đời. Lúc nãy tôi chỉ sợ ông không phải là người Việt nam.

Tôi mỉm cười vẩn vơ. Bà ơi, người Việt mình bây giờ ở khắp mọi nơi trên thế giới.

– Ông cứ đến thăm chúng tôi khi có dịp nhé.

– Vâng, tôi hứa.

Về sau, những khi nhìn ngắm kỹ càng chiếc bình xông hương, là tôi liên tưởng ngay đến một thế giới bình lọ và cặp vợ chồng rất nghệ sĩ đó. Tôi đã tự hỏi nhiều lần sao họ gây cho mình một cảm giác rất mạnh mẽ đó, và rồi qua thời gian tôi cũng tự tìm lấy cho mình một câu trả lời. Trái với những người làm đồ gốm kỹ nghệ khác, họ dồn hết tất cả cái đẹp và đam mê trong tác phẩm của mình.

5

Tôi đã bỏ sau lưng ngọn đồi Saint Antoine một khoảng khá xa, trước mặt tôi là chiếc cổng đá dẫn vào làng, vậy mà tôi vẫn chưa tìm ra căn tiệm tôi có ý muốn viếng thăm.

Gần sáu giờ chiều, đám mây xám che kín khung trời đã làm trời mau tối hơn mọi ngày thường. Những ngọn đèn đường cho ánh sáng trắng dù

rằng không gian còn đang nhuộm một màu tím trong dịu dàng.

Tôi đành phải quay trở về chỗ chiếc xe đậu. Một phần vừa đói lả, một phần vừa nhọc mệt. Dọc đường, đầu tôi cứ quay trái rồi quay sang phải, cố tìm một ngôi nhà của trí nhớ. Bốn năm đã trôi qua, ai ngăn cản sự đổi dời của sự vật? Có lẽ, gia đình người nghệ sĩ đó giải nghệ cũng nên, hay là đã tìm ra một hướng sống mới?

Cẩn thận tôi dạt vào một căn nhà bên đường hỏi han, nhưng không được một manh mối nào.

6

Tôi yêu thích nhất không gian vào đêm của đầu mùa xuân vùng ôn đới, với lại khí trời vừa tươi mát sau cơn mưa. Tất cả những sự vật, dường như có vẻ nhộn nhịp tưng bừng theo thời tiết.

Từ nơi này đỉnh đồi, tôi thả về số hai giảm lại tốc độ. Phía dưới, thành phố điện ảnh của nước Pháp lộng lẫy như chiếc áo kim tuyến của bà hoàng nhờ những ánh đèn thắp sáng, chưa kể đến ngọn hải đăng chiếu vòng vào khung trời vô tận, như để trang hoàng thêm cho cái rực rỡ vốn có. Đôi lúc, trong cái hào quang giả dối tỏa sáng ấy làm tôi nhàm chán vô tả, một cái gì ngụy tạo, hời hợt. Cũng vì thế, gần mười năm định cư, nhưng không có lấy một người bạn thân để hàn huyên tâm sự.

Ở một vòng cong cuối cùng, không hiểu vì cớ gì, tôi xuýt lạc tay lái va vào vách rào. Hoảng hốt tôi thắng gấp, đường trơn, cộng với cái trớn bởi con dốc, chiếc xe cứ lôi đi xềnh xệch trên bốn cái bánh vốn đã đứng yên... may mà chỉ có mình tôi giữa con đường vắng. Tôi ngồi định thần một hồi lâu, sau đó, chưa kịp mở cửa xe ra xem xét, thì thêm lần nữa, tôi, chiếc xe, và lần này, những ánh đèn đường, những mái nhà biệt thự ở hai ven đường, những ngọn cây, những hàng rào thấp cùng nhau hụt hẫng một lượt. Tôi tưởng đang ở vào thời kỳ cuối cùng. Tai ách từ trời đổ xuống ào ạt như trận Hồng Thủy. Tôi nhắm mắt lại, chờ cơn thịnh nộ đến từ Thượng đế. Điều mà tôi lấy làm tiếc rẻ, tôi hãy còn trẻ để chưa làm cho được nhiều việc.

Khi đất trời yên tĩnh trở lại, khi mặt đất vững vàng, và những âm thanh, sự báo hiệu sống còn của mọi sinh vật, tiếng vỗ cánh của loài chim, tiếng khóc của trẻ thơ, tiếng nhốn nháo đổ xua ra ngoài mặt đường của những người dân lân cận khiến tôi có can đảm mở mắt thật lớn để nhìn đối diện với tai họa. Tôi vừa hiểu, tôi đã chứng kiến một trong những cái hùng vĩ của thiên nhiên. Và thở phào nhẹ nhõm cho sự tôi còn đang hiện

hữu.

Lúc vào nhà rồi, bố mẹ trách sao không về sớm mà la cà ở phố làm chi, nhỡ nhà có chuyện gì. Tôi giải thích là tôi không thích lái xe giữa trận mưa lớn, với lại đi trên con đường đèo nữa. Rồi tôi hỏi bố mẹ có thấy đất rung động không. Mẹ nói hãy vào nhà bếp thì sẽ rõ.

7

Ngọn đồi giờ trần trụi những nhánh cây đen trơ xám giương thẳng lên nền trời. Nhà cửa xiêu vẹo điêu tàn như trong film thời sự tả về trận chiến ở Liban. Trong ánh sáng chập chờn mờ tỏ đó chỉ còn sót lại một ngôi nhà còn có vẻ vững vàng. Khi tôi tiến gần thì mới rõ, đó là ngôi nhà mà tôi đã cố tâm tìm kiếm hồi chiều. Cho chắc ăn, tôi giương mắt tìm một dấu hiệu, cho dễ nhận, ở một lần sau nữa nếu có dịp, phải rồi, căn tiệm nằm sau một trăm thước của một ngã rẽ song song với con đường dẫn về Cannes, ở một bảng ranh giới chỉ rõ đã ra khỏi địa phận của vùng Vallauris.

Vẫn bầu không khí cũ, người đàn bà thấy có người vào vội ngửng đầu lên, và mỉm cười khi nhận ra tôi. Bà trông chừng già hơn. Hẳn vậy, sau một thời gian dài.

– Tôi biết mà, sớm hay muộn, ông vẫn tới thăm chúng tôi. Người Á Đông có tính giữ lời hứa lắm.

Bà trách tôi nhẹ nhàng đó ư? Tôi trả lời ngập ngừng:

– Tôi hoài công cả một buổi chiều chỉ để kiếm căn tiệm của bà.

– Tôi biết, tôi biết...

Âm thanh trong tiếng nói của chúng tôi vang vọng quá, đến nỗi tôi phải hạ giọng xuống, bấy giờ tôi mới rõ, trên hàng quầy, bình, lọ, tranh ảnh gì đều trống trơn, chỉ còn là những phiến đá hóa thạch. Ở một góc phòng ngày nào, giờ là một phiến đá to in dấu vết của loài ốc thời tiền sử nào, chúng xếp chồng lên nhau, hàng hàng, lớp lớp, chợt chúng chuyển động, từ màu nâu xậm biến thành màu xanh lá cây dần dần, như sự thức tỉnh của con quái vật không gian Aliens trong phim giả tưởng. Phải, chính nó, tôi hoảng hồn nhận ra.

Trong khi người đàn bà lai hai giòng máu vẫn một mực ra điều dẫn giải:

– Cách đây không lâu, tôi đã quên, tôi vô tình bán đi cái gạt tàn thuốc có trạm hình hài ở mặt đáy mà ông đã dặn. Tôi tiếc mãi cho cái vô ý của

tôi, thế rồi, tôi cố ý làm lại cái khác; phần duyên của ông đấy, ông nhận cho nhé?

Tôi ú ớ, vừa giận lại vừa sợ.

– Bà bán rồi thì thôi chứ.

Thực ra trong tâm, tôi muốn trả lời thẳng thừng là, ai mà thèm mua cái tác phẩm quái thai dị dạng của bà mà làm chi.

Giọng người đàn bà cứ một mực khẩn nài, một tay với lấy bàn tay tôi, còn bàn tay kia thì ôm nổi mảnh đá hóa thạch không lồ:

– Tác phẩm cuối cùng của tôi đây này. Tôi đã thực hiện xong cuộc sáng tác. Tôi thỏa mãn, tôi hài lòng. Tôi không còn mơ ước gì nữa.

Những khớp xương của loài ốc chợt dừng động, rồi nhấn nhụi, rồi sáng hẳn lên, lấp lánh màu đỏ, cam, tím. Gương mặt người đàn bà như có hào quang, phiến đá giờ là viên kim cương ở một kích thước không ai ngờ tới.

Khi ánh hào quang tắt, tôi chỉ thấy còn mình tôi đứng trơ trọi trong cánh đồng vắng.

Tô. ú ớ, tôi kêu gào, tôi cố mở mắt cho thật lớn, vì tôi biết mình đang dự phần trong một cơn mơ hãi hùng, nhưng cơn mơ sẽ còn kéo dài. Phải chấm dứt nó, bằng cách mở mắt cho thật lớn. Sau cùng tôi cũng thành công.

Tôi thức tỉnh với những làn hơi thở gấp, tim đập nhanh. Tôi ôn thuộc những hình ảnh trong mơ không bỏ sót một chi tiết nào. Và, thao thức luôn cho tới sáng.

8

Hôm sau, cơn địa chấn là đề tài lớn trên mặt báo địa phương, nhưng nó chỉ là một sự thức tỉnh nhẹ, nó còn chờ đợi cho đến một kỳ hạn nào sắp mãn. Nó kéo dài từ thành phố Gênes bên nước Ý cho đến tận Marseille của Pháp. Nghĩa là nằm trên khu vực dưới chân núi của dãy Alpes.

Trời mới vừa bừng sáng, dân vùng Côte đã lũ lượt kéo nhau đứng chờ trước cửa siêu thị, để kiếm những dụng cụ cần cho cuộc sống ngoài trời. Họ xếp hàng thành cái đuôi dài, dù giờ mở cửa hãy còn xa. Cùng lúc ấy, là lời trấn an của ông tỉnh trưởng và những lời giải thích của người xướng ngôn trên làn sóng điện.

Trên đường đi làm, lúc băng ngang qua ngôi làng, người dân câm lặng

đem những mảnh vỡ vứt bỏ vào thùng rác. Các cửa hiệu đều mở rộng cửa, nhưng trên quầy kệ đều trống trơn. (Trời ơi, sao mà giống một cảnh trong giấc mơ tối của tối qua thế này.) Những động tác của họ chậm chạp và ra vẻ buồn rầu, như đang góp phần vào cuộc lễ nghi của một đám tang.

9

Tháng sáu lại đến, những buổi chiều sau giờ làm việc ở sở tôi thường đi dạo một vòng để tìm hiểu làng, hay đúng ra tìm hiểu cho tận tường hơn vết tích của cơn động đất có còn để lại sau đôi ba tháng đã trôi qua. Hình như, tất cả đều an bình như không chuyện gì xảy ra. Mỗi ngày, chiếc xe đò vẫn chở đầy khách du lịch ngừng lại ở bến đậu. Từ điểm tập trung này, họ túa ra khắp mọi nẻo, làm ngôi làng thêm nhộn nhịp vui tươi. Các cửa hiệu thì đã chỉnh trang lại quán xá mình, từ lâu. Lượng có đó, nhưng cái phẩm chừng như chỉ còn là một cái nét mờ nhạt bởi cái sản xuất ở tốc độ. Đôi khi, sau làn nước sơn lộng lẫy, tôi bắt thấy vết rạn nứt chừng như nung quá lửa. Ở bảo tàng viện quốc gia, một số tác phẩm đáng kể được trúng giải hàng năm đã không nằm ở vị trí mọi ngày thường, mà thay thế bằng những sáng tác trẻ của những người nghệ sĩ đang huấn nghệ. Mặt khác, chừng như có một sự thỏa thuận nào đó giữa giới thương mãi, nghệ sĩ, và giới thuế má bảo hiểm, nên cái động đất vừa mới xảy ra hôm nào nay trở nên cái rung nhẹ trong trí nhớ. Cái thiên tai, một sớm một chiều bỗng trở nên cái phước rơi xuống từ trời. "çava, çava, tout va très très bien..." Dân làng chào hỏi nhau như thế với một nụ cười rỡ ràng.

10

Rồi một ngày, có một bộ phận của cái máy tiện bị gãy, nhà sản xuất thì ở tận Paris, trong khi chờ đợi, người chủ chỉ còn biết kiếm một thợ hàn nào đó hàn lại, xài tạm. Tôi vui vẻ đi tiên phong trong việc này.

Nhưng khi đến nhà của người thợ hàn thì ông ta đã đi nghỉ hè. Hiệu tiệm đóng. Một mẩu giấy đính ở trước cửa giới thiệu cho một người thợ khác ở một địa chỉ khác, mà khi dò tìm trên bản đồ, cái tên đường gần như vô nghĩa, nằm đâu ở rất xa địa phận làng. Trót đã nhận lời, tôi đành đi theo lời chỉ dẫn.

– Chào ông, tôi muốn gặp ông Furas.

– Chính tôi.

– Ông Combes, người thợ hàn ở làng đã đi nghỉ hè. Việc cần nên tôi đành phải nhờ đến ông.

Ông Furas cười cười:

– Tôi không làm nghề hàn ông à, tôi là nhà điêu khắc.

Tôi bắt đầu thấy lúng túng.

– Thật tôi vô ý hết sức...

Chúng tôi vẫn còn đứng trước cửa. Không hiểu sao ông Furas mời tôi vào nhà.

– Nhưng tôi, tôi cố gắng tận lực những gì mình có thể.

Rồi ông ta ngắm nghía mảnh kim khí kỹ nghệ.

– Tôi sẽ trở lại khoảng hai ba ngày sau.

– Không, tôi có thể làm liền cho ông, ông hãy nán lại độ chừng một tiếng đồng hồ. Vì ngày mai tôi lại có những công việc khác phải làm.

Dáng ông ta nhanh nhẹn, vẻ dứt khoát, tôi thiết tưởng lẽ ra ông ta phải là mẫu người khoa học hơn là nghệ thuật, trái với những người nghệ sĩ lè phè khác.

Quả đúng như lời ông ta nói, bên trong căn nhà của ông ta, là những pho tượng bằng gỗ, bằng kim loại, bằng đá, bằng đất gốm. Chúng nhiều đến nỗi phải nhóm lại ở một góc phòng, nhìn từ xa, ta sẽ ngỡ đó là một đoàn người đang đứng xếp hàng và chừng như chờ đợi một điều gì.

Buổi chiều xế tàn, tôi đoán, tôi không nhìn đồng hồ, và dõi trông một vệt nắng rơi từ bên ngoài vào, chúng ánh lên một vệt sáng thánh khiết, xa hơn nữa, vọng lại từ miếng vườn phía sau, tôi nghe thấy mơ hồ tiếng động làm việc của nhà điêu khắc. Gần hơn nữa, chiếc bóng của những pho tượng trước, sau, phải, trái, khiến tôi có cảm giác như đang bị ai theo dõi. Tôi quay đầu lại, tôi bước vòng để biết chắc chúng chỉ là những mảnh vật vô tri giác được thể hiện qua đường nét ba chiều.

Tâm hồn của nhà điêu khắc nhảy múa, ông ta tài năng quá, qua đôi bàn tay của ông, cái ống nước trần tục tầm thường, bỗng trở nên những cánh hoa trên thiên đàng. Tôi dừng lại trước một bức tranh ở thể khối lồi lỏm, chúng là những miếng sành chắp nối, xếp hàng xếp lớp thành ngôi nhà đá xiêu đổ dần dần. Tôi chợt nhớ ra cũng một sự thể hiện tương tự như thế của bốn năm về trước. Tôi hài lòng. Một cách tình cờ. Tôi cũng tìm ra được.

– Ông có thích nó không?

Người đàn ông độ bốn mươi tuổi đứng sau lưng tôi nhẹ giọng dò hỏi.

Trên tay, công việc đã xong.

– Thích chứ, cái rung cảm của bốn năm về trước, và mãi cho đến bây giờ vẫn vậy. Nhìn vào các tác phẩm của ông, nó khuyến khích giòng máu văn nghệ của mỗi người, ai cũng có thể làm nghệ thuật, miễn là có một ít tâm hồn.

– Ông quá khen. Giọng ông ta rụt rè, một chút gì ngượng ngịu ít thấy nơi người Tây phương. Ông đã biết tôi từ trước?

– Chẳng những ông, mà còn vợ ông nữa, tôi có thể chào bà được không? Vợ ông chừng như có giòng máu lai thì phải. Đúng rồi, tôi nhớ rồi, bà ta có bà mẹ là người Hànội.

Gương mặt ông Furas rung động, rồi bình tĩnh.

– Bà không có mặt ở đây.

– Chắc bà đi chợ?

– Không.

Câu chuyện chừng như đến ngõ cụt.

Nhưng không, ông Furas tiếp lời:

– Tôi sẽ dẫn ông đến một nơi này, nếu ông có thì giờ, trên đường tôi có thể kể cho ông nghe câu chuyện của chúng tôi.

11

"... Tôi và nhà tôi quen biết nhau từ thời còn là sinh viên trường nghệ thuật. Chúng tôi biết nhau, yêu nhau, rồi lấy nhau dễ dàng như những cặp tình nhân khác trên thế giới. Trước hôn lễ, gia đình phản đối tôi kịch liệt. Bà mẹ không thích giòng máu lai, ông bà chỉ muốn người thừa kế của giòng họ phải có đôi mắt xanh, tóc ánh vàng và dáng cao. Tình yêu và sự đam mê khiến chúng tôi có can đảm chống lại mọi phản đối, ngay cả những khó khăn vì tiền viện trợ học hành bị cúp. Chúng tôi ra đời sớm, khoảng hai mươi tuổi gì đó, làm đủ mọi nghề, để cuối cùng dành dụm được một số tiền rồi dọn về đây lập nghiệp, khởi đầu từ một lò nấu đồ gốm, dần dà một ngôi nhà nhỏ dính liền với cửa hàng ở mặt trước.

Anne, nhà tôi thích giản tiện, nhưng ngăn nắp, thích phối trí nghệ thuật và trang hoàng. Nàng vẽ rất nhiều, không phải là để tiêu khiển, mà để tìm kiếm cái khả năng sáng tạo. Có một thời gian nàng sử dụng nhiều màu sắc, cuối cùng chỉ chọn ba hoặc hai, hoặc sự trộn lẫn giữa ánh sáng và bóng tối, nàng thích phô triển cái tài năng đó, cái giao điểm mờ ảo không rõ nét, màu này hay màu kia cũng được. Nói cho dễ hiểu nàng

thường hay yên tĩnh rất lâu trước buổi sáng; cái giao điểm cuối cùng của đêm bước sang ngày, hay ở buổi chiều cái lằn ranh không rõ rệt của không gian bàn giao bóng tối cho cõi trần. Những bức tranh sáng chiều của nàng linh động lạ thường. Cái mặt nổi đó có lần làm tôi phải ghen tương, vì mỗi lần xong một tác phẩm nàng đem hết cái nhiệt tình bước sang tác phẩm khác, nàng chả thèm ngó ngàng gì đến tôi. Sau cùng tôi hiểu được là nàng thường có mặc cảm cho giòng máu lai của nàng. Nàng muốn tìm kiếm cái nguyên thủy, nguồn cội. Nhưng khổ thay, không phải một, mà là hai, nàng thường bị xâu xé giữa hai bên. Đôi lúc nàng tự mâu thuẫn cho chính mình. Nàng rất mến và thích học hỏi nền văn minh Á trong khi cá tính nàng có vẻ lãng mạn của người phụ nữ Tây phương hơn. Bên trong nàng, gần gũi với sự sâu sắc và ẩn dụ hơn là cái hời hợt, chóe mắt lộng lẫy ngay giây phút đầu.

Tôi yêu tâm hồn nàng hơn nhân diện nàng.

Riêng phần tôi, tôi có thấy khó khăn cho việc chọn lựa đường hướng của riêng mình. Về sau, tôi nghiêng về điêu khắc hơn là hội họa. Từ đó, mới bắt đầu xảy ra chuyện. Cái xẻo, gọt, đục, hàn, nắn làm tôi xao nhãng chăm sóc Anne. Người vợ chỉ còn là một chiếc bóng. Hết tác phẩm này đến cuộc triển lãm nọ. Tôi đam mê, tôi là con thiêu thân lao mình vào ánh lửa. Tôi thích danh vọng hơn là tiền tài. Cái áng mây phù phiếm nhất trên trần. Tôi muốn ngang hàng với César, với Arman, nhưng tôi không chịu hiểu cho tường tận, bên cạnh cái tham vọng của tôi, là cái nhẫn nhịn lặng lẽ của Anne nắn nót, đảm trách công việc chính của chúng tôi, là những đồ gốm lỉnh cà lỉnh kỉnh.

Đôi khi, bởi công việc, chúng tôi thường hay đối đáp nhát gừng, có lúc tôi xẳng giọng. Nhưng mỗi tối, khi trở lại đối diện với người vợ, trong cái không khí yên tĩnh riêng tư, lúc ấy tôi mới phát giác ra, trên khuôn mặt nàng mờ ảo dưới ngọn đèn, thường có những giọt nước mắt chảy ra vô tình, hơn là những nụ cười, của thuở ban đầu, trong giấc mơ riêng tư bất khả xâm phạm của nàng.

Tôi thương nàng quá, ở những nét hằn của thời gian mỗi lúc một sâu đậm hơn nơi cuối mắt.

Những lúc ấy, tôi muốn lay nàng dậy, muốn nói đôi lời vô nghĩa với nàng, nhưng cần thiết cho chúng tôi biết bao, của màu sắc, hình ảnh và đường nét. Thân mật hơn nữa, tôi muốn bày tỏ lòng thương yêu với nàng. Chừng như đã quá lâu, nàng không còn lòng trông chờ một đứa con. Và tôi, vì quá bận đã khiến tôi hãi sợ những phiền hà mang tới từ trẻ nít.

Bỗng dưng tôi thắc mắc, tôi thoáng hiểu nàng dấu diếm tôi một điều gì. Bí mật của nàng được diễn tả qua những bức tranh tối. Anh không còn hiểu ý em muốn nói gì nữa. Em đang cố gắng trình bày một cái đẹp khác, cái chết chẳng hạn, em nghĩ rằng nếu cõi đời này đẹp rực rỡ như mình vẫn thừa hưởng thì em tin rằng có một cái đẹp khác vô hình, luôn luôn mong chờ chúng ta khám phá. Tôi ngỡ nàng làm việc nhiều đến nói nhảm. Nhưng rồi tôi thấy nàng có lý. Tôi bỏ mặc nàng làm gì thì làm. Tôi thấy nàng phác họa nhiều nhưng chưa khởi công gì, nàng ra vẻ thất vọng đau khổ và tiều tụy. Thỉnh thoảng, nàng có cho ý kiến trong các sáng tác của tôi như để xả hơi cái đầu óc căng thẳng của nàng. Rồi một ngày mùa đông, nàng lái chiếc xe đi vào thế giới mịt mùng..."

12

Ngày tàn nhưng bầu trời tháng Sáu vẫn trong sáng và cao vời vợi, chúng tôi bước đi giữa hai hàng cây tiêu huyền đã mượt mà những tấm lá mới, trên con đường nhỏ có lát đá cuội dẫn vào nghĩa trang của làng.

– Bà bỏ ông đi vì ông bà ăn ở không hợp ý chứ gì?

– Không phải, cái vô hình ở bên kia thế giới đã cướp giựt người vợ yêu dấu của đời tôi.

Tôi lạnh người vì gió chiều, vì câu chuyện.

– Mới đây?

– Không, đã lâu, cách đây tám năm.

Ông Furas mời tôi điếu thuốc, tôi lắc đầu, chúng tôi dừng lại bên cạnh một bia mộ, có đề tên tuổi của người chết. Người nghệ sĩ nhả ra khói thuốc, đám mây nhỏ tan loãng rất mau trong khoảng không.

– Đây này, nơi yên nghỉ cuối cùng của vợ tôi.

– Bà chết vì...?

– Tai nạn xe hơi, trên con đường từ ngọn đồi Antoine về làng. Nhằm mùa đông, con đường đèo trơn trợt, xe lao từ trên đỉnh rớt xuống đáy, không xa mấy nơi cái bảng mức chia cách hai lãnh vực.

Thêm lần nữa, tôi rợn người. Đúng là nơi cách đây đôi ba tháng tôi dừng xe lại. Vì cơn mưa. Nhà điêu khắc tiếp tục câu chuyện:

– Tôi không nghĩ là tai nạn, đúng hơn là một hành động quyên sinh. Nàng đã can đảm đón nhận cái chết. Cái bí mật cuối cùng mà con người không thể giải thích bằng những từ ngữ khoa học. Sau này khi nói chuyện với vị bác sĩ gia đình, tôi mới rõ là nàng không bao giờ sinh sản được, nàng

bị ung thư máu, cơn bệnh nan y ở cuối thế kỷ chỉ có những người thừa tiền mới có khả năng tiếp tục điều trị.

– Nhưng còn chuyện gặp gỡ giữa chúng tôi, ông giải thích ra sao?

– Mỗi người, tôi nghĩ, ít nhất cũng có phần cơ duyên để giáp mặt với thế giới vô hình. Chúa Jesus trên núi hóa hình, trò chuyện với ba vị tiên tri, còn bên ông có Từ Thức lạc vào thiên thai, phải không nào. Ông và nhà tôi, ít ra cũng có phần duyên nợ nào đó, cái nguồn cội, chẳng hạn. Cái ao ước tầm thường nhất của vợ tôi lúc còn sinh tiền là được tiếp xúc với người đồng hương của mẹ nàng.

– Nhưng còn chiếc bình, tôi đã mua từ tay vợ ông.

Ông Furas nói chậm rãi, vừa nhìn tôi xa lạ:

– Những cái vật chất mà ông nắm giữ, ông có mang nó theo đến cả đời? Sau ngày vợ tôi chết, những buổi chiều lang thang trong nghĩa trang, tôi thấy nhiều cái lạ lùng lắm. Thực ra, những nhu cầu vật chất đã lừa phỉnh chúng ta, đã có cái tốt, muốn có cái tốt hơn, đã có cái đẹp, muốn cái đẹp nhất. Và lòng tham vọng chúng ta thì không đáy. Một ngày nào đó, thế giới vật chất này sẽ qua đi. Hữu hình tức hữu hoại, triết Đông các ông đã bảo thế. Những bình, lọ, tranh, tượng chúng đến từ một ý tưởng mơ hồ của chúng tôi, thì nó ắt sẽ phải trở về cái thế giới nguyên thủy của nó. Thú thật, tôi muốn giải nghệ cho khỏe thân, bây giờ, xong một tác phẩm nào là tôi ngán ngẩm đến nỗi không thèm ngó ngàng đến chúng. Nhưng vì chúng ta sống trong một guồng máy của đời sống, sản xuất và hủy diệt cứ đi đôi với nhau. Biết làm sao đây hả ông. Có một điều tôi biết chắc, chúng ta cần phải có can đảm và chấp nhận, để đối phó với muôn nghịch cảnh trong đời.

Ông chấm dứt câu chuyện. Tôi ngước mặt hít một bầu không khí trong lành, và nhìn thấy một áng mây ngừng trôi ở giữa trời không.

13

Tối hôm ấy, vừa về tới nhà là tôi lục lọi tức thì, cố ý tìm cho bằng được cái bình xông hương, để ngày mai có dịp đem khoe với ông Furas. Tôi hỏi mẹ sau khi hoài công tìm kiếm món vật. Mẹ trả lời là cơn động đất trước đây đã làm một cuộc tảo thanh ly chén, con không nhớ sao, và nhà mình vừa phải chi ra một số tiền để sắm lại những đồ dùng. Nè, Thường con, sao mặt mày tái mét vậy, có bị trúng gió không?

Hè 1989
Văn Cũng Thường

Ngọc Khôi

KẺ THỨ BA

Ngọc Khôi: sinh 1960. Anh ruột của Trần Vũ. Trong ban biên tập Làng Văn, Đất Mới. Trưởng ban biên tập Thông Công và người viết mới trên Văn số tháng 7.89. Sáng tác của Ngọc Khôi, Kẻ Thứ Ba là một truyện ngắn luận đề, xây dựng chủ yếu trên sự dằng co của lương tâm nhân vật

Khi tôi lấy vợ rồi thì hắn vẫn tiếp tục ở trọ lại nhà tôi. Ba chúng tôi sống hòa thuận vui vẻ, không có vấn đề gì phức tạp. Chưa lần nào tôi ngỏ lời mời khéo hắn dọn đi, mà hắn hình như cũng không hề có ý nghĩ đó.

Nói là hòa thuận vui vẻ, chứ thật ra hắn và vợ tôi không mấy hợp nhau. Vợ tôi là đàn bà, tính tình ham hố nông nổi, nhiều lúc nhẹ dạ, tôi vẫn cho là chuyện thường nhưng hắn thì không chịu được. Hắn thường rình mò những cái sơ hở của vợ tôi, thỉnh thoảng lại chêm vào vài câu mỉa mai nhẹ nhàng. Lúc đầu vợ tôi bực lắm, sau quen đi, nàng coi chuyện ấy như không có. Còn hắn, thì có vẻ thích thú với cái tật ấy, hắn cứ nói, vợ tôi cứ làm lơ, sau rồi hắn không bỏ được nữa, mà vợ tôi nếu không có hắn mỉa mai độ vài ngày cũng đâm ra thấy thiếu. Một vài lần giữa hai người có tiến đến cãi cọ lớn tiếng, nhưng cuối cùng bao giờ cũng êm, hoặc hắn chịu thua vợ tôi, hoặc nàng chịu khó nghe lời hắn. Thường thì hắn chịu thua vợ tôi nhiều hơn.

Hắn là tên bạn thân nhất của tôi. Hắn đứng đắn, khá thông minh, có thể nói là dễ thương, nếu không mắc phải cái tính nói nhiều, thích dạy đời và bám dai như đỉa. Đó là những tính tôi vốn ghét nhất. Vậy mà không hiểu tại sao tôi không có cách gì dứt hắn ra được. Hắn cứ điềm nhiên làm thằng bạn thân nhất, cứ tiếp tục bám theo tôi mọi nơi, mọi lúc. Có lẽ hắn lợi dụng mối tình tri kỷ lâu đời giữa chúng tôi, rồi tự cho muốn hành xử ra sao cũng được. Tôi thì cũng như vợ tôi, quen mãi với cái miệng lép nhép tối ngày chỉ trích, khuyên răn của hắn, hóa ra thành nếp.

*

Lúc mới vào lớp mẫu giáo, tôi đã trông thấy cái bản mặt hắn. Ngày đầu tôi còn đang mếu máo đòi về với mẹ, hắn từ đâu đã đến vồ ngay lấy tôi, dỗ dành, cho kẹo, hứa hẹn nếu tôi chịu khó đi học, tôi sẽ biết chữ, biết

làm tính, sau này lớn lên sẽ hạnh phúc sung sướng. Lời đường mật của hắn cộng với cây kẹo đỏ làm tôi an lòng. Tôi nuốt lệ đi theo hắn. Chưa chi, hắn đã lên mặt đàn anh, tỏ ra chững chạc, người lớn đối với tôi rõ ràng. Nhưng nếu không có hắn, ngày đầu tiên ấy có lẽ tôi đã khổ sở biết bao. Từ đó, hắn không chịu rời tôi ra nữa. Dĩ nhiên vẫn với thái độ đàn anh cao thượng. Lên lớp mới, tôi có bị xếp qua lớp khác, hắn cũng xoay sở xin với thầy giáo cho tôi qua học cùng. Mỗi buổi chiều, hắn tình nguyện kèm tôi học. Giờ thể thao, hắn khuyến khích tôi bơi lội, đá bóng. Ngày nghỉ, hắn đến nhà xin phép cha mẹ dẫn tôi đi chơi, đến giờ, hắn lại dẫn tôi về. Hắn làm như có đứa con tinh thần; tha hồ dậy dỗ, bóp nặn. Mà phải công nhận hắn giỏi. Cái gì hắn cũng biết, cũng hay, lanh lợi tháo vát, thật khác xa với bộ óc chậm lụt của tôi. Hắn lại đẹp trai, thân hình cao ráo, cặp kính cận gắn lên một thân hình sáng sủa. Tôi không khỏi ghen tuông thầm kín. Đôi khi tôi tự hỏi không chừng cha mẹ tôi thương hắn hơn con ruột.

Nhưng lúc ấy tôi còn ngây thơ. Hắn tuy hay lên mặt nhưng không đến nỗi quá quắt lắm, và bù lại sự vâng phục của tôi hắn cũng cho tôi nhiều thứ, giúp đỡ tôi tận tình hơn mọi thứ, giúp đỡ tôi tận tình mọi sự, nên chúng tôi vẫn tiếp tục làm bạn thân thiết với nhau. Kỳ thi tú tài, tôi mới biết công lớn của hắn. Không có hắn thúc giục, chửi rủa – hắn dùng cả thủ thuật thóc mách với cha mẹ tôi nữa – tôi đã rớt đài, bỏ học lâu rồi. Nhất nhất cái gì cũng đều nhờ hắn. Có điều tôi càng lớn, hắn càng trở nên khó chịu. Hay chính vì tôi đã trở nên bản lãnh, độc lập hơn, không chịu lệ thuộc hoàn toàn vào hắn nữa. Hình như hắn nhận thấy điều đó. Hắn bỗng mềm dẻo với tôi hơn một chút, thái độ đã có vẻ khuyên lơn, cố vấn nhiều hơn là chỉ dạy. Tôi cảm thấy hài lòng, và cũng chỉ nghe lời hắn rất giới hạn.

Nhưng cái số tôi không dứt nổi ra với hắn. Chính hắn lại là thằng dẫn tôi đi vượt biên. Bao nhiêu ngày sống gió hãi hùng trên tàu, tôi như kẻ chết rồi, thực tình không có hắn thì tôi cũng không biết mình đã trôi dạt về cái xó xỉnh nào dưới lòng biển. Qua tới Pháp, dĩ nhiên hai thằng tị nạn lại mướn nhà ở chung, chia cơm nhường áo, cùng nhau trải qua bao ngày đói rách thất nghiệp, cùng đi tìm việc, cùng nhau "cày" tám tiếng một ngày để kiếm sống, cùng hưởng thụ những tiện nghi vật chất của một đời sống ổn định sau đó, rồi tôi lấy vợ, và đoạn tiếp như thế nào, các bạn đã biết.

Có điều là, kể từ ngày qua Pháp, vì không còn gia đình nên hắn về ở

chung với tôi, được dịp tham dự vào cuộc sống riêng tư của tôi nhiều nhất, lại cũng là lúc chúng tôi xa cách nhau hơn bao giờ. Càng ngày tôi càng không thể chịu đựng hắn. Không biết có phải xa nhà bị khủng hoảng không mà hắn trở nên gàn dở, ương ngạnh kỳ lạ. Đôi mắt cú vọ của hắn theo dõi tôi từng li từng tí, canh gác, rình rập từng cử động của tôi. Hầu như tôi làm gì cũng bị hắn chê bai, đả kích. Cái giọng đàn anh của hắn bây giờ đã đổi ra nheo nhéo, dai dẳng. Hắn đã hiện thân rõ rệt cho một anh thầy đời, nhưng là thứ thầy đời dở dở ương ương, không làm gì ra hồn. Có lẽ hắn không thích hợp nổi với xã hội mới. Hắn bị mất lãnh địa. Hắn đâm ra sợ hãi, tức tối trước sự hội nhập mau chóng của tôi, cùng với mọi điều thực tế nơi này. Rõ ràng, bây giờ so với tôi, hắn bị lép vế hẳn. Tôi ăn vận thanh lịch đúng thời trang, giao thiệp rộng rãi, học hỏi nhiều cái hay lạ, trong khi hắn vẫn dậm chân tại chỗ – có thể gọi là lỗi thời, quê kệch nữa. Tôi leo vùn vụt trên từng nấc thang nghề nghiệp, đã tạo cho mình một chỗ ngồi vững vàng, hắn vẫn không chịu tranh giành, dấm đạp leo lên với đời, nên cứ tiếp tục làm anh thầy ký quèn. Chính điều sau này, có lẽ, đã khiến hắn biến thành một tên bất đắc chí. Bây giờ hắn không còn có hy vọng gì bảo hộ cuộc đời tôi như trước, nên hắn đổi ra ray rứt, thọc gậy thường trực bên tai tôi. Và hắn vẫn cứ bám lấy tôi. Nhất là từ ngày tôi lấy vợ. Dường như hắn linh cảm chính bây giờ hắn cần tôi chứ tôi có thể bỏ rơi hắn bất cứ lúc nào. Tôi cũng thấp thoáng nhận ra, một sự cô đơn, khép kín nào đó nơi hắn trong cái tiểu gia đình ba người chúng tôi.

Tự trong thâm tâm, có lẽ tôi chưa bao giờ thực tình muốn xua đuổi hắn.

*

Đến mùa hè năm ngoái, chuyện rắc rối giữa hắn với vợ tôi và tôi mới nổ ra. Số là vợ tôi vẫn năn nỉ tôi cho nàng về nước thăm nhà đã từ vài năm nay, nhưng tôi không thuận. Tôi không mấy tin tưởng chính sách cởi mở của nhà nước Việt nam. Hơn nữa, phải chi chúng tôi là dân du học, là Việt kiều 54, chắc còn có lý do để tự biện hộ; đàng này, cả hai vợ chồng đều từng vượt biển, chết đi sống lại mới tới được xứ này, bây giờ đương không lại đâm đầu nộp đơn xin trở về, tôi thấy có điều gì không ổn. Nhưng chuyện đời nó tế nhị, rối rắm. Nói thì dễ, chứ thực tế khác xa lắm.

Bạn có đang ở trong trường hợp của tôi không? Từ lúc nào không biết một người quen của bạn bắt đầu cho hay tháng tới họ về thăm nhà, ở chơi vài ba tháng, tắm biển Vũng tàu, du lịch Huế, Đà lạt, Hà nội... thỏa thích, trước khi lại trở về đời sống "cày bừa" nhàm chán của Paris; rồi

một người khác, lúc báo tin cho bạn, chỉ còn một tuần nữa họ lên đường; một người khác nữa, điện thoại gấp từ giã bạn bởi ba ngày sau họ có mặt ở Việt nam... Về sau bạn không được biết gì nữa, thỉnh thoảng gia đình quen này ghé chơi, mới hay vừa ở Việt nam trở về, bình thản thuật chuyện gia đình, vài lời phê bình chính phủ, vài lời dự đoán chính sách mới của Cộng sản... thỉnh thoảng lại chị bạn kia đến thăm, mới giở ra một xấp ảnh quê hương, tặng vợ chồng bạn ít quà... Và tất cả diễn ra trong một sự bình thường tối đa. Người ta về thăm quê hương không cần báo tin cho nhau biết nữa, về đến lần thứ tư, thứ năm, người ta thôi không thèm chụp hình, cũng chẳng còn bao nhiêu chuyện để kể. Người ta về Việt nam như tạt ngang hãng du lịch mua tấm vé đi chơi Hoà lan, Ý đại Lợi... Thật ra, người ta không thèm thông báo cho bạn nữa bởi bạn không bao giờ gửi gấm, nhờ đổi chác món gì. Đến khi cô hàng xóm ở tầng dưới – bạn tâm tình thân thiết của vợ bạn, vốn hiền lành chất phác, vẫn lui tới nhà bạn mỗi sáng mỗi chiều – cũng đến thủ thỉ tiết lộ rằng nàng sắp về Việt nam, vợ chồng bạn có muốn gửi gấm gì... thì vợ bạn bỗng như ngồi lên lửa bỏng. Nhất là, từ dạo cô nàng ở quê nhà trở qua, bỗng nhiên đời sống khấm khá, nhà cửa khang trang hẳn lên, lại hình như ngày càng... đẹp ra, vợ bạn bắt đầu làm khổ lỗ nhĩ bạn còn hơn là hắn nữa!

Sáng thứ bảy. Tôi với hắn ngồi uống cà phê ở phòng khách. Vợ tôi lách cách trong nhà bếp (đêm hôm trước vừa kết thúc cuộc chiến tranh lạnh trên giường ngủ của chúng tôi – cái gật đầu, động tác quyết định, nàng vốn chờ đợi bấy lâu tôi đã ngoan ngoãn thực hành, bạn dư hiểu tại sao), một lúc sau hớn hở bước ra, tiến dần dần về phía hắn:

– Anh Tâm, tháng tới em về Việt nam rồi! Anh có gửi...

Nàng bỗng im bặt, chữ "gửi" chưa kịp thoát ra, biến âm thành "gử..." rồi ngưng ở đó. Cả tôi và nàng cùng ngửi thấy một mùi đe dọa, vừa xuất hiện, gần sát... dội đến từ phía hắn. Vợ tôi đứng sượng trân giữa phòng. Không khí nghẹt thở. Nguy hiểm cận kề... nhưng hắn vẫn không nói gì hết. Hắn điềm tĩnh uống một ngụm cà phê, điềm tĩnh đặt tách xuống bàn, xong lừ lừ mắt nhìn lên vợ tôi, đứng dậy.

Lộp cộp!... Hắn bắt đầu nhịp chân qua lại căn phòng. Vợ tôi chạy vụt đến, ngồi nép mình vào tôi, bàn tay nắm lấy tay tôi như tìm một sự che chở. Tôi thấy thương nàng quá.

– Vợ chồng cậu làm vậy không được! – Hắn bắt đầu nói, chân vẫn bước đều, một bàn tay đấm nhẹ vào lòng bàn tay kia, vẻ trang trọng bứt rứt – Tất cả vấn đề phải được đặt lại nếu chúng ta muốn tìm một giải đáp

thỏa đáng:

Một, chúng ta có phải là người Pháp không?

Không – chúng ta sống ở đây nhưng với tư cách là người ngoại quốc.

Hai, vậy chúng ta là người ngoại quốc như thế nào?

Tỵ nạn chính trị.

Ba, vì sao chúng ta tỵ nạn chính trị?

– Vì chế độ độc tài hiện tại của Việt nam.

Bốn, vì sao nước Pháp dễ dàng đón nhận chúng ta định cư, cho chúng ta công ăn việc làm, đối xử trên nguyên tắc như một người bản xứ?

Vì nghị định Genève 1951 đã hợp thức hóa điều đó – bắt nguồn từ một ý muốn quốc tế về sự nêu cao và bảo vệ nhân quyền cùng tự do của những con người bị trị.

Năm – vấn đề cuối – chúng ta du lịch Việt nam, tắm biển, no say phè phỡn tại đó có chứng tỏ gì chúng ta là những kẻ bị trị đã từng chạy trốn khỏi Việt nam không?

– Không!

Kết luận: Vợ chồng cậu làm vậy không được.

Trong khi nói, thỉnh thoảng hắn ném về chúng tôi một cái nhìn nghiêm khắc. Vợ chồng tôi ôm nhau líu ríu ngồi nghe, chẳng khác gì hai đứa học trò hư sau khi phạm tội phải quỳ gối nghe thầy giảng bài. Hắn dừng lại nhìn chúng tôi chờ đợi. Tôi líu cả lưỡi lại:

– Những điều... những điều cậu nói tôi đã... rõ cả. Nhưng tôi đâu có đi... tôi chỉ... cho Nữ về thăm... ông bà thân. Tội nghiệp qua đây mười năm rồi, nhớ nhà nhiều khi chịu không được... cậu à.

– Với lại – vợ tôi vội vã tiếp lời – tụi mình bây giờ quốc tịch Pháp hết rồi. Mình cũng như người Pháp, đâu có giống đám tỵ nạn mới qua.

Tôi định bịt miệng vợ mà không kịp. Hắn lừ mắt một cái nhìn nàng, rồi bỗng dịu đi, nói hình như sau cái thở hắt:

– Lý luận ấy vừa ích kỷ vừa nông nổi.

Im lặng. Rồi vợ tôi lên tiếng, có vẻ muốn vớt vát:

– Thật ra mọi sự thay đổi hết rồi anh Tâm ơi. Cuối thế kỷ hai mươi rồi... Bây giờ ai cũng muốn sống chung hòa bình, phát triển kinh tế... Người ta đã cởi mở, glát – nốt. Cũng phải thay đổi cho dân sống với chứ, phải không anh? Em nghĩ bọn mình chạy qua đây từ hồi đó, giữa lúc thời vận ngả nghiêng, nên cứ giữ mãi những thành kiến, cay đắng cũ. Đã tới lúc mình cũng phải mở mắt tìm hiểu, cư xử sao cho thích hợp với chiều

hướng mới. Thiện chí hòa giải của bọn mình từ bên này cũng sẽ là yếu tố thúc đẩy họ tiến nhanh hơn trên con đường cởi mở, hòa đồng dân tộc. Anh không nghĩ vậy sao?

– Nữ nói chuyện nghe lý tưởng lắm. Hắn nói từ tốn. Tôi không có thì giờ đem lịch sử và hiện tượng ra tranh luận với Nữ, cũng không thể nào đào sâu biện chứng Karl Marx ở đây. Chỉ nhắc Nữ một điều đơn giản này: Đồng bào vẫn tiếp tục ồ ạt vượt biển mỗi ngày. Tại sao? Và những đồng bào chậm chân ấy đang bị cả thế giới mưu mô đồng lõa đẻ ra một hiệp ước cưỡng bách hồi hương, mà một trong những lý do, chính là hành động du lịch Việt nam phè phỡn của chúng ta. Nữ theo dõi báo chí thời cuộc kỹ quá mà, sao không biết?

Mỗi khi muốn lý luận, vợ tôi cũng lý luận ghê lắm. Có điều nàng đã chạm phải cái cây lý luận cổ thụ là hắn – điều tôi vẫn luôn luôn tránh né. Nàng đã buông tay tôi ra, đáp lời hắn:

– Anh nói nghe cũng có lý, cũng lý tưởng vậy? Nhưng đó là cái lý một chiều. Bây giờ cũng xin nhắc anh điều đơn giản: Tại sao đồng bào hải ngoại ồ ạt về nước? Tại sao cả thế giới Tự do không ngần ngại trả người về Việt nam? Tại sao nhà nước Việt nam khuyến khích, kêu gọi chúng ta về thăm nhà? Chiều hướng lịch sử có mới, thì hiện tượng mới đổi. Phải, em theo dõi báo chí thời cuộc sát lắm, không có thua anh đâu. Nhưng em không suy xét độc đoán, một chiều. Chúng ta đã qua đây, đã định cư yên ổn mọi bề, thôi đó là phần chúng ta. Còn những đồng bào chưa đi, bây giờ Cộng sản bắt đầu thay đổi, phải rán ở lại hòa nhập với xã hội, làm ăn, xây dựng đất nước. Em hiểu mọi sự còn rất nhiều khó khăn. Nhưng chạy qua đây làm chi để bị đuổi về? Mười, hai mươi năm nữa, không chừng họ là những kẻ tốt số hơn chúng ta.

Hắn nhìn vợ tôi chăm chăm. Dường như hắn ngạc nhiên, hắn không tin ở tai mình:

– Thật... thật... tôi khó thể tưởng tượng Nữ là một cô gái vượt biển cách đây mười năm. Nữ... chính là sự ích kỷ hiện thân.

Vợ tôi thở "phù" một cái, vai nhún, rất Tây. Nàng đứng dậy, có vẻ muốn kết thúc câu chuyện:

– Nói gì thì nói, em đã quyết định về Việt nam chuyến này. Anh không gửi thì thôi. Dù sao em đã báo anh biết trước.

Hắn vẫn nhìn nàng chăm chăm. Nàng dợm bước hắn mới thốt lên:

– Vậy là... Nữ về Việt nam thật?

Hình như vợ tôi suýt phì cười. Giọng nàng trở nên tinh nghịch:

– Chứ sao. Anh không tin thì chờ coi tháng tới, sẽ rõ.

Vợ tôi bước ra tới giữa phòng, bỗng hắn hấp tấp chạy vụt đến đứng ngay trước mặt, như muốn chặn đường:

– Nữ... Nữ làm vậy không được!

– Thôi anh Tâm – giọng vợ tôi đã khó chịu – anh không về thì thôi để người ta về. Có ai bắt anh phải du lịch Việt nam đâu?

– Không được! Làm vậy không được! Hắn nói như la lên. Sau tất cả những điều tôi nói, Nữ vẫn không mở mắt sao? Nữ đừng để người ta nói có mắt như mù.

– Tâm, anh gàn quá – vợ tôi cũng la lên – cái lý của anh nó đứng lại từ năm bảy mươi lăm. Cả anh nữa, anh cũng đứng lại từ cái năm đó. Anh sống mà như chết. Anh hết thời rồi.

– Còn Nữ, chỉ là hạng người ngoại lai cộng thêm với cái về nguồn thời thượng nửa mùa. Nói đi, có phải đã trúng tim đen?

– Còn anh là gì? Anh muốn tôi nói trắng ra là cái đồ gàn dở an bám nhà bạn, thứ trí thức kiêu ngạo chìm đắm trong hào quang quá khứ, tự coi như một thứ hoàng thượng bị soán ngai, nhìn chúng tôi hết thảy như những đứa ngu chỉ bằng nửa con mắt. Nhưng thật sự thì anh ghen tuông, anh mặc cảm, anh tự biết thua sút. Thời của anh qua rồi, vùng vẫy chi nữa cũng vậy thôi.

– Tôi không ngờ, tôi không ngờ – mắt hắn và mắt vợ tôi nhìn nhau cùng long lên sòng sọc – Nữ bĩ mặt làm chuyện bất nhân chà đạp lên bất hạnh của đồng bào của đất nước, lại còn trắng trợn mạt sát bạn, đạp đổ cả cái tình bạn tri kỷ lâu đời giữa chúng ta hóa ra tất cả động lực vận động trong con người Nữ và cả cuộc cãi lẫy hôm nay nói ra không ngoài lý do tiền bạc, vật chất nhỏ nhen, ích kỷ và đáng tởm.

Vợ tôi kêu lên một tiếng. Tôi đứng vụt dậy, cũng hét như một thằng điên:

– Ra khỏi nhà này. Cậu ra khỏi nhà này. Lập tức. Cút khỏi đây ngay.

Hắn há hốc miệng, nhìn tôi. Như vừa sực nhớ ra sự có mặt của tôi. Như sự có mặt của tôi lần đầu tiên đáng kể. Như không ngờ hậu quả của cuộc cãi vã có thể dẫn đến một kết luận ngoài dự liệu.

– Cậu cũng...

– Đi ra! Không nói nhiều.

Tôi chỉ thẳng tay về phía cửa. Trong một thoáng tôi nhận ra hắn vẫn

cao hơn tôi một cái đầu. Khi cả hai cùng đứng, bao giờ tôi cũng có cái vẻ nhỏ bé, vâng phục trước mặt hắn. Tôi càng điên tiết. Cánh tay tôi chỉ thẳng ra cửa không lay chuyển. Mặt hắn đỏ rần lên như gấc chín. Rồi hắn xầm xầm bước ra. Cửa đóng xập lại, chát chúa.

Buổi tối, vợ tôi đã vào phòng nằm chờ tôi trước. Tôi lúi húi đánh răng trong buồng tắm. Lúc ngửng lên nhìn mặt mình trong gương, tôi thấy thấp thoáng lẫn trong bóng tối ngoài cửa buồng, khuôn mặt quen thuộc của hắn cùng hai đốm sáng của mắt kính lập lòe phản chiếu. Hắn vào nhà lúc nào? Tôi đã không nghe tiếng cửa mở và khép. Ừ nhỉ, hắn còn giữ chìa khóa. Tôi đứng bất động nhìn hắn xuyên qua tấm gương. Hắn lộ rõ hơn, một nửa thân hình hiện ra trong vùng ánh sáng.

– Tôi... về lấy quần áo. Cậu không phiền?

Tôi lắc đầu.

– Tôi... chờ đến tối mới về, bởi tôi nghĩ cậu đã nguội. Tôi cũng đã hết giận cậu. Chuyện nhỏ, mình làm ra lớn quá, thật đáng tiếc...

– ...

– Chúng mình nên bỏ qua hết để tiếp tục chung sống vui vẻ như trước, có phải tốt đẹp cho vợ chồng cậu và tôi hay không. Vả lại tôi đã tha thứ cho vợ chồng cậu.

Tôi suýt quay ngược lại đối mặt hắn. Nhưng tôi vẫn đứng yên. Khuôn mặt tôi lúc đó lạnh lẽo như một tảng đá.

– Cậu cứ lấy quần áo và tất cả những gì cậu muốn, rồi đi đi.

Hắn lại có vẻ sửng sốt, như không tin ở điều tôi nói. Tôi không hiểu điều gì có thể làm thay đổi bộ óc đặc cứng tin tưởng vào giáo điều của hắn một ngày nào đó.

– Cậu... cậu phải nghe tôi. Đừng nóng nảy... tôi kèm cậu từ nhỏ, tôi biết cậu quá. Cậu hay hấp tấp, bộp chộp, nhưng trong bụng không xấu. Cậu chỉ thiếu sự quyết tâm, thiếu chịu đựng, hay thay đổi. Tôi...

Lẽ nào hắn không nhận ra tôi đang quyết tâm? Tôi mím môi không trả lời. Đột ngột hắn xuống giọng:

– Tôi muốn tiếp tục là bạn của cậu. Tôi không muốn chấm dứt, chúng mình còn sống với nhau lâu dài, cậu đừng một sớm một chiều bỏ rơi tôi như vậy. Cậu...

– Cậu lấy quần áo, rồi đi.

– Không, cậu đừng bỏ rơi tôi, tôi muốn ở lại với cậu, tôi không có chỗ nào trú chân ngoài cậu. Đừng bỏ rơi tôi, tôi hứa từ nay sẽ biết điều hơn,

chuyện Nữ về Việt nam chúng mình sẽ bàn lại, đừng...

Giọng hắn bây giờ thê thảm và khôi hài không thể tưởng. Tôi suýt phá lên cười trong gương, nhưng đôi mắt tôi vẫn lạnh ngắt.

– Lấy quần áo, đi!

Hắn ngẩn ngơ nhìn, ấp úng thốt lên sau một giây im lặng:

– Cậu... cậu đuổi tôi đi thật à?

– Ừ, tôi đuổi cậu.

Tôi quay người. Hắn đã rút đi, ngoài cửa buồng chỉ còn bóng tối. Khi tôi đánh răng xong, tạt ngang phòng ngủ của hắn, tất cả đã trống.

*

Những ngày tiếp theo vợ tôi hớn hở mua sắm, sửa soạn mọi thứ. Chúng tôi không quên thông báo cho bạn bè thân sơ biết tin. Người ta nô nức tới nhà tôi như trẩy hội. Người ta nhìn chúng tôi bằng cặp mắt thán phục. Những người chưa vào quốc tịch Pháp, những kẻ nhát gan chưa dám tính chuyện về Việt nam, ngó chúng tôi thèm khát. Vợ tôi thỏa mãn, hai tay không ngớt nhận tiền, thu vàng. Tôi cũng hài lòng, trương mục ngân hàng không muốn mà tăng lên vùn vụt. Đôi khi tôi giật mình tự hỏi những lý luận vợ tôi trưng ra trong cuộc cãi vã tay ba ngày ấy đã biến đi đâu mất rồi. Chúng tôi có đang làm một việc quấy? Nhưng tôi nghĩ lại, chuyện gởi gấm, đổi chác cũng chỉ là một cần thiết, một tiểu tiết đương nhiên không có không được. Hoàn cảnh hiện tại của Việt nam, của hải ngoại không thể khiến chúng ta hành động khác. Chúng tôi chỉ là những kẻ có điều kiện trở về, đóng vai trò trung gian đem lại một vài dịch vụ cho những người quen biết, nếu chúng tôi từ chối không giúp đỡ họ, đó mới là việc quấy. Tôi mau chóng quên đi cái mặc cảm không đúng chỗ.

Vợ tôi lên máy bay, về nước.

*

Vợ tôi đi được hai tháng, tôi vẫn không cảm thấy sự trống trải của căn nhà bỗng nhiên chỉ còn lại mình tôi, mất hết những sinh hoạt thường nhật của nó cùng tiếng léo nhéo dạy đời, những câu mỉa mai chỉ trích, những cãi cọ hục hặc. Tôi còn thấy thoải mái. Trong tuần lễ, tôi bận rộn với công việc, buổi tối phải nấu nướng, giặt quần áo, ngày nghỉ, bạn bè thân sơ không ngớt mời tôi đi ăn, đi nhậu. Ai cũng trông ngóng tin tức vợ tôi. Người thì nóng nghe chuyện nước nhà, kẻ khác đón tin tức thân nhân, một số chờ mong kết quả những đổi chác, gửi gấm vợ tôi đã nhận lãnh. Trong những buổi nhậu đó, chúng tôi cũng nhắc nhở kỷ niệm cũ, những ngày Sàigòn còn thơ mộng, bạn bè, người thân còn ở lại... Chúng tôi

không quên bàn luận tình hình thế giới, chính sách cởi mở của Cộng sản, đổi mới của khối Xã hội Chủ nghĩa. Tất cả làm chúng tôi say mèm trong một cảm giác hứng khởi tương lai. Chúng tôi bỗng nói năng như những Việt kiều trước 75 có dịp gặp nhau là hào hứng tụ lại hàn huyên, bàn tính chuyện đất nước. Tôi đã hiểu vì sao người ta mau chóng chấp nhận tình thế mới, tự nhiên muốn được làm những kiều bào "di trú và du học". Ôi, cái cảm giác được làm kiều bào của một quốc gia, một đất nước hẳn hòi, mà mình là thành phần ưu đãi đang ra sức làm ăn, học hỏi cái hay lạ nơi xứ người, một ngày kia có lúc đem kỹ thuật vốn liếng về xây dựng mới ngây ngất làm sao. Nhưng chúng tôi là những kiều bào hoàn toàn tự do độc lập theo nghĩa của chúng tôi, chúng tôi không có dính dáng gì đến "hội Việt kiều yêu nước" ở tòa đại sứ. Chúng tôi cũng không phải làm chuyện bá vơ, hướng đi của mọi việc hẳn là như thế, chúng tôi chỉ là những kẻ thức thời.

Thật ra đôi lúc tôi cũng cảm thấy lo ngại cho vợ tôi, nhưng rồi những lá thư, điện tín của nàng khiến tôi an lòng. Tất cả đều diễn tiến tốt đẹp, vả lại chỉ còn một tháng nữa nàng đã về. Tôi cũng nghĩ đến hắn. Căn nhà dù sao quá rộng lớn cho một mình tôi. Sự biến mất hoàn toàn của hắn khỏi cuộc đời tôi, không liên lạc, nhắn gửi một điều gì cũng làm tôi hơi hụt hẫng. Tôi tự hỏi hắn đang làm gì, ở đâu trong cái thành phố rộng lớn này? Một tên hiền lành như hắn (phải, mặc dù cái tật dạy đời, với tôi hắn chính là một tên hiền lành, vụng về quá sức) chắc hẳn không khỏi khốn đốn. Nhưng tôi vội xua đuổi ý nghĩ ấy đi. Mỗi người có một cuộc đời, hắn không thể sống cạnh tôi mãi, cũng không thể từ chối mãi sự hội nhập vào đời sống nơi này.

Rồi vợ tôi trở về, xinh đẹp rạng rỡ, những nồng nhiệt, tiếp đón của kẻ quen, người lạ thời gian sau đó như thế nào, bạn đã dư hiểu, tôi không cần kể lại. Vợ tôi ở Việt nam về, lại gầy đi và trẻ ra, tự nhiên trông "giông giống" cái thuở vừa mới tị nạn qua, tôi mới quen nàng. Phong thổ quê hương quả có khác. Điều này càng khiến tôi cảm thấy yêu nàng hơn, và giai đoạn tiếp theo sự trở về của nàng, đối với chúng tôi đã là cả một tuần trăng mật thứ hai.

Tôi chỉ kể lại ở đây một chuyện quan trọng, đã xảy ra trong một tiệm phở ở khu chợ Tàu Paris, cái hôm chúng tôi rủ nhau đi ăn tiệm lần đầu kể từ ngày gặp lại. Lúc đó, là sau tất cả những rộn rịp và lôi kéo của thiên hạ, vợ chồng tôi tương đối đã trở lại một đời sống yên ổn riêng tư, một ngày thứ bảy tôi nảy ra ý định mời nàng đi ăn, như để đánh dấu, để ăn

mừng chuyến đi bình yên và trót lọt của nàng.

Điều làm tôi ngạc nhiên là nàng không chịu đi ăn Tây, trong một quán sang trọng, mà lại đòi ăn phở. Nàng bảo nhớ phở Paris.

Hôm đó trời đẹp, nắng sáng lấp lánh trên những tàn cây xanh ven đường, gió mát phe phẩy, chúng tôi ngồi nhàn hạ nơi một bàn gần cửa ra vào, mỗi người một tô phở đặc biệt dọn với rượu chát, sau đó là hai đĩa cơm sườn nướng. Lúc phở mang ra, tôi cười tinh quái nói với nàng:

– Kìa, em nói các món ăn Việt nam nấu bên nhà bây giờ vẫn còn ngon hơn món hải ngoại, có tiền là gì cũng có, sao coi bộ đói dữ...

Nói xong tôi mới nghe giọng nói mình có cái vẻ gì quen thuộc, nhưng tôi không chú ý đến, vợ tôi cũng không chú ý, chỉ lườm tôi:

– Ừ thì vậy... nhưng mà không phải vậy, ý em muốn nói ở đây lâu rồi cũng thành thói quen, thành kỷ niệm, nhiều khi ngồi ăn tô phở bên nhà tự nhiên nhớ phở Paris, nhớ anh... Kỳ vậy đó, mà ăn phở Paris bây giờ nấu cũng đỡ, đâu có tệ anh.

Đúng là triết lý quanh co. Tôi có phần đồng ý với cái điểm "tâm lý" nàng vừa nêu, nhưng tôi lo ngại rằng cái "kỷ niệm" sở dĩ nàng nhớ đến trong khi ngồi ăn phở ở Việt nam, một phần có lẽ chính là những miếng thịt bò dầy dặn, màu nước dùng vàng ngậy và những rau ngò rau quế ê hề kia, cộng với cái giá "rẻ quá là rẻ" như chúng tôi thường nói với nhau khi mới tị nạn qua Paris. Nhưng tôi không muốn bắt bẻ nàng nữa. Khi đĩa cơm sườn dọn ra, nàng cũng quên phắt chuyện phở, bắt đầu tíu tít kể tôi nghe chuyện Việt nam. Những bãi biển, những đền đài, những giai thoại thích thú... Từ hôm nàng về đến giờ vẫn chưa hết chuyện. Nhưng không hiểu sao hôm ấy, ngồi nghe nàng kể, tôi bỗng có cảm tưởng nàng đang ra sức làm một điều gì đó để biện hộ, để bào chữa cho chuyến đi của mình... với chính nàng và với tôi. Tôi thấy thương nàng. Có gì để biện hộ kia chứ. Vả lại mọi sự đã rồi.

Một lúc nào đó giữa những câu nói của nàng, tôi bỗng ngửng đầu lên bắt gặp ở cách chúng tôi hai bàn một người con gái đẹp. Nàng không còn trẻ lắm, có lẽ phải trên ba mươi, nhưng gương mặt đẹp và cao ngạo một cách khắc nghiệt làm tôi chú ý. Cách trang điểm của nàng vừa kín đáo vừa rực rỡ, mái tóc dài chải khéo, đôi mắt lớn nhưng hạ xuống không nhìn ai, chiếc miệng tô son hồng lúc nào cũng mím lại dữ tợn. Sự khắc nghiệt trên khuôn mặt đó có một vẻ không phù hợp. Có lẽ nàng ngồi chờ một tình nhân không đến. Có lẽ nàng giận chồng, đi ăn một mình. Một

thiếu phụ đẹp, ở cái độ rực rỡ nhất, đi ăn nhà hàng một mình trong một buổi chiều thứ bảy là điều không hợp lý.

– Ê bạn, nhìn gì dữ vậy, vừa thôi chứ.

Tôi giật mình nhìn vợ, như vừa tỉnh ngủ.

– Chà, "thiếu phụ trẻ đẹp cô đơn nhưng tìm bạn trai... không cô đơn để cùng nhau dấn thân vào một cuộc phiêu lưu vô hạn định!". Hấp dẫn đây.

Tôi nhíu mày trước cách ăn nói của vợ:

– Bậy, anh chỉ tò mò. Em không để ý cô ta có một vẻ đẹp rất dữ tợn đó sao?

– Ừ, anh nói đúng, nàng chống tay nghiêng đầu cùng ngắm nghía thiếu phụ với tôi. Điệu này chắc mới bị tình phụ một cú đau đớn chứ chẳng chơi.

Tôi nghĩ vợ tôi có lý. Đàn bà với nhau... trừ ra vẻ khắc nghiệt ấy là đặc điểm của thiếu phụ. Cặp môi hồng của nàng cứ mím chặt và hơi trễ xuống hai bên khóe, coi kỳ quá. Phải chi nó được nâng lên, hở ra một chút... có phải hơn không. Mà hình như nàng không cố ý mím, ai lại mím môi gần mặt một cách thường trực như thế bao giờ, nhất là ngồi trong một tiệm phở. Hơn nữa nàng không có vẻ gì đang giận hờn, đang muốn khóc. Khuôn mặt nàng chỉ khắc nghiệt.

– Bữa nay bạn trắng trợn thật.

Tôi lại giật mình, vợ vừa lay lay cánh tay tôi. Nàng ngúng nguẩy:

– Bạn cua gái trước mặt vợ, coi tôi như không có.

– Bạn chỉ tưởng tượng. Người ta cũng đã lớn, trừ phi bị tình phụ như bạn nói còn chắc cũng đã chồng con đàng hoàng, đâu phải gái tơ ra đường đón gió.

– Biết đâu. Nhiều bà có chồng mà thích xé lẻ, nhất là với đàn ông có vợ... Mà có khi không chồng cũng nên, cái nghề nó vậy.

– Ê, cái miệng ăn mắm ăn muối.

Chúng tôi ngưng bặt vì người hầu bàn xuất hiện cạnh bên thiếu phụ. Nàng chỉ khẽ ngửng lên, cặp môi nở ra, lần đầu tiên trông bớt xấu:

– ... Một tô phở nhỏ, lấy nước trong, đừng lấy nước béo.

– Ở đây chỉ có nước béo, người bồi nhìn nàng hơi khó chịu.

– À... thôi cũng được, xin lỗi, tôi mới bên đảo qua, không biết...

– Cha, mới bên đảo qua mà biết "régime", không thua ai – vợ tôi thì thầm bên tai tôi.

Cặp môi nàng đã trở lại nhăn nhíu bất động, đôi mắt hạ xuống. Tôi không để ý đến lời vợ. Tại sao xin lỗi? Tôi mới bên đảo qua, không biết. Còn rất nhiều tiệm phở khác, dọn nước trong, dọn đủ loại, mỗi tiệm một vẻ đua nhau chiều khách. Nàng chưa hay, nhưng nàng đã vội trả lời trước. Một câu trả lời cam chịu, và chấp nhậm mọi điều có thể. Nàng mặc áo giáp trước cho cái đời sống đang chờ đợi nàng. Xin lỗi. Tôi đã lờ mờ đoán ra mọi sự.

Chúng tôi không nói năng gì nữa đến người thiếu phụ từ lúc biết nàng mới ở đảo qua. Hình như cả hai chúng tôi đều tránh thôi không nhìn nàng. Vợ tôi kể lại chuyện Việt nam. Một lúc tôi liếc qua, thấy thiếu phụ đã ăn xong và vẫn ngồi yên, mắt hạ xuống như đang nhìn tô phở trống.

Anh biết, bước xuống phi trường Phú Bài mà lònng em rưng rưng... từ nhỏ có khi nào tụi mình được ra thăm Huế. Không ngờ ước mơ đã thành sự thật... Thật ra, tôi đang nghĩ đến chuyện khác. Tôi nghĩ đến cái máy giặt vừa nằm ụ ở nhà, chưa biết hư gì để sửa. Nhưng có lẽ lần này tôi không phải sửa lấy, tôi đã có đủ điều kiện để gọi thợ đến nhà, và có thể, mua luôn một cái máy khác. Một sự yên lặng kỳ lạ. Tôi ngạc nhiên nhìn vợ, vợ tôi đã thôi nói từ lúc nào, mặt ngẩn ngơ nhìn ra ngoài đường, miệng há mở.

– Em...

– Anh, nhìn...

Tôi quay ngược đầu nhìn ra hè đường. Người thiếu phụ đẹp đang đi ngang qua mặt chúng tôi, không, nàng đang lết qua mặt chúng tôi, bằng chiếc chân lành còn lại, chiếc chân kia vẹo ngược ra đằng sau, lôi theo trên mặt đất. Mỗi một bước tiến tới, nàng nhô vai nhấc cặp nạng gỗ to lớn xù xì, đặt ra phía trước, rồi lê thân hình đi. Tháng mười, trời chưa lạnh, nhưng nàng đã vận lên người chiếc áo khoác nặng nề màu tối. Dĩ nhiên không che lấp được đôi nạng gỗ cùng chiếc chân vẹo.

– Anh đừng nhìn.

Ừ nhỉ, đã vài phút trôi qua, chúng tôi vẫn còn nhìn chằm chặp, tôi ở tư thế quay ngược đầu, mà nàng vẫn chưa qua khỏi được mấy thước. Nhưng chúng tôi không trông thấy nàng nữa. Chúng tôi quay đầu lại, trông thấy nhau. Không biết nói gì. Cặp nạng chắc chắn đã được dúi dưới gầm bàn, sao chúng tôi không thấy?

Khi chúng tôi trả tiền rời tiệm, người thiếu phụ đã hoàn toàn biến mất. Tôi im lặng lái xe, vợ tôi ngồi cạnh ít lời hơn thường lệ. Tại sao nàng đi đứng khó nhọc, khổ sở đến thế? Vết thương còn đau, hay nàng chưa

quen dùng nạng? Không, có thể nàng đã tật nguyền từ lúc mới sanh, hồi còn ở Việt nam... Không, có điều gì đó nơi nàng cho tôi biết chỉ mới gần đây thôi, nàng đã không thể là một kẻ tật nguyền. Ồ, sao tôi cứ lởn vởn những ý nghĩ về nàng? Sao vợ tôi ngồi cạnh lại im lặng như thế? Chúng tôi xấu hổ vì đã nói xấu một người con gái bất hạnh chăng? Không, chắc nàng vừa bị một tai nạn xe hơi gần đây, sau khi sang Pháp. Ừ, đúng rồi. Thành phố và những hàng cây xanh xô dội về phía sau. Vợ tôi kêu:

– Anh!

Tôi choàng tỉnh, tôi vừa nhấn ga lúc nào không hay. Tôi giảm ga. Vợ tôi lại im lặng không nói.

Buổi tối, vợ tôi mở truyền hình vang nhà nhưng không xem. Tôi thả người trên ghế bành, không xem, cũng không nói. Hai chúng tôi không ai nói gì với nhau. Nàng cứ lách cách trong nhà bếp, không biết rửa chén, cọ nồi gì mà lâu thế. Tôi bỗng thèm được nghe một tiếng léo nhéo. Nhưng hắn đã đi mất rồi, không còn ai hết. Chẳng còn một ai hết.

Kìa, nàng phải vừa bị một tai nạn xe hơi, nếu không phải là một tật nguyền bẩm sanh, hay một tai nạn hồi còn ở Việt nam. Vợ tôi từ nhà bếp đi ra, chạm mặt tôi, nhìn đi chỗ khác và nói:

– Nàng phải vừa bị một tai nạn xe hơi.

Tôi ngồi bật dậy. Nàng quay lưng đi thẳng vào phòng ngủ. Mồ hôi tôi toát ra. Trời ơi, vợ tôi cũng... Phải rồi, người thiếu phụ đã ám ảnh chúng tôi từ tiệm phở về tới đây. Tại sao chúng tôi cứ khăng khăng đòi hỏi nàng phải gặp tai nạn ở một nơi chốn nào khác?

Tôi ôm mặt ngồi thừ ra trên ghế bành. Phải. Tại sao? Tại sao? Chúng tôi cứ quay lui lật ngược những giả thuyết của mình, mà ngay từ đầu, đã cố tình loại bỏ đi cái giả thuyết đơn giản nhất.

Người thiếu phụ bị hãm hiếp, chống cự, bị bẻ gẫy một chân, và tiếp tục bị hãm hiếp sau đó. Có lẽ có một người chồng, một đứa nhỏ bên cạnh. Người chồng, đứa con bị xô xuống biển.

Đơn giản hơn nữa: chồng con nàng còn nguyên vẹn, nhưng qua tới Pháp, hoàn cảnh và lòng người đổi thay, anh dắt đứa con nhỏ ra đi, bỏ nàng.

Người thiếu phụ trẻ đẹp vẫn còn giữ những thói quen chải tóc, tô son môi ngày cũ. Đồng thời tự biết cuộc đời nàng đã hết. Những bắp thịt môi của nàng đột nhiên mím chặt và nhăn nhíu, khuôn mặt trở nên khắc nghiệt, ở ngoài mọi ý muốn nàng. Tôi đã gặp nàng ở một giai đoạn đầu,

nàng vẫn còn đẹp, sự tuyệt vọng vẫn chưa kịp in lên một dấu vết gì rõ rệt. Nhưng chỉ vài năm sau thôi, mái tóc ấy sẽ rối bù rời rụng, đôi môi ấy sẽ tái xanh, những bắp thịt mặt nhão đi, còn lại một mụ gái già tàn tật dở người và khắc nghiệt, sẽ làm khổ sở, điêu đứng tất cả những ai muốn đến gần.

Có lẽ tôi bi quan hóa vấn đề. Không, tôi không chắc chắn được điều gì đâu. Có lẽ cái sắc đẹp ấy đã làm tôi và vợ tôi xúc động. Có lẽ cái lối đi đứng khó khăn đặc biệt ấy đã ám ảnh chúng tôi. Giả thuyết chỉ là một giả thuyết. Có điều, cái giả thuyết dù chỉ là một giả thuyết đã đến hiện diện và nằm lại mãi ở đấy.

Tôi vẫn ngồi thừ ra trên ghế bành. Nhưng... tại sao vẫn không có ai hết? Nhà bếp đã tắt đèn. Các phòng ngủ đã tắt đèn. Chiếc truyền hình cũng tắt ngấm tự lúc nào. Căn phòng sách sáng lại một cách trơ trẽn. Tôi ngơ ngác nhìn quanh... Im lặng.

Một lúc, tôi xoay vụt đầu. Không, không có ai nấp trong nhà bếp. Cái đầu tôi vẫn trống rỗng. Không có ai hết. Không có hắn, thiếu phụ, hay... một người nào khác. Tôi ngồi bơ vơ, trơ trọi trên ghế bành như một xác chết.

Tôi chỉ còn là một xác chết. Tôi rùng mình, đứng vụt dậy. Tôi đã mệt mỏi quá rồi, tôi cần phải ngủ, dù tôi có là một xác chết tôi cũng cần phải đi ngủ. Tôi cần tỉnh táo và giữ gìn sức lực, vợ tôi đã bỏ cuộc, hắn cũng đã đi hẳn rồi. Tôi không còn trông cậy vào ai được nữa. Vào bất cứ một ai nữa.

Lúc tôi nằm xuống bên cạnh nàng, vợ tôi bỗng trở mình, nói:

– Thiếu phụ bị hãm hiếp, chống cự, bị bẻ gẫy một chân, và tiếp tục bị hãm hiếp sau đó.

Tôi lay giật nàng:

– Em, tỉnh dậy, tỉnh dậy.

Nhưng tôi vừa nhận ra mất nàng vẫn mở tự bao giờ. Nàng ngó tôi chăm chăm:

– Em còn thức, có chuyện gì vậy anh?

– Không... nhưng em vừa nói... gì đó?

– Ủa, nói gì? Em có nói gì đâu?

– Có, hồi nãy cũng vậy, lúc em ở nhà bếp bước ra.

– À, thì có nói em mệt, đi ngủ trước chứ nói gì.

Nàng quay lưng. Tôi ngã mình, nhắm mắt. Không biết thời gian trôi qua bao lâu, nhưng tôi nghe thấy tất cả những tiếng trở mình của nàng. Sau cùng, tôi mở mắt, vợ tôi xoay hẳn người nhìn lên trần nhà, thở dài:

– Đêm nay khó ngủ quá anh à. Nàng quay lại nhìn tôi, đôi mắt căng lên trong bóng đêm – có lẽ em đã nói gì với anh thật.

– Anh biết. Ngủ đi, ngủ đi, tôi vỗ về.

– Em nghĩ tới anh Tâm...

– Hắn đã đi thật rồi.

– Và một kẻ nào khác đang bắt đầu thế chỗ? Nàng hỏi giật, lo sợ.

– Ngủ đi, ngủ đi, đừng nghĩ gì hết, có anh đây.

Có anh đây. Tôi không biết mình nói gì. Nàng thở đều dần và thiếp đi như một đứa trẻ. Khi tôi choàng tỉnh, có lẽ đã khuya lắm, tiếng "kịch" trong phòng bên vừa vang lên lần thứ hai, rõ rệt. Tôi nhìn lại để chắc chắn vợ vẫn say ngủ, rồi không kịp mặc quần áo, chạy ra hành lang tối đen, tiến về phía căn phòng ấy.

Tôi không còn thấy sợ hãi. Tôi đã quyết tìm gặp, một lần.

Căn phòng cũng tối đen, bây giờ đã yên lặng hoàn toàn. Cửa phòng khép hờ. Tôi xô cửa, bước vào. Một cảm giác gì không rõ chụp ùa lấy tôi. Tim tôi đập thình thịch. Cái kẻ đang nằm bất động trên giường, thân hình đắp kín dưới tấm chăn trắng mỏng chỉ chừa ra cái đầu đen trong bóng tối, tôi đã biết là ai. Tôi với tay bấm công tắc. Ánh đèn ngủ mờ trong một góc bật lên. Kẻ ấy động đậy, ngửng đầu quờ quạng tìm cặp kính cận gắn lên mắt, ngó tôi.

Hắn – chính là hắn – choàng khỏi giường, đứng lên, cũng trần trụi trước mặt tôi, đẹp như một vị thiên sứ. Nhưng thay vì một vòng hào quang bao quanh đầu, chỉ là cặp kính cận dày cộm vẫn tiếp tục phản chiếu lấp lánh. Như dạo nào. Tôi ngớ ngẩn nhìn cái khuôn mặt vừa lì lợm, đáng ghét lại vừa hiền lành thân thuộc với tôi biết bao nhiêu ấy. Chúng tôi đứng trần truồng nhìn nhau. Hắn cũng hơi sửng sốt nhìn tôi, với cái vẻ bị bắt quả tang đã lẻn trở vào nhà mà không báo trước. Tôi ấp úng thốt lên:

– Tâm... cậu đã về đó à?

– ...Phải, tôi đã về đây.

Hắn dịu dàng đáp, có vẻ đã yên lòng bởi giọng nói của tôi. Rồi hắn nheo mắt, mỉm cười ranh mãnh ngay lập tức:

– Tôi còn giữ chìa khoá, bộ cậu không nhớ?

– ...

– May mà lúc đó cậu chưa thật tình muốn đòi lại!... Khi nào tôi còn giữ chìa khoá, là tôi còn về. Cậu tưởng tôi dễ dàng để một kẻ thứ ba xen vào thế chỗ tôi trong nhà cậu lắm hay sao?

– ...

– Bây giờ tôi dọn về, ở luôn, như cũ. Nếu cậu không đuổi tôi đi thêm một lần nữa – hắn chêm câu cuối với giọng mỉa mai thích thú.

Tôi vẫn không thốt thêm được tiếng nào. Hắn bắt đầu lạ lùng trước thái độ yên lặng của tôi, nhíu mày hỏi gặn:

– Cậu Thân, cậu với Nữ vẫn khoẻ?

– ... Không... không khoẻ. Tôi nghẹn ngào đáp. Tôi liếc quanh, thấy mọi đồ đạc, quần áo đã dọn hết về như trước, cả những sách báo hắn thích đọc, bàn cờ tướng tôi với hắn vẫn chơi, chiếc áo khoác hắn hay mặc đã máng lên trên móc cũ. Tất cả những kinh hoàng của ba tháng vừa qua cho đến buổi tối nay đã thật sự chấm dứt.

Trong một phút không ngờ, tôi kêu lên một tiếng, gục xuống dưới chân hắn, tan chảy hoàn toàn ra thành những dòng nước mắt:

– Ối! Lương Tâm! Lương Tâm, đừng bao giờ rời bỏ tôi...

Ngọc Khôi

Phát hành đầu tháng 11.1989
TÁC GIẢ TÁC PHẨM
Tuyển tập văn nghệ gồm tám tác giả viết về đời sống và sáng tạo
Mỗi tác giả tự trình bày chân dung qua quá trình sáng tác
Được thực hiện rất công phu và mỹ thuật
Bìa màu. Dày 320 trang
Giá 12 Mỹ kim
Trần Trúc Giang thực hiện
Thế Giới Lưu Vong Hôm Nay xuất bản
Địa chỉ liên lạc:
TRẦN TRÚC GIANG
C/O KHÁNH TRƯỜNG
13081 Hope St Garden Grove CA 92643 USA

Sĩ Liêm

CON CHIM THỜI TIẾT

Sĩ Liêm: sinh 1965. Con trai nhà văn Sĩ Trung. Cây bút mới của Làng Văn, Văn. Truyện ngắn Con Chim Báo Thời Tiết là một mẫu sống hiện thực Xã hội Chủ nghĩa, nặng chất hài hước.

Những buổi trưa chói chang ánh nắng. Khắp các hang cùng ngõ hẻm khu chợ trời Tân Bình, tiếng rao lanh lảnh vang lên:

– Trà đá, trà đá đâââây! Trà đá một đồng một ly trà đá đâââây!

Một người đạp xe ba bánh dừng lại, ngoắc:

– Ê trà đá! Trà đá!

Đứa trẻ mặt mũi hom hem, đội nón rộng vành, tay bê bình trà đá, mừng rỡ hỏi:

– Dạ! Mấy ly?

Khách lột nón nỉ ra quạt, mắt hấp háy vì chói nắng.

– Một ly!

– Một đồng!

– Cám ơn!

Khách uống ừng ực, chìa tiền và đạp xe ba bánh đi mất. Đứa nhỏ đi dài theo đường hẻm vô chợ, tiếp tục rao:

– Trà đá, trà đá đâââây! Trà đá một đồng một ly trà đá đâââây!

Đó là tiếng rao hàng của tôi cách đây mười mấy năm về trước. Tiếng rao và "bộ đồ nghề" tuy tầm thường bé nhỏ nhưng đã cứu vãn gia đình tôi, với ba miệng ăn, thoát khỏi cơn đói kém sau ngày miền Nam rơi vào tay Cộng sản được một phần nào. Dạo đó tôi mới có 12 tuổi, chưa hiểu gì về chuyện quốc gia đại sự, tình hình lầm than của đất nước. Tôi chỉ nghe người ta hô hào *"giải phóng miền Nam", "hòa bình vĩnh cửu", "thống nhất hai miền Nam Bắc"*. Nhưng mà lạ thay, tôi chỉ thấy gia đình mình sa sút hẳn. Cha mẹ tôi cứ than vắn than dài. Phần ăn hằng bữa trong nhà được quy định, hạn chế chứ không còn dư thừa như trước nữa. Mỗi sáng tôi chỉ đứng dựa hàng ba, đưa mắt ngắm bà bán xôi nếp than đi qua rồi nuốt nước miếng cho qua cơn thèm khát. Ngày trước, mỗi sáng cả nhà tôi dùng phở hoặc cơm tấm, bún bò hay bún riêu. Ít ai chịu ăn dồ ngọt. Giờ đây xôi, bắp nấu đối với tôi là món điểm tâm quý giá. Không thể nào tôi

quên được món xôi nếp than, màu nó đen ửng tím, hột nếp suông suông óng ả, được nấu bằng trà nên mềm dẻo đặc biệt. Xôi khi bán được gói trong miếng lá chuối xanh tươi, trên mặt xôi được phủ một lớp đậu xanh tán nhuyễn màu ngà, càng nhai càng béo, và điểm thêm một nhân dừa nạo trước khi rắc đường và muối mè cùng đậu phọng giã nhỏ. Bà bán xôi không dùng đường cát trắng, mà dùng đường mỡ gà hột nhuyễn mịn hơn, dù không trắng bằng đường cát... Xôi được gói bằng lá chuối tươi đã đẹp mắt, mà còn giữ nguyên vẹn mùi nếp, mùi đậu, mùi mè. Có gói xôi trong tay, tôi sẽ không nhai nuốt một hơi như bọn trẻ ham ăn khác đâu. Tôi sẽ ăn nhín nhín, ăn từ từ, ăn chậm chậm, lắng nghe cái dẻo mềm của hột nếp, tận hưởng nguyên vẹn cái béo béo của đậu, của dừa nạo, của đậu phọng, cái ngọt đằm thắm của đường mỡ gà. Ôi đường mỡ gà! Làm sao trên các đất nước tạm dung Tây phương có được thứ đường ấy? Làm sao người tị nạn nếm được thứ nếp màu đen ửng tím nhiều nhựa, nấu xôi đúng phương pháp trở nên dẻo mềm, ngon kinh khủng kia? Tôi thường điểm tâm tưởng tượng như vậy vào mỗi sáng cho chiếc bao tử nhỏ bé của mình. Nỗi đói khát bắt đầu đe dọa gia đình tôi. Rồi tôi thấy, mỗi sáng già, lớn, trẻ, bé lũ lượt đổ ra đường, ra vỉa hè như một dòng thác lũ. Đoàn này đến đoàn khác. Kẻ chiếm được chỗ tốt ở vệ đường trải manh chiếu rách, người chọn một góc chợ để trải chiếc khăn thô, kẻ đứng thiểu não, người ngồi ủ rũ. Cứ thế, khắp các ngã ba, ngã tư, từ đầu chợ trời cho tới cuối bãi rác kẻ đi qua hấp tấp, người đi lại tấp nập. Họ chen chúc nhau kẻ bán người mua chẳng những từ hai bên vỉa hè, tràn xuống lề đường như nước vỡ bờ. Trên là người, ở dưới đất nào là tivi, tủ lạnh, xe đạp, xe gắn máy, nồi, soong, chảo, chén, bát, bàn, ghế, quạt máy, quần áo... nằm sắp lớp. Có thể nói tất cả những thứ thượng vàng hạ cám đều có mặt ở đây, không thiếu một món nào. Ở đầu kia, tiếng rao hàng trầm bổng. Ở đầu này, tiếng trả giá lao xao. Ở đầu nọ, tiếng gọi nhau ơi ới. Ở đầu dưới, tiếng chửi thề văng tục dành nhau một chỗ tốt. Ở đầu trên, một cuộc ẩu đả dành một món hàng rẻ. Chính giữa hai bên lề đường, xe hơi nhấn kèn inh ỏi. Những thứ ấy trộn vào nhau làm đinh tai nhức óc mọi người, làm náo nhiệt nguyên con đường Trương Minh Ký, từ phở Quỳnh Tín kéo dài cho tới Lăng Cha Cả. Người ta đổ xô ra bán chợ trời. Và cái nghề bán nước trà đá bắt đầu xuất hiện.

Những cảnh hỗn loạn ấy cứ diễn ra hằng ngày trước cửa nhà tôi. Mẹ tôi nhìn người ta buôn bán rầm rộ mà nôn nao, sốt ruột. Nhưng vì không có vốn, bà đành an phận đứng nhìn. Sau ngày *"giải phóng "*, gia sản của

cha mẹ tôi chỉ còn có căn nhà và đồ đạc lỉnh kỉnh. Thùng gạo nuôi gia đình vừa sắp cạn thì có một món đồ "đội nón" đi ra khỏi nhà. Cứ thế mà lần lượt đồ đạc trong nhà chê chủ nghèo, tuần tự di tản... Riết rồi không còn một món gì để cứu vãn nổi thùng gạo. Cái đói khổ cứ ám ảnh làm cho cha mẹ tôi lo lắng bạc đầu. Sau nhiều ngày ăn cháo lỏng, không còn cách gì hơn, mẹ tôi quyết định đi bán trà đá tần tảo nuôi gia đình. Cha tôi, ngày xưa là một nhà văn, đâu có biết gì về buôn bán, gánh bưng. Khi nghe mẹ tôi quyết định như vậy, ông buồn rầu, rươm rướm nước mắt không nói một lời nào. Nhìn cảnh mẹ cha đau khổ, tuy còn nhỏ mà tôi cũng cảm thấy đau nhói con tim. Và tôi bắt đầu nhận ra có một điều gì không ổn sau ngày bị gọi là *"giải phóng miền Nam"*.

Tôi là đứa con trai độc nhất của gia đình. Từ nhỏ sống trong vòng tay cưng chiều của cha mẹ. Tôi bám mẹ tôi như hình với bóng. Tôi theo cha tôi học hỏi đủ mọi điều. Từ nhỏ chưa một lần, tôi có thể tưởng tượng nổi cảnh đau khổ. Thấy mẹ tôi vất vả, tôi tới gần, ôm vai mẹ, hỏi nhỏ:

– Sao má đi bán trà đá?

Má vuốt đầu tôi đùa:

– Má đi bán trà đá để nuôi con học thành tài!

Tôi lắc đầu:

– Học để làm gì? Học mà ba má phải khổ, con học đâu có được!

Mẹ tôi rưng rưng nước mắt:

– Con phải học. Ba má có một mình con, con phải học cho giỏi để mở mặt với đời.

Lần đầu tiên trong cuộc sống gia đình, tôi thấy mẹ tôi khóc. Tôi vội vàng đưa tay quẹt nước mắt cho mẹ. Tôi nghe trong cổ họng mình có cái gì nghèn nghẹn. Cách đó một năm, mẹ tôi xinh đẹp, óng ả. Vóc người mẹ mảnh mai nên mẹ mặc tơ lụa nội hóa càng thêm sang trọng. Tay mẹ trắng trẻo, mềm mại, đeo vòng cẩm thạch, ai cũng trầm trồ. Mỗi tháng, mẹ đi làm tóc, dũa và sơn móng tay tại tiệm chú Lòn ở Bảy Hiền một vài lần để đi dự các buổi tiếp tân với cha tôi. Cha là nhà văn viết truyện feuilleton ăn khách. Cha còn hùn hạp với một nhà xuất bản, và má tôi có mở một nhà in máy typo nho nhỏ... Cha mẹ cứ dự tiệc tùng liên miên nên mẹ ưa làm đẹp. Mấy đứa bạn cùng lớp đều khen mẹ tôi tuy lớn tuổi mà còn giữ vẻ phong lưu, chải chuốt. Cha ưa mặc áo veste, hút xì gà, và cha có cái ống pipe mắc tiền. Khi nhà tôi có mở tiệc, mẹ mặc áo nhung trơn, đeo một vài món nữ trang nhận hột xoàn lấp lánh. Tay mẹ đeo vòng cẩm thạch lên nước xanh biêng biếc.

Khi Sàigòn thất thủ, nhà xuất bản bị đóng cửa, nhà in cũng bị nhà nước tịch thu. Tất cả những bản thảo chưa kịp in ra sách và mấy chục tác phẩm đã in của cha được cân ký bán cho ông chệt Tàu buôn ve chai. Cha nhìn theo bóng ông chệt gánh tác phẩm của mình cho đến hút tầm mắt, nước mắt ông chảy ròng ròng cho những đứa con tinh thần bỏ ông ra đi vĩnh viễn. Cha tôi bị cấm hành nghề. Tiền bạc mà mẹ gửi ở các chương mục ngân hàng kể như tiêu tùng mây khói. Lần đổi tiền đầu tiên, mẹ chỉ có đủ tiền mua một bao gạo. Cảnh thiếu hụt làm cho trán mẹ thêm nhăn, má mẹ thêm hóp, mắt mẹ sâu hoắm và vóc mình mẹ ốm nhom như cây sậy. Bàn tay mẹ đã chai, đã thô, gân xanh nổi lên mu bàn tay như trùn bò. Hình hài của mẹ đã bị thời cuộc cướp mất nét cao sang, thanh tú.

Tôi nói với mẹ:

– Con muốn nghỉ học đi kiếm tiền nuôi ba má.

Má tôi lấy vạt áo quẹt nước mắt, cười buồn:

– Rán học thành tài rồi nuôi ba má cũng đâu có muộn. Bây giờ con còn nhỏ xíu, làm sao mà nuôi ba má được?

Tôi lắc đầu, chu mỏ:

– Sao không được. Con đi bán trà đá nuôi ba má!

Mẹ tôi cười. Giọng bà xúc động:

– Thôi đi thằng Bếp Ghẻ của má. Làm sao mà con bán trà đá cho được?

Tôi thường hay vô bếp lẽo đẽo theo gót mẹ, phụ mẹ vo gạo nấu cơm, dọn bàn, rửa chén, làm những việc vặt vãnh và chân tôi có nhiều mụn ghẻ, nên cha mẹ kêu tôi là Bếp Ghẻ. Biết mẹ tôi không tin tưởng nơi tôi, tôi dậm chân, tức tối:

– Sao không được má? Mấy thằng nhỏ bằng con, tụi nó bán trà đá thiếu gì ở ngoài chợ kia kìa!

Mẹ thở dài thườn thượt:

– Má biết. Nhưng má đâu để cho Bếp Ghẻ của má đi bán trà đá được. Người ta cười má chết. Thôi, không được đâu con!

Rồi bà siết tôi vào lòng hôn lên trán tôi. Tôi nghe tình mẫu tử thấm nhuần tâm hồn, ướp mát trái tim tôi. Tôi quàng cổ bà nũng nịu:

– Không, con thương má lắm. Con phải đi bán trà đá nuôi ba má. Mình bán trà đá chứ bộ mình ăn cắp, ăn trộm sao mà sợ người ta cười mình?

Mẹ tôi lặng thinh. Tôi cảm thấy có giọt nước mắt rớt trên vai, thấm

vào trái tim tôi làm tôi đau nhói. Cha tôi ngồi gần đó trầm ngâm với điếu thuốc rê. Qua làn khói mờ ảo, tôi thấy trên khuôn mặt cứng cỏi của người có hai dòng nước mắt tuôn lấp lánh. Tôi vừa nhận ra một điều rằng sau ngày *"giải phóng miền Nam"*, gia đình của tôi thiếu hẳn nụ cười. Thay vào đó là những giọt nước mắt, nét đăm chiêu, vẻ mặt mệt mỏi của bậc sanh thành. Tôi thường tự hỏi với chính mình: "Tại sao như vậy?". Nhưng vì tuổi hãy còn nhỏ nên không tài nào tôi giải đáp nổi. Và tôi biết chắc một điều: "Cái thiếu thốn đã tới. Còn cái đói đã gần kề!".

Sự nhất quyết của tôi đã lung lạc được cha mẹ tôi. Hai ông bà đồng ý cho thằng con trai độc nhất của mình bôn ba, lặn hụp với đời. Cuộc sống ngây thơ của tôi đã bị đôi dép Bình Trị Thiên và cái nón cối đẩy vào một xó tối của cuộc đời, một tương lai đầy hệ lụy. Tôi hụt hẫng, chơi vơi trong niềm đau tuổi nhỏ. Ngày đầu tiên mẹ tôi trao bình trà đá cho tôi và ôm siết tôi vào lòng, mắt bà thâm quầng vì đêm qua mất ngủ, khóc rấm rứt. Cha tôi nhìn cảnh tượng ấy, lặng thinh, mặt buồn khôn tả, tóc người bạc trắng. Những giọt nước mắt của tôi tuôn ra thấm ướt vai gầy của mẹ, muối sát tâm hồn của cha tôi. Tôi đã từng khóc những khi bị cha đánh đòn, quở phạt. Lần này khác, tôi khóc thương cho cha mẹ, tôi khóc thương cho chính bản thân mình, chạnh nghĩ những ngày sung túc đã qua, sợ hãi những ngày sắp tới. Tôi không thể tưởng tượng nổi cái bình trà đá kia đã đè nặng trên vai đứa trẻ 12 tuổi, mà cách đây hai năm, đứa trẻ đó đi học có người đưa rước, nó chỉ quanh quẩn khu phố mình ở, chưa từng quen cơn nắng chang chang và bụi bặm của phố phường. Tôi khóc vì niềm đau của đất nước.

Những ngày đầu tiên, tôi lầm lũi đi trong chợ. Tiếng rao hàng đầu đời hãy còn bỡ ngỡ và ngượng ngập. Vừa đi tôi vừa nghĩ chuyện này đến chuyện kia. Đầu óc tôi âm ỉ sầu mênh mông. Những luồng tư tưởng lang thang như những sợi tơ trời bị gió cuốn bay bổng, phất phơ và quằn quại trong không gian mà chẳng biết sẽ rơi vào đâu. Tương lai của tôi đã bị rừng biểu ngữ che khuất bóng hạnh phúc. Tôi thường hát nho nhỏ: *"Thằng bé âm thầm đi vào phố nhỏ. Cuộc sống nay đã mang nhiều âu lo..."*. Lúc đầu tôi hát vì cảm cảnh, sau đó tôi hát vì thói quen, dù lúc bình trà đá đã cạn, mà trời hãy còn sớm, bóng chiều chưa phủ xuống phố phường.

Thời gian đã làm cho tôi trở thành lanh lẹ, tháo vát và khuôn mặt ôi đã quen thuộc với bụi đường và những người trong khu chợ. Tiền bán trà đá tôi giao hết cho mẹ. Tôi còn nhớ ngày đầu tiên, tôi cầm tiền đưa cho bà. Bà ôm tôi khóc như mưa bấc. Riêng tôi, tôi thấy tâm hồn mình bay

bổng. Gia đình tôi đã đỡ một gánh nặng, mỗi bữa nồi cơm không quá lưng. Cuộc sống đã tạm ổn.

Bước chân tôi đi mòn khắp các ngõ. Tiếng tôi rao lảnh lót có vần, có điệu. Mắt tôi thấy và tai tôi nghe những chuyện nọ chuyện kia. Đầy dẫy đó đây, những hình vẽ trên tranh cổ động sao mà mỉa mai quá. Người người trong tranh đều cười thật rộng, mắt hướng về phía trước có vẻ tin tưởng lắm. Còn tôi, tôi làm sao cười nổi, tin tưởng nổi khi chân tôi lê khắp chợ Ông Tạ, khắp Bảy Hiền, Tân Bình, Trương Minh Ký..., miệng tôi rao trà như cầu xin muốn rát cổ, mắt tôi thèm thuồng nhìn vào hàng quà bánh, vào tiệm ăn. Tôi không dám bỏ tiền ra mua quà, và tiệm ăn đối với tôi hấp dẫn như một cảnh giới thiên đường.

Tôi thường đứng lặng nhìn những tấm biểu ngữ tô son chế độ dán đầy đường phố, hết còn tin tưởng, hết còn mơ mộng vào cái gì nữa hết. Và tôi cảm tưởng con đường đi bán trà đá sao dài thăm thẳm, diệu vợi, nắng mặt trời oi ả, bụi bặm của phố phường, mồ hôi của thân thể làm tôi khó thở, bình trà đá trên tay nặng sao mà nặng dữ.

– Trà đá, trà đá đâââây! Trà đá "hoà bình, độc lập, tự do" một đồng một ly đâââây!

Dưới ánh nắng gay gắt của cuộc sống bán trà đá đã rèn đúc tôi thành một thằng bé cứng rắn, giỏi sức chịu đựng. Mẹ tôi hay nói:

– Thằng Bếp Ghẻ của má đã lớn trước tuổi. Ngày xưa khi còn nhỏ, má đâu đã được như con bây giờ.

Cha tôi lắc đầu:

– Đời nó thiệt khổ quá. Anh vẫn tưởng làm ăn để dành dụm cho nó sau này. Ai dè của đã mất hết. Cũng tại bọn...

Ông thường bỏ lửng câu nói như vậy rồi thở dài chán nản. Tình thương của cha mẹ cho tôi vô bờ bến. Ra đường tôi là thằng bán trà đá lém lỉnh, không nhường nhịn ai. Nhưng bước vô nhà tôi vẫn luôn luôn là thằng Bếp Ghẻ của cha mẹ muôn thuở. Tôi yêu quí mẹ, kính mến cha hơn tất cả những gì hiện hữu trên cõi đời này. người ta thường hát: *"Công cha như núi Thái sơn. Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra"*, tôi thấy hai câu đó ngọt lìm lịm. Nhưng bảo rằng *"Bác Hồ hơn mẹ hơn cha"* thì tôi cho rằng nói xạo một cách bỉ ổi. Đó là một sự nhục nhã cho cha mẹ của bất cứ đứa trẻ nào.

Lối xóm nhìn tôi bằng ánh mắt thiện cảm. Những lúc ấy, mẹ tôi cười sung sướng, cha tôi nhìn tôi hãnh diện. Tôi thường ôm mẹ trong vòng tay bé nhỏ và hỏi:

– Sao ba má thương con mà chẳng thấy ai khen? Mà con thương ba má thì người ta lại khen?

Mẹ tôi cười thật hiền, giải thích:

– Ở đời người ta cho cha mẹ nuôi con là bổn phận. Con nuôi cha mẹ là hiếu thảo. Bổn phận cha mẹ nuôi con là chuyện thường tình. Còn con nuôi cha mẹ lại là chuyện hiếm có trên cõi đời này. Người ta thường nói: *"Cha mẹ nuôi con bằng trời, bằng bể. Con nuôi cha mẹ kể tháng, kể ngày"*. Ở đời cái gì hiếm hoi thì người ta để ý, người ta khen. Con hiểu không?

Tôi thắc mắc:

– Tại sao con nuôi cha mẹ lại là chuyện hiếm có?

Mẹ tôi ôn tồn:

– Tại vì những người con không thấu hiểu nổi tình cha mẹ nuôi con cực khổ đến mức độ nào? Với lại đó cũng là luật nhơn quả. Gieo hạt nào thì ra trái đó. Nó như những giọt nước rơi từ trên cao xuống. Giọt nước trước như thế nào thì giọt nước sau cũng như vậy.

Tôi gãi đầu:

– Là làm sao, hả má?

Mẹ tôi vuốt đầu tôi, kiên nhẫn giải thích:

– Thì cũng như nếu ngày xưa ba má không hiếu thảo với ông ngoại, bà ngoại, ông nội, bà nội con thì con cũng sẽ bất hiếu lại với ba má. Con hiểu không?

Tôi hiểu mù mờ. Nhưng cũng gật đầu đại cho mẹ vui. Cha mẹ tôi nhìn nhau cười cười. Lâu lắm rồi, tôi mới thấy mắt cha sáng long lanh và mặt mẹ tôi rạng rỡ như vậy.

Đi bán dạo cả ngày, tôi mệt vừa ngã lên võng đã ngáy khò khò. Chừng tôi tỉnh dậy thì mâm cơm đã dọn lên. Vẫn là cơm nấu bằng thứ gạo có mùi mốc meo nên trước khi vo gạo, mẹ tôi đã ngâm một chốc bằng nước muối, dù sao đó cũng là gạo bán cho từng hộ khẩu mà khi mua mẹ tôi phải xếp hàng ngồi chờ cả ngày mới có mà ăn. Hôm nay, mẹ thay món trứng vịt dầm nước mắm bằng một dĩa cá lụn vo kho tiêu, tô canh rau đền nấu với một nhúm tôm khô. Cha tôi ăn xong, ngồi cặm cụi dưới ánh đèn vàng, trải từng miếng giấy quyến mỏng, vấn từng điếu thuốc để mẹ bán lẻ. Còn mẹ thì ngồi đan giỏ cho tổ hợp của phường. Lưng cha đã cong, má hóp lại, sắc mặt mệt mỏi. Bàn tay cầm bút nay đã trở thành bàn tay quấn thuốc rê sinh sống. Cuộc đổi đời làm cha xoay trở không kịp nên cha xây xẩm, ngơ ngác, khờ khạo. Mẹ thì lúc nào cũng có vẻ cam chịu,

– Chẳng hạn như gạt tàn thuốc, ly, chén, muỗng... nè!

Mẹ tôi nhìn tôi suy nghĩ, rồi lắc đầu ngao ngán:

– Cũng được. Nhưng con còn nhỏ ra buôn bán sẽ bị thiên hạ gạt gẫm!

– Hổng có đâu. Con rành lắm má ơi. Mấy thằng cha bộ đội ngu như là bò vậy đó. Cái gì họ cũng mua hết. Người ở trong chợ gọi họ là 5V: *"vội vàng vào vơ vét"*.

Mẹ tôi cười lớn:

– Đừng có nói bậy nà. Ở tù chết!

– Thiệt mà!

– Rồi con tính đi lường gạt bộ đội hay sao?

Tôi gật đầu:

– Dĩ nhiên rồi! Lường gạt họ đâu có tội tình gì. Họ đã làm cho mọi người miền Nam mình đau khổ thì mình phải trả thù chút chút chớ.

Mẹ tôi ký đầu tôi:

– Bậy nà! Lúc này con ưa nói bậy lắm đó nghe. Khi ra đường, con chớ nói như vậy nữa mà có ngày ở tù rục xương.

– Con đâu có ngu. Mà má cho con bán chợ trời nghe? Con sẽ dụ tụi bộ đội cho má coi.

Mẹ tôi thở dài:

– Nữa, nói bậy nữa. Mà sao con biết người ta ngu?

Tôi chỉ tay ra đường, phân trần:

– Trời ơi! hôm bữa con thấy một ông nọ bán cái ra dô cho bộ đội nè. Cái ra dô hư rồi mà ổng cứ nói cái ra dô của ổng không bắt được đài thành phố Hồ Chí Minh, chỉ bắt được đài Hà nội thôi. Bởi đó ổng bán nửa giá. Tên bộ đội tin liền. Vì nghe có nửa giá, hắn ta mua không cần suy nghĩ. Trước khi đi hắn còn nói: "Tớ mua cái đài này mang về Hà nội biếu ông thủ trưởng. Nếu không bắt được đài Hà nội cậu phải tranh thủ mà hoàn lại tiền cho tớ đấy nhé!". Đó, má coi, có phải nó ngu hay không? Còn có thằng cha bộ đội khác nữa. Nó mua sầu riêng về nhà rồi lấy dao gọt láng mấy cái gai nhọn ở bên ngoài. Nó gọt như gọt khóm, gọt thơm vậy. Rồi nó chẻ ra, đưa lên mũi hửi mấy cái, rồi đem liệng trái sầu riêng vô thùng rác. Nó chửi um sùm: "Địt mẹ! Cái dân miền Nam thật là thứ mất dậy! Chúng nó dám gạt ông. Bên ngoài chúng nó xoa dầu thơm, nhưng bên trong thì thum thủm như cứt nợn". Đó má coi, tụi nó khôn ở chỗ nào?

Mẹ tôi nghe xong, cười lăn ra. Cười đã rồi bà nghiêm giọng bảo:

– Thôi, con muốn mua bán gì thì cứ đi mua bán thử. Nếu không được thì bán trà đá tiếp. Đâu có sao!

Nói xong mẹ tôi móc túi đưa cho tôi năm tờ giấy một đồng. Tôi mừng quýnh, nhảy lên ôm mẹ hôn vào má thật mạnh, bỏ tiền vào túi áo cài cây kim tây cẩn thận. Tôi hát bài *"Giải phóng miền Nam"* nho nhỏ:

"Giải phóng về đây, bao nhiêu đồ quý bán hết. Một máy cát sét đem ra chợ cũ bán hết. Ôi tivi, máy may nhà mình xài tám, chín đời đem bán cho bộ đội kiếm lời. Đây tivi, quạt máy xin mời anh mua vô. Thúc giục đoàn ta xung phong đi kiếm lời. Chia xớt nhau năm, bảy, tám, chín ngàn.

Vùng lên nhân dân miền Nam hết tiền. Vùng lên nhân dân miền Nam hết tiền. Thề bán lấy cái nhà, rồi bán lấy cái mùng, rồi chun xuống cống mà sống. Vùng lên...".

Tôi nhảy vào lãnh vực chợ trời từ đó. Tôi lăn lộn từ đầu chợ cho tới cuối chợ. Với số vốn năm đồng, tôi mua lại những thứ lặt vặt với giá rẻ rồi bán giá cao cho mấy tên bộ đội. Càng đi sâu vào chuyện buôn bán, tôi càng thấy cái văn minh của cán bộ miền Bắc. Nhiều lần tôi tự hỏi: "Tại sao mấy thằng cha này lại chiếm được miền Nam?". Và cũng nhờ bọn "thằng Mường ra tỉnh" ấy nên tôi có đồng vô đồng ra không mấy khó. Từ số vốn năm đồng tôi tạo được gấp hai mươi lần. Mẹ cha tôi mừng vui khôn xiết. Có vốn lớn, tôi đề nghị với mẹ lập ra cái sạp để buôn bán trước cửa nhà. Vừa đỡ khổ cực, chạy rong ngoài đường, vừa có mẹ chăm nom phụ. Mẹ tôi tán thành, cha tôi lấy ván gỗ đóng cho tôi cái sạp vừa đủ để mấy cái tivi và những đồ vặt vãnh. Gian hàng tôi ngày càng xôm tụ. Vài cái tivi nho nhỏ, một nồi cơm điện cộng với ly, chén đủ màu, đủ kiểu. Cán bộ, bộ đội ra vào tới tấp. Tivi nào tôi bán cũng được giá. Bật tivi lên, lúc chưa có chương trình, chỉ có những chấm chấm đen hiện lên màn ảnh. Tôi nói:

– Nè chú coi! Tivi tốt hết sức. Lăng quăng lội cả bầy!

Tên cán bộ môi thâm, mặt tái trầm trồ:

– Ừ, tốt nhỉ! Năng quăng nội cả bầy như cá nội ở ao chuôm. Tớ mua cái này!

Còn như tivi không có những chấm đen. Tôi nói:

– Nè chú coi! Tivi tốt hết sức. Không có con lăng quăng nào!

Tên cán bộ khác đưa hàm răng như bàn nạo dừa ra cười, mắt long lanh:

– Ừ, tốt thật đấy. Không có một con năng quăng nào mà chỉ có một

màu tối đen thăm thẳm như cái hầm trốn máy bay Mỹ Ngụy. Tớ nấy cái này!

Khi mẹ tôi ra sạp bán hàng thì cha tôi vẫn miệt mài ngồi vấn thuốc. Thuốc hút của ông vấn khéo không thua thuốc điếu Bastos, điếu thuốc Mélia thuở trước, hai đầu tròn bằng nhau. Và ông làm việc có khi quá nửa khuya. Nhưng có lần, giữa đêm khuya tôi bắt gặp ông ngồi hý hoáy viết bên ngọn đèn dầu leo lét. Bóng ông in trên tường ngả nghiêng, lung linh mờ ảo. Ông không mua nổi một cây viết Bic, phải viết bằng ngòi viết lá tre chấm vào hũ mực tím, y như một cậu học trò trường tiểu học. Ông viết miên man, viết say sưa. Tôi đoán ông không viết thư cho ai hết. Có thể là ông làm thơ hoặc viết văn gì đó.

Quả vậy, ông thường lén lút làm thơ, viết tùy bút. Ông bị cấm hành nghề viết lách nên ông bứt rứt, phải chọn lúc canh tàn khắc lụn để sáng tác, để tự mình thưởng thức của mình, dù không hy vọng được đăng báo xuất bản trong cái xã hội chủ nghĩa này. Ông viết để trang trải lòng mình, để tưởng mình đang quay về với thuở vàng son văn nghệ. Nghiệp dĩ văn chương đã ràng buộc ông, thấm nhập vào tâm hồn ông mất rồi. Ông viết để phá hủy cái vỏ chai cứng bọc bên ngoài. Tôi biết rất rõ tâm trạng của cha tôi, nhưng tôi chỉ biết nhìn và thấy đau nhói tận tim gan.

Mẹ tôi dù không hiểu nhiều về văn nghệ, văn gừng, nhưng mẹ rất quý trọng các tác phẩm của cha tôi. Mẹ đời nào đem những ấn bản quý của cha tôi nộp cho ủy ban thông tin phường? Mẹ tìm cách giấu chui, giấu nhủi chúng. Và cũng đợi đêm hôm khuya khoắt, trong lúc cha đưa đẩy ngòi viết lá tre chạy rào rào trên mặt giấy ố vàng thì mẹ lôi ra từng cuốn sách đóng bìa da, chữ mạ vàng, bảo tôi:

– Con coi nè, mấy ấn bản quý mà nhà xuất bản dành cho tác giả thiệt là sang bằng giấy buvard, tức là giấy chặm mực của học trò, vừa mềm, vừa xốp, vừa nhẹ, thấm mực rất đều.

Giấy buvard màu xanh da trời, màu hường lợt đẹp quá là đẹp. Tôi lật từng tờ, gượng nhẹ. Cha tôi nhấm vào quần chúng mà viết sách, gợi niềm tin yêu, chuyện nhơn nghĩa cho người đọc. Vào hai thập niên 60 – 70 sách ông bán chạy. Có vài soạn giả thoại kịch, soạn giả cải lương phỏng theo tác phẩm của ông để làm thành kịch trình diễn trên sân khấu.

Khi tôi ngừng lật, ngước lên thì bắt gặp mắt mẹ ướt đẫm nước mắt.

Tất cả những tác phẩm của cha tôi, tôi đọc không sót một cuốn nào. Tôi bỗng mơ ước trở thành văn sĩ và sống chết với ngòi bút. Và tác phẩm của tôi cũng được đóng bìa cứng và bằng giấy buvard màu hường lợt hoặc

màu xanh da trời.

*

Một người thanh niên tuổi trạc đôi mươi đưa cho tôi một cái lồng nhỏ bằng nắm tay, được tô son thiếp vàng, bên trong có đựng một con chim giả nhỏ cỡ ngón tay út bằng nhung đỏ. Anh hất hàm hỏi lớn:

– Em muốn mua cái này không?

Tôi cầm lấy chiếc lồng, đưa lên xăm xoi:

– Con chim này có cái gì lạ không anh?

Người thanh niên cười đáp:

– Con chim thời tiết!

Tôi chau mày nhìn người thanh niên hỏi bằng giọng thích thú:

– Con chim thời tiết. Tên hay quá hén?

Anh ta gật đầu:

– Đúng. Con chim thời tiết. Hễ trời sắp mưa thì chim đổi sang màu hường. Trời nắng thì nó màu đỏ.

Tôi nhìn chuồng chim, giọng ngạc nhiên:

– Thiệt vậy sao anh?

Anh thanh niên chỉ tay lên trời nói:

– Thì giờ đây trời đang nắng nên nó đỏ lòm đó. Còn nếu hết nắng, trời kéo mây đen thì nó hường liền. Hổng tin, em đem vô bóng mát thì sẽ thấy.

Tôi tò mò đem lồng chim để vào bóng mát để thử lời nói của anh là thực hay là giả. Quả thiệt, con chim đang màu đỏ chuyển sang màu hường. Tôi la lớn:

– Chà! Ngộ thiệt ta! Bao nhiêu vậy anh?

Anh ta đưa năm ngón tay lên trước mặt:

– Năm đồng!

Tôi chề môi, đưa ba ngón tay:

– Năm đồng mắc quá! Ba đồng đi!

Anh thanh niên lắc đầu cười mỉm:

– Đâu có được! Đồ này từ Pháp nhập cảng vào tốt lắm. Kẹt tiền tui mới bán để mua gạo. Chớ cái này tui quý lắm đó. Tui chắc giá là năm đồng.

– Không bớt cắc nào sao?

– Tui chắc giá năm đồng. Chú em mà mua con chim thời tiết này thì rất có lợi cho việc mua bán chợ trời. Hễ khi thấy con chim đổi màu hường, chú em biết mà dọn đồ vô nhà, tránh được trời mưa.

Tôi suy nghĩ, rồi móc túi đưa cho anh ta năm tờ giấy một đồng. Anh ta cầm lấy cám ơn rồi buồn bã đi lẫn vào đám đông mất hút. Tôi cầm con chim thời tiết ngắm nghía, thích thú.

Từ ngày mua được con chim thời tiết, dân bán chợ trời đã thoát được cái cảnh trời mưa bất thường. Tôi thường lấy bài "Tương Tư" của Nguyễn Bính mà cảm đề như thế này:

Chợ trời buôn bắc, bán đông
Một người ngồi bán ngồi trông mọi người
Nắng mưa là bệnh của trời
Con chim thời tiết biết trời nắng mưa

Cứ hễ con chim đổi màu hường, tôi tức tốc chạy ra khỏi gian hàng la lớn:

– Trời sắp mưa bà con ơi! Con chim đổi màu hường rồi!

Tiếng của tôi vừa dứt. Tức thì người ta lấy ni lông vừa đậy đồ vừa chuyền miệng nhau:

– Màu hường rồi!

– Trời sắp mưa!

– Đậy đồ lẹ lên!

Cứ như vậy tin truyền dẫn cho tới cuối chợ. Mọi người vừa đậy đồ xong thì mưa đổ xuống như trút nước. Mưa Sài gòn đổ cũng mau mà tạnh cũng lẹ. Mưa vừa dứt thì nắng trở lại. Người ta bắt đầu hỏi xôn xao:

– Sao? Đỏ chưa?

– Dọn đồ ra được chưa?

– Màu gì rồi?

Chỉ cần tôi chạy ra đường hét lớn:

– Đỏ rồi bà con ơi! Dọn đồ ra đi!

Dứt lời, những tấm ny lông đủ màu được giở lên tuần tự, giống như những con sóng kéo mù khơi. Mọi người trong chợ đều tin tưởng tuyệt đối nơi con chim thời tiết. Họ đã trút được gánh nặng *"Nắng mưa là bệnh của trời"*. Họ cho đó là một sự *"đổi đời"*. Mọi người yên tâm buôn bán và lâu lâu nhìn trời rồi nhìn tôi hỏi:

– Sao? Hường hay đỏ vậy em?

*

... Thời gian thấm thoát trôi qua. Cha mẹ tôi nghĩ tới tương lai của thằng con trai duy nhất. Thế là gia đình tôi từ giã chợ trời, từ giã Việt nam. Trước khi đi tôi bàn giao con chim thời tiết lại cho một người bạn

bán chợ trời sát bên nhà. Tôi chỉ nói gia đình tôi phải về quê, vùng Cần Giuộc sinh sống. Vĩnh biệt chợ trời! Vĩnh biệt quê hương! Vĩnh biệt con chim lạ lùng!

Qua tới đảo, trong lúc chờ đợi đi định cư đệ tam quốc gia. Tôi liên lạc thường với người bạn hàng giữ con chim thời tiết. Anh ta biết tôi đã thoát được Việt nam khốn khổ nên viết thư chúc mừng tôi và không quên nhắc chuyện con chim thời tiết. Con chim thời tiết vẫn là ân nhân của mọi người.

Bỗng một ngày nọ, tôi nhận được thư anh ta:

"... Con chim thời tiết đã không còn linh như trước nữa. Nắng hay mưa gì nó cũng là màu đỏ. Báo hại mọi người đều tin tưởng nó nên không biết trời mưa để dọn dẹp đồ đạc. Thế là mưa trút xuống bất tử làm cho mọi người, ai nấy đều bị ướt một số mặt hàng...".

Tôi gấp thư nhìn trời, lòng buồn rười rượi, lẩm bẩm:

– Tội nghiệp!

*

Tuy rằng vận sự này đã qua rồi. Năm sáu năm sau, tôi ngồi nhớ lại mà tâm hồn vẫn bị khuấy động. Những hình ảnh ngày xa xưa vẫn còn chập chờn hiện trên tấm màn ký ức tôi. Tôi vẫn thường vô những tiệm trang trí nhà cửa ở Paris để tìm gặp những con chim thời tiết chưng bày trong cửa hàng, để hoài niệm lại những ngày xưa khốn khổ. Ở bên này, những con chim thời tiết chỉ là vật vô tri vô giác làm đồ trang trí trong nhà. Nhưng nếu đem chúng về Việt nam thì sẽ rất thực dụng cho cuộc sống bôn ba hằng ngày của những người bán chợ trời. Nhưng cũng vì tin tưởng con chim thời tiết mà người ta đã bị lầm lỡ. Người ta bị lầm lỡ vì nguyên thủy của con chim thời tiết là màu đỏ. Màu đỏ, màu chủ nghĩa của bọn Cộng sản luôn luôn là Cộng sản. Và mãi mãi là Cộng sản. Đỏ chán đổi thành hường, rồi rốt cuộc cũng trở về đỏ.

Cha tôi thường nói:

– Mọi người đều tin nơi con chim thời tiết nên mới ra nông nỗi. Giống như bây giờ Cộng sản đang đổi màu hường để sửa sai, đổi đời. Ai mà nhẹ dạ tin tưởng thì cũng có ngày hối hận không kịp. Người bán ở chợ tin con chim thời tiết, họ chỉ bị ướt đồ. Còn ai mà tin Cộng sản thì có ngày mất mạng. Kinh nghiệm năm 54, năm 75 đã quá nhiều rồi!

Sĩ Liêm

Triều Hoa Đại

CÕI TRĂNG XA

Trăng em tự cõi xa
Ta làm sao dám tới
Ôi mỗi ngày mỗi nói
Tự tình si muôn đời

Thế là ta lên đồi
Một bữa kia mệt mỏi
Ca hát bài rong chơi

Trên đồi cao gió thổi
Phơ phất cuộc tình người
Ban một vài hạnh phúc
Thương nhớ đến tàn hơi

Ngồi dựa gốc cây già
Ta ca bài ca xưa
Nge như lòng đã mỏi
Chợt thấy mình bơ vơ

Trân đồi cao nhớ ai?
Mà nghe trăng thở dài
HUỆ hồng muôn thuở trước
Em làm sao hiểu được.

CÓ KẺ CHỢT BUỒN

Tình cờ ta lại gặp ta
Neo thuyền đỗ bến, trăng tà huy nao
Dẫu xưa nhạn lạc vườn đào
Thì thôi, thôi nhé em vào động hoa

Sau xưa dưới mái hiên nhà
Có con chim hát khúc ca ngại ngùng
Hỏi ra mới biết rằng không
Vườn ai lại nở một bông cúc vàng

Dẫu xưa cầu trúc em sang
Neo thuyền sẵn buộc, trăng tàng ngả say
Gót hờ tình lại gặp đây
Ừ thôi mai đã nhớ ngày lệ hoen

Hôm kia có kẻ chợt buồn
Nay thì có kẻ lên nguồn hát ca
Dù cho tóc đã chia bờ
Cũng đành lòng để những hờ bước chim

Xuân sau ta mãi đi tìm
Ngắt cành hoa nở trên triền núi xa
Chuông ngân thoáng bóng trăng tà
Mai kia, mốt nọ hóa là thiêu thân

Triều Hoa Đại

Hoàng Xuân Sơn

THIÊN HƯƠNG

Tặng bạn hữu đến tao ngộ văn bút

Cũng thành sầu chất ngất
Những cuộc rượu trần gian
Đắng nào riêng thủy mật
Hạnh cất giữa non ngàn

Giữa trùng vây bằng hữu
Cười vang chốn nghĩa đường
Thế nhân đầy lưng rượu
Say khướt Hoàng nê cương

Cho đường thanh bay vút
Đôi cánh rộng hoang đàng
Trăm năm dây huyền lục
Cớ chi lạnh mình đàn

Trong vòng tròn tâm điểm
Ngàn ngàn mắt bão rung
Có muôn phần hiện diện
Có một lần chơi ngông

Ôm triều hoa nguyệt quế
Uống lụy niềm khổ đau
Đêm vẫn dài. Như thế!
Dũng sĩ, mai về đâu?
Hoàng Xuân Sơn

1.10.1989

Thường Quán

ĐÊM SEN

Còn lại giữa hồ không xanh
một cánh sen khuỵu ngực nám cuống
dấu búp lạc ngoài bờ tháng năm
nước cạn màu khuya nến chảy
loang lổ bờ tường ám khói
vỡ trăng rằm khua mảnh âm thanh
rụng nghiêng ngả tàn cây trên mái
đỏ hồng những góc nhà ga
sương đổ trầm trầm ướt đục
vuông chiếu nằm thân đàn ốm ngón tay cong
phím quá khứ không dám mó đụng
con tàu khuya vươn cổ rúc hồi còi tảng sáng
ngoài khơi rực cháy lưới mắt đèn
giục giã giờ đi gõ vào gáy
cánh chim đập cánh rớt vào mông muội
nhịp chõi va thềm biệt ly
xin người đừng ngó vào mắt
đêm không còn hồ không xanh
trong cuống gãy là rỗng linh hồn
mòn sớ cổ sương bám
chờ nắng lên tan vào trời rung.

Thường Quán

Nguyễn Việt Thường
Madison 1989

BÀI CA CỦA NGƯỜI CÓ ĐÔI MẮT CHIM SÂU

Không phải anh đang nghe một bài ca
Cũng không phải anh viết thành bài ca ấy
Anh đâu để tâm vào những gã người hay lẫy
Chỉ là anh tự ca tụng chính mình
Những quyển sách nào đã đến với đời anh
Phải chăng chỉ đựng toàn tiếng kêu than nhân loại
Và phải chăng là những lời bùa ngải
Đầu độc chính anh về những sự việc không có thật bao giờ
Anh đã viết bằng ngòi bút ước mơ
Anh đã không dại, không khôn đi khẳng định
Những điều mình tưởng tượng ra là điều liêm chính
Rằng, hát đi, về niềm tin còn lại nhỏ nhoi
Như đứa trẻ thơ, có đôi mắt chim, cầm chiếc vỏ đạn xăm soi
Nó đâu biết gì, đã xảy ra trong chấm đầu đã mất.
Như anh đã hát suốt ngày bằng những trang đầy mực
Hào hứng tìm con đường có chất sống nhiệm mầu
Những đứa trẻ thơ, có đôi mắt chim sâu
Đứng giữa hai vòm cầu băng ngang qua sa mạc
Đâu hiểu chút nào về những miền khao khát
Mà anh đã hát bằng dòng mực chảy thâu đêm.
Mực chảy tràn qua những cảnh rừng thiêng
Qua làng mạc bị bỏ quên qua những đồng lúc cháy
Mực thay anh rêu rao bài khẳng khái
Đ từ đây, bầu trời sa mạc rộng thêm ra
Như đứa trẻ thơ có đôi mắt chim, anh cúi mặt khóc òa
thì ra
Tác phẩm của mình đâu ở đâu xa
Chỉ là nước mắt
Và hễ ai ở trong đời có nhiều lần khóc ngất
sẽ tự động cầm bút lên

mà tự hát lấy bài mình
Những bài ca ngân lên bằng sự lặng thinh
Của vô số những nguồn đời đã từng tan
và từng kết tụ
Vẫn có ngân hoài những lời hiểu dụ
Hát bằng tim mình, người thi sĩ,
có đôi mắt chim sâu

Nguyễn Việt Thường

Nguyễn Tôn Nhan

THÈM XƯA

Rơi đi, mảnh trăng xưa đầu núi
Kêu thương chim chóc ở đâu xa
Chút gì khói sương sao tàn vội
Mong manh cành nhánh trước hiên nhà

Lặng im, những hồn ai ngoài ấy
Bến sông, nghe gẫy một giây cầm
Rượu rót, nữa say men đã dậy
Ca cuồng, không áp nổi sầu cân

Rơi rồi, mảnh trăng thơ dại cũ
Gẫy rồi giây nguyệt, bốn sông lưa
Bốc lên, mùi tanh tao cỏ mộ
Chôn đi chưa hết những thèm xưa

Nguyễn Tôn Nhan

Võ Đình

CÁI NÉT BẤT THƯỜNG TRONG TRUYỆN VÕ PHIẾN

(Nhân đọc *Truyện Ngắn I* và *II* của Võ Phiến)

Tháng Ba 1988, tạp chí *Làng Văn* ở Gia nã đại có làm một số đặc biệt về Võ Phiến. Đó là một số báo đẹp. Tuy nhiên, bài vở đóng góp không lấy làm đồ sộ lắm. Điều này dễ hiểu. Mặc dù bạn đọc Võ Phiến thì nhiều, người yêu văn Võ Phiến cũng không ít, hoàn cảnh người Việt cầm bút tứ tán khắp năm châu cộng thêm khuôn khổ hạn hẹp của một tạp chí dưới 100 trang giấy không cho phép một cuộc gặp gỡ rộng rãi hơn. Có bài của Hồ Trường An Đào Huy Đán, của Nguyễn Mộng Giác, Thế Uyên, Nguyễn Hữu Nghĩa, Thế Giang, Ngô Nguyên Dũng. Có một bài thơ, *Trai Bình Định, Gái Phú Yên* thật dễ thương của Phan Ni Tấn. Chúng tôi cũng có gửi đăng một bài, *Sao Có Tiếng Sóng Ở Võ Phiến*. Bài đó, xin nhắc lại vài dòng để câu chuyện sau đây được mạch lạc hơn. Bài viết bắt đầu như thế này:

"Nhân đọc "Truyện Ngắn I của võ Phiến nhà Văn Nghệ phát hành đầu năm 1987, nhà thơ Đỗ Quý Toàn có nhận xét trong *Làng Văn* (số 36, 8 – 1987): *Ba chục năm sau ở Bắc Mỹ, đọc lại những truyện ngắn của Võ Phiến mới có được một nhận xét đứng đắn. Đó là những tác phẩm vượt thời gian và không gian.* Là một người yêu đọc Võ Phiến, tôi đồng ý với thi sĩ họ Đỗ, và tôi sung sướng ông đã nêu lên điều đó giùm tôi. Tuy nhiên, nếu có chẻ sợi tóc làm tư cho vui làng vui xóm, thì tôi phải nói thêm rằng tôi đồng ý với Đỗ Quý Toàn nhưng tôi không nhất thiết phải hoàn toàn thỏa thích với lý do ông nêu ra tại sao những tác phẩm đó vượt thời gian và không gian". Nói vậy chẳng qua chỉ vì muốn dựa vào ông Đỗ để lấy đà mà nói chuyện khác. Bàn về một nghệ sĩ có chân tài và tầm vóc chắc chắn là không thiếu gì chuyện đáng nói. Một nghệ sĩ tài ba phong phú, cũng như ông... voi trong kinh Phật. Độc giả dù có tinh mấy đi nữa cũng phải ở cái thế bất lợi của một kẻ sờ voi. Chúng ta đọc một tác giả, chúng ta "bắt" được tác giả ở chỗ nào thì chúng ta "khoái", chúng ta "chịu" tác giả ở chỗ đó. Đọc văn hay, thấy khoái ở nhiều cách khác nhau. Khi thì khoái vì cái này. Khi lại khoái vì cái kia. Đọc văn hay, cái khoái thật bất tận. Chẳng thế mà cổ nhân có câu "Thư trung hữu mỹ nhân"!

Vì vậy cho nên trong bài viết về Võ Phiến cho số đặc biệt đó, trước

khi nói chuyện nghiêm chỉnh, tôi cứ nhẩn nha thủ thỉ với bạn đọc cái đã: "...tôi thích đọc ông không phải chỉ vì văn ông, văn tả tình tả ý, cũng như văn tả cảnh tả người, điêu luyện và độc đáo ở một mức thật cao từ khi ông mới ngoài ba mươi. Không phải chỉ vì trong cách viết ông có cái biệt tài rình mò âm thầm mà tinh nhạy của một con rắn đang săn mồi. Hay cái nâng niu dè dặt mà chính xác của một người thợ ngọc. Tôi thích đọc ông cũng không phải chỉ vì cái thiết tha rất thú vị của ông đối với *đất nước quê hương* nói chung, đối với Bình định, với làng xóm, với cái *bánh tráng*, với *hạt bọt trà*, với *những đám khói*, những *đêm trăng* nói riêng (những chữ nhấn mạnh là nhan đề những tác phẩm của Võ Phiến – VĐ). Chi li tỉ mỉ, cái đó thật quý, nhưng không quá hiếm. Cảm hoài thương tiếc, kẻ ít người nhiều ai cũng có kinh nghiệm. Võ Phiến rất đặc sắc ở những điểm đó. Nhưng không phải vì thế mà tôi yêu đọc ông. Tôi đọc ông, hơn hết, vì ông là người đào được thật sâu và biết thật kỹ về ý nghĩa của sự mất mát. (...). "Do đó, tôi muốn để dành Võ Phiến" (...) "cho mọi người" (...). Tôi chỉ xin được chiếm lấy một Võ Phiến cho riêng tôi (?), một phần của Võ Phiến mà thôi, chỉ những *ảo ảnh* mà thôi, những ảo ảnh rất "tầm thường".

Chọn lựa giới hạn như vậy có thể được coi như là một sự khéo léo. Thật ra, với tôi, đó là một nỗi bận tâm. Bận tâm vì thấy mình là một kẻ vị kỷ: Tôi nói về những ảo ảnh, về sự mất mát, vì đó là khía cạnh ở văn chương Võ Phiến (trong những khía cạnh mà tôi khoái nhất) cho phép tôi nói đến chính mình. Vẫn bận tâm mặc dù tôi đã thành thật thú nhận rằng những nhận xét của tôi về Võ Phiến "có liên quan mật thiết với kinh nghiệm bản thân" tôi, và "đương nhiên mang tính cách tâm sự, chủ quan. Tháng Ba 1988, tôi đã chọn lựa *chưa* nói về một bình diện khác của Võ Phiến mà tôi vẫn nghĩ rằng còn sâu sắc hơn, quan trọng hơn, "vượt thời gian và không gian" hơn. Tháng Bảy 1989 vừa qua, hơn hai năm sau *Truyện Ngắn I*, nhà Văn Nghệ cho ra đời *Truyện Ngắn II* của Võ Phiến. Bây giờ là lúc tôi phải bồi đắp vào chỗ thiếu sót đó.

*

Một người cầm bút viết văn thường xuyên băn khoăn bứt rứt về sự đổi thay, trăn qua trở lại trong một nỗi bất an liên tục về lẽ mất còn như Võ Phiến mà lại không phải là một người đem dồn hết tài sức của mình để khám phá cho ra trong văn chương sáng tác một thế giới bền vững và mạch lạc. Như một phương cách chữa chạy, tự trấn an. Võ Phiến đã không làm thế. Từ những *Mưa Đêm Cuối Năm*, *Thác Đổ Sau Nhà*

(Truyện Nguấn I), *Đêm Xuân Trăng Sáng, Thương Hoài Ngàn Năm, Tuổi Thơ Đã Mất* (Truyện Ngắn II) của những năm 50, cho đến *Chim Và Rắn, Đêm Trăng* (Truyện Ngắn I) hay *Lẽ Sống, Yêu Đương* (Truyện Ngắn II) của những năm 60 và 70, Võ Phiến, tôi nghĩ, đã luẩn quẩn loanh quanh, đã chơi một thứ trò hú tìm với một nỗi ám ảnh dai dẳng. Nỗi ám ảnh này không những bàng bạc khắp hầu hết các truyện ngắn của ông mà còn vất vưởng khi tỏ khi mờ trong các tập đoản văn *Thư Nhà* (1962), *Ảo Ảnh* (1967), *Phù Thế* (1969) (một số bài trong những tập này được in lại trong *Tùy Bút II* Văn Nghệ (1987). Trong cả cuốn truyện dài *Đàn Ông* (được in lại trong *Tiểu Thuyết II*, Văn Nghệ 1988), và những truyện mới viết sau này như *Mười Giờ* (1987) và *Khách Xá Qui Tâm* (1988). Sau nỗi ám ảnh nhẹ nhàng mà sâu kín, mơ hồ mà kinh đảm, đọc phớt qua thì chẳng thấy có gì là ghê gớm mà nghiền ngẫm lại thì thấy thật là bi thảm. Đó là nỗi ám ảnh của cái bất thường.

Tôi nói bất thường. Hay, nếu bạn đọc thích hơn, tôi sẽ nói dị thường. Tôi không nói quái đản, hay kinh dị, hay kỳ quái, hay kỳ dị. Tôi chỉ nói đó là cái thường, bình thường, tầm thường, thông thường, nhưng rồi có khi bỗng nhiên cái thường ấy nó không thường nữa, nó trở thành bất thường, thế thôi.

Bất thường, tôi nghĩ, là một tính cách "tiêu cực". Nó không "tích cực" như, chẳng hạn, cái quái đản. Khi cái quái đản xuất hiện, ta thấy nó. Quái đản là một tự tính, nó làm cho ta kinh sợ. Ta thấy nó và ta sợ nó. Đằng này, cái bất thường, nó không xuất hiện, ta phát hiện ra nó. Và một khi phát hiện ra nó rồi, có thể ta sợ nó, mà cũng có thể ta thích nó. Cũng vì cái tính cách nhập nhằng này, cái sợ cái thích tranh tối tranh sáng này, mà có khi ta lại mê nó. Mê man, mê mẩn, mê như bị bỏ bùa. Mê như bị ám. Trong nghĩa đó Võ Phiến là một "cây bút bị ám". Bị ám bởi cái bất thường. Và chúng ta, những người yêu đọc sách, may mắn được có một "cây bút bị ám" như thế giữa chúng ta. Bởi lẽ nó quá hiếm hoi.

Văn chương từ xưa vốn nhiều cái quái đản mà không có cái bất thường. Con người vươn đầu ra ngoài cái hàng rào của xã hội nhân sinh, nhìn với qua chốn u huyền kỳ bí, óc tưởng tượng tha hồ được khích động, tha hồ thêu dệt vẽ vời nên cái kỳ quái. Những chuyện hoang đường, truyền kỳ, chí dị, đông tây kim cổ đều phong phú. Tuy nhiên, trong thế giới của tưởng tượng, của sự sùng kính thần thánh, hay sự kinh sợ quỉ ma, hay trong dụng ý về đạo đức và luân lý, cái quái đản một khi được dân

gian hóa, lại trở thành cái "thường". Mỹ nhân có đuôi là cái "thường". Hồ ly biến thành gái đẹp là "thường". *Truyền Kỳ Mạn Lục là "thường". Mãi đến thời kỳ cận và hiện đại vẫn còn yêu chuộng cái quái đản. Poe, Dostoievski, Kafka về trước, Lỗ Tấn, Zweig, Wells, Faulkner, Moravia, Kawabata, Mishima... về sau. Mặc dù mỗi người có một quan niệm sáng tác riêng, một mục tiêu văn chương riêng, họ đều có đẻ ra những nhân vật kỳ cục. Nhưng vì những nhân vật này kỳ cục một cách liên tục, cái kỳ cục của họ trở thành một thứ quái đản, nó không phải là cái bất thường. Phải quay về với những kích thước eo hẹp hơn của một con người sống trong một xã hội bình thường với những qui ước rõ rệt để thấy cái bất thường đúng nghĩa.*

Mặc dù vậy, trong một xã hội cố định và rõ nét như xã hội thôn quê Việt nam của những thập niên đầu thế kỷ, một nhân vật như Chí Phèo của Nam Cao vẫn không phải là một người *bất thường*. Chí Phèo, quá lắm là một đứa cổ quái. Trong những chuyện đường rừng, chuyện kinh dị, chuyện trinh thám huyền bí (Lan Khai, Thế Lữ...) con người vẫn chưa đóng vai chính và cái quái đản vẫn chiếm phần ưu thế. Tự Lực Văn Đoàn đi tiên phong, khai phá nhân vật, phân tách tâm lý đã nhiều, nhưng những con người trong sách Tự Lực Văn Đoàn tuy có những sắc thái dị biệt đó (trên tiêu chuẩn những năm 30, 40) vẫn là những con người bình thường. Chúng ta theo dõi nhân vật một chốc, chúng ta đã làm quen khá thân! Cái nheo mắt, cái ngoái cổ, cái nhún vai, nỗi bực dọc, sự khoan khoái, ta đoán thấy được, ta nắm bắt được, nhân vật quen thuộc quá đỗi, nhân vật không chơi trò ú tìm với ta, nhân vật không phải là kẻ *bất thường*.

Rồi đất nước chia đôi: miền Bắc loay hoay với "hiện thực tả chân xã hội", miền Nam tưng bừng với nhiều khuynh hướng mà nổi đình đám nhất là khuynh hướng làm mới. Làm mới như thế nào? Có thể làm mới – có khi chỉ là làm dáng – ở hình thức, ở bút pháp, đề tài. Có thể làm mới ở nội dung, ở tình tiết, ý tưởng. Nhưng nói chung, con người của văn chương "mới" này vẫn là những người bình thường. So với con người của văn chương trước 54, con người của văn chương mới có thể ác liệt hơn, trâng tráo hơn, dứt khoát hơn. Nhưng mới, những con người này không mới. Họ yêu thương, thù ghét, tham muốn, giận hờn không khác gì lắm những người đi trước. Cái quá quắt của họ chỉ là hậu quả của thời đại. Ở đây, có vấn đề cường độ, không có vấn đề bản chất. Nghĩa là những con người này, dù có kỳ dị mấy đi nữa vẫn là những con người bình thường, cái "thường" của những thời tao loạn. Yêu, sống, ghen, đớp, nhót, làm

tiền, làm tình, làm chính trị, làm văn nghệ, làm cái gì cũng làm quá cỡ. Con người ham đóng vai "quỉ". Ông Bồ Tùng Linh đã kể không biết bao nhiêu chuyện như vậy từ lâu rồi. Nói cách khác, chúng ta có cái quái đản, kể cả cái quái đản trong ngôn ngữ chữ nghĩa, chúng ta vẫn chưa có cái bất thường.

Cái bất thường, phải tìm đến ông Võ Phiến.

Nên nói ngay rằng văn chương Võ Phiến không phải là văn chương mới. Ông không hề ném "chất nổ", ông cũng không hề viết tiểu thuyết mới. Chính ông, trong *Văn học Miền Nam, Tổng quan*, đã tự liệt mình vào lứa cầm bút "lão". Chúng ta nhiều người bảo rằng văn Võ Phiến giản dị, sáng sủa. Quả có vậy. Nhưng đọc ông nhiều hơn, thấy cái giản dị sáng sủa đó không phải khơi khơi mà có, kiểu như văn Nguyễn Hiến Lê, hay trước nữa, văn Khái Hưng. Ông săn sóc câu văn của ông thật kỹ, ông tỉa ông tém nó thật công phu, chặt chẽ, sít sao. Văn ông tài tình, chứ mới, nó không mới.

Cái mới cũng không tìm thấy ở bối cảnh của ông: nhân vật và nơi chốn của Võ Phiến không có gì là tân kỳ, thời thượng. Không có nước hoa đắt tiền, không có xe hơi xì po, không có sàn nhảy. Chẳng có ai là sang trọng, quảng giao, lịch lãm. Lời ăn tiếng nói của họ cũng bình thường thôi. Những con người đó cũng chẳng làm cái gì động trời. Nói tóm lại, đọc Võ Phiến không thấy có cái mới, văn không mới. cảnh không mới, người không mới. Ấy vậy mà Võ Phiến, theo cái thấy của chúng tôi, là nhà văn có sức quyến rũ mãnh liệt nhất trong các nhà văn viết quốc ngữ từ xưa cho tới bây giờ. Võ Phiến là một người kiên nhẫn đãi cát tìm vàng. Và những chấm vàng li ti ông có công gạn lọc dưới lăng kính phóng đại, hiện ra thành những khuôn mặt mê hoặc của chính chúng ta...

*

Mới ngoài ba mươi, những năm giữa thập niên 50, qua những truyện ngắn của mình, Võ Phiến chứng tỏ ông đã nắm bắt được một chân lý: *cái mới lạ ở cái mới lạ không thu hút bằng cái mới lạ ở cái quen thuộc.* Phải chăng cái mới lạ ở cái mới lạ còn đang là, mới chỉ là... cái mới lạ, trong khi *cái mới lạ ở cái quen thuộc chính thị là cái bất thường?* Ta có thói quen xem cái quen thuộc như là tầm thường, thông thường, bình thường. Và như cái quái đản xuất hiện như một mới lạ có khi kinh hoàng có khi hấp dẫn, cái bất thường một khi được ta phát hiện từ cái bình thường lại mằn mò lén lút đột nhập vào ta, khêu gợi ta, kích thích ta, trực diện với ta, làm cho ta điêu đứng đủ điều. Khoan nói đến con người với tâm lý phức tạp

quanh co, cứ hãy nhìn xem một thực tại bên ngoài, một ngoại cảnh nhận thức bởi nhãn quan. Trời có khi xanh khi xám, mây có khi trắng khi đen. Vậy mà con mắt Võ Phiến thấy được cái bất thường hiếm có ai thấy được. Không cần đi tìm đâu xa xôi, cứ giở lại *Truyện Ngắn I*, truyện ngắn đầu, *Về Một Xóm Quê* (1957):

Tôi đứng cách xa mười đám ruộng trông vào xóm tôi trong buổi chiều vắng vẻ. Ở phương tây có một đám mây đậm màu lặng lẽ nhìn một đám mây đậm màu lặng lẽ ở phương đông. Cuối xóm, lại một đám mây đỏ bầm đứng im lặng bên cạnh dăm cái tàu dừa cũng im lặng, không phe phẩy một lá nhỏ. Hai bên định đương đầu nhau hằng giờ. Nhưng rồi đám mây buồn bã xịu màu xuống, tái dợt dần, chuyển ra xanh lạt, rồi xanh đậm. Trên đầu dãy núi tím, mây vẩy tê tê, màu xám. Dần dần bao nhiêu vẩy tê tê đều hóa ra lông chim phơi phới, mà trở màu thẫm đen...

Đọc lướt qua thì thấy rằng tác giả đã nhân cách hóa những đám mây. Sự thật không chỉ có thế. Những đám mây, tự chúng nó có một hiện hữu độc lập. Chúng biến hóa một cách thản nhiên, chúng coi thường chúng ta, chúng đe dọa chúng ta. Chúng bất thường. Như trận mưa trên mái trong *Dung* (1956).

Sau lưng anh, qua khung cửa sổ, ánh trăng sáng vằng vặc, trời cao vòi vọi. Ngoài vườn gió im phăng phắc, mỗi cành cây ngọn cỏ đều có cái bóng sắc và đen dưới nền đất ướt. Trời bỗng tối lại, có tiếng mưa rào rào trên mái rồi vụt dứt ngang như con bọ đang bay vụt gãy cánh rơi xuống.

Đám mây đỏ bầm, đám mây buồn bã, dãy núi tím, mây vẩy tê tê... đó là những hình ảnh tương đối đơn giản. Hãy đọc lại một đoạn trong *Một Chỗ Thật Tịch Mịch* (1969). Cả một bức tranh phức tạp mà mỗi nét là một bất ngờ, nhìn vào mà ngơ ngác, ngẩn ngơ:

Xế trưa, thơ thẩn trên đồi, chàng trông xuống thấy dừa với tre trong xóm xanh um, nổi bồng lên cuồn cuộn như từng đám rong lớn trong hồ nước. (...). Một đôi khi mắt chàng bắt gặp một bóng người ngoài đồng, trên một con đường bờ ruộng ngoằn ngoèo nhỏ xíu. Một dáng người tí teo ngọ nguậy trong nắng xế bao la. Một chiếc nón trắng lấp lánh giữa đồng trống, tận tít xa... Chiếc nón lấp lánh, di động chậm chạp, trong lúc con ó rắn giang đôi cánh xác xơ giữa nền trời, trong lúc con cuốc phát tiếng kêu đều đều trong nắng rưng rưng...

Một khung cảnh như thế tiềm tàng một ma lực kỳ bí, khiến cho "*Giữa tiếng muỗi vo ve những khi thức giấc nửa đêm, từ trong cùng thẳm của tâm hồn chàng nổi lên tiếng kêu đều đều, tiếng kêu giòng giả, khắc khoải như*

tiếng cuốc trong nắng đậm xế chiều, tiếng đỗ quyên tiếc nhớ tiền triều". Từ *Về Một Xóm Quê* (1957), *Dung* (1956), qua *Một Chỗ Thật Tịch Mịch* (1969) cho đến *Mười Giờ* (1987), ba mươi năm trôi qua, trời đất vẫn không tha Võ Phiến, vẫn dằn vặt ông, ông vẫn khắc khoải với cái bất thường:

Mười giờ, ngoài trời có gì vậy? Thì trời xanh vậy thôi. Thì mây trắng tơ tướt ngang trời vậy thôi. Nhưng trời xanh thao thiết mênh mông vào lúc mười giờ, tưởng chừng nó có cái hấp lực bật dậy những thây ma. Những xác chết nhập tràng chồm lên dưới một tác động ma quái.

Ma quái chứ. Mở cửa ra, vẫn chỉ có trời xanh, có cây xanh, có ánh sáng nhấp nháy trên lá xanh, mọi sự y nhiên, như xế hôm qua, như trưa hôm trước, như sáng hôm kia, như một ngày năm ngoái, năm kia... Nhưng mà không! Mười giờ hôm nay, vào giờ phút này, tưởng chừng nó đập gõ khua ầm lên trước cửa mình vậy.

Đám mây trong *Về Một Xóm Quê*, trận mưa trong *Dung*, tiếng cuốc kêu trong *Một Chỗ Thật Tịch Mịch* là ngoại cảnh ở Việt nam. Trời mây cây cỏ trong *Mười Giờ* là ngoại cảnh ở California, ba mươi năm sau. Vậy mà thực tại bên ngoài vẫn như nhau: nó vừa thu hút, nó vừa đe dọa, bởi vì chăng nó cận kề thân thiết mà nó lại bất thường. Cái bất thường của trời đất cỏ cây mà còn như vậy, huống hồ cái bất thường của hoàn cảnh và tâm tư con người.

Vâng, chúng tôi biết, nói đến cái bất thường trong truyện Võ Phiến, thế nào bạn đọc cũng nghĩ ngay đến những ông tú Từ Lâm, Học Thạch, Bốn Tản... và nhất là anh Bốn Thôi. Họ không quái đản như những nhân vật, những hiện tượng trong *Đêm Xuân Trăng Sáng* (1956), *Anh Em* (1957), *Đến Khi Ma Chết* (?), *Tuổi Thơ Đã Mất* (1957). Họ là những nhân vật rõ nét, cái lối ăn mặc, cách nói dáng đi của họ được tác giả mô tả kỹ càng. Từ Thọ của *Thác Đổ Sau Nhà* (1957) cho đến ông Triêm của *Nguyên Vẹn* (1978), không thiếu những con người độc đáo. Tuy nhiên, những nhân vật vừa nêu danh ở trên, những con người có thể được coi như đã tạo nên ấn tượng rõ rệt nhất về tác phẩm Võ Phiến này, theo thiển ý, vẫn là những con người *kỳ cục*, không phải những con người bất thường. Cái kỳ cục của họ có tính cách nhất quán. Họ mang cái diện mạo đặc thù đó từ đầu truyện đến cuối truyện. Đứng về mặt tâm lý, dĩ nhiên những diện mạo đó kích thích sự tò mò của chúng ta hơn là những nhân vật thật tình quái đản. Tôi khoái ông Bái Công, ông Bốn Tản hơn là khoái

ông Bành (trong *Tuổi Thơ Đã Mất*). Nhưng những nhân vật kỳ cục này lại không thu hút chúng ta, làm cho chúng ta thắc mắc vất vả cho bằng một số nhân vật khác, không rõ nét bằng quý ông tú Từ Lâm, Thập Nghĩa, Bốn Thôi, nhưng đông đảo có phần hơn. Những nhân vật thường là chỉ đứng vào hàng hai, những diễn viên phụ. Những người bất thường.

Những nhân vật này có vẻ như thui thủi sống cả cuộc đời một cách bình thường – dưới mắt mọi người – rồi năm thì mười họa cái bất thường ôm vồ lấy họ, ôm cứng lấy họ, họ mê man chịu trận. Rồi có khi cái bất thường bỗng thả họ ra, họ lại trở về với cái bình thường, lại thui thủi như không có gì đặc biệt xảy ra cả. Không có gì xảy ra cả ngoại trừ cái kỷ niệm bất thường đó ở lại với họ như dấu hằn sắt đỏ đóng trên lưng bò! Tôi không biết bạn đọc nghĩ sao, chứ chúng tôi đọc về những con người "đóng dấu" này, chúng tôi thiếu điều nổi da gà!

Như nhà nho nọ, đã từng hỏng một lần ở trường thi hương, đã từng vác rựa đi làm "giặc", đã từng đánh bạc lu bù, rồi ra làm hương bản, cứ như vậy trong mấy chục năm. Thế rồi *"Vào những buổi trưa vắng vẻ, tôi lúc thức ở nhà dưới, quanh quẩn chơi bên cạnh bà và má tôi, bỗng nghe ông tôi đang nằm một mình ở nhà trên, cất tiếng thét lớn: "Quan hầu nhập yết, nhập yết, ải ải... Tâm như hỏa liệt hỏa liệt! (...)". Giọng thét dồn dồn đầy nộ khí vang lên trong ngôi nhà vắng lặng, bỗng dưng phát lên rồi bỗng dưng dứt hẳn, làm cho chung quanh tưng hửng sững sờ. (...). Có khi một lát sau nghe tiếng guốc lẹp kẹp của ông tôi bước xuống. Tôi rụt rè ngửng đầu lên thì thấy nét mặt ông tôi lại bình thản, đôi khi có một vẻ lạnh tanh ngao ngán, chẳng còn đâu là dấu vết của cái nộ khí bừng lên trong giọng hát vừa rồi"*.

Như Trần Kỳ Vĩ trong *Người Tù* (1955). Như Ngọc trong *Mưa Đêm Cuối Năm* (1956). Như thằng bé Thông trong *Lỡ Làng* (1956) bắt gặp chị Lai và ông thanh tra đang âu yếm nhau *"trong buổi trưa hè rộng bát ngát giữa một thành phố ngưng hoạt động, cảm thấy uể oải buồn thiu"*. Như Thông, gã đàn ông, mười mấy năm sau: *"Thông liếc nhìn chị Lai. Bàn tay ấy vẫn đẹp, bàn tay bây giờ đang ấp lấy cái mông đít và bắp vế nõn nà của đứa con gái vài tuổi bám bên hông. Bàn tay ấy xưa kia đã úp lên miệng y những nhúm đường cát trắng, và để lại một hương thơm phảng phất, đánh thức trong lòng y những xúc động đầu tiên. Y ngập ngừng đi vào tâm sự một người con gái như đứa trẻ hé mở cánh cửa phòng và bắt gặp bên trong một bi kịch tơi bời thê thảm, khiến y hoảng hốt lùi ra, ôm đầu khóc"*.

Hải trong *Đêm Xuân Trăng Sáng* (1956) thật là một anh chàng... lắm chuyện. Lắm chuyện đến độ bất thường. Nghe mấy anh lính đọc một vài

câu phong dao tình tứ vậy mà *"lo lắng, hồi hộp, tức giận vô cớ (...) không có câu ca dao nào trực tiếp động chạm đến anh cả, nhưng anh có cảm tưởng nghe nhiều nhát gươm chém hụt lướt qua ngang đầu"*. Thảo nào về đêm anh bị mê hoặc, anh sa lầy vào thế giới ảo giác. Vợ Hải giản dị hơn: "đêm xuân trăng sáng" như vậy, chồng đi uống rượu về thao thức bứt rứt như vậy mà chị ta *"nằm ôm đứa con gái lên ba ngủ ngon lành, thở đều đều. Trông dáng bộ (...) có vẻ mê mệt li bì"*. Ấy vậy mà chính vợ Hải là người bất thường một cách thật đáng kinh ngạc, một trong những nhân vật phụ lạ lùng nhất của Võ Phiến. Hai vợ chồng Hải kể như mới vì con đang bế chỉ được mười ba tháng. Đang nói chuyện vui vẻ với nhau trên đường đi lên đồi, họ bỗng thấy ông tướng Hùng Sơn cỡi ngựa ở dưới xa. *"Vợ của Hải là một người con gái có giáo dục. Khi người ta kể chuyện tướng Hùng Sơn trước nhiều người thì nàng yên lặng tiếp tục công việc như không hề nghe đến. Khi nghe kể đến chuyện mèo mỡ trai gái của ông ta, nàng cười như chế giễu một sự lố bịch vô lý, và đỏ mặt, có khi bỏ đi chỗ khác"*. Thế mà *"Đột nhiên trưa hôm ấy, trên ngọn đồi bỗng nàng bừng lên (...). Vợ anh làm ra hồn nhiên ngây thơ như đứa trẻ đang chỉ chỏ nói cười. Hải nhìn không chớp mắt vẻ ngây thơ vờ vĩnh, và sự say sưa của vợ (...). Anh biết rằng vợ mình gần như không còn nhớ có mình bên cạnh nữa. Nàng bây giờ như một con diều giấy chấp chới trên mây cao, rất cao trong nắng và trong gió mạnh. Và Hải chỉ nắm cái chót đầu sợi dây, một sợi dây rất mảnh đang sắp sửa đứt phọt để bay theo con diều (...). Nét mặt vợ mà anh nhìn lúc ấy toàn là ánh sáng. Cặp mắt của nàng long lanh sáng rực. Những cái răng cũng lóe lên sáng (...). Khi vợ anh đã quay lại như diều hạ lúc hết gió, hai người đều cảm thấy trên tràng trong cảnh tàn cuộc. Nhưng chỉ một thoáng đỏ mặt, rồi nàng lại lanh ý nói cười to tiếng, tiếp tục vẻ ngây thơ vờ vĩnh để lấp sự trống trải"*. ... Cái say sưa, cái vờ vĩnh của cô vợ anh Hải này, trong phút chốc, trưa ấy, trên đồi nắng gió, thử hỏi nó "đốn mạt" có thua gì những luồn lách của Emma Bovary khi lén gặp Léon đâu. "Đốn mạt", nó không thua, nó lại còn "hơn" ở chỗ nó thật bất thần, nó vừa quá quắt dữ dội nó vừa phong phanh mơ hồ. Ôi, cái không ngờ của một tâm hồn bất thường!

Nói đến cô vợ của Hải trong *Đêm Xuân Trăng Sáng* chúng tôi sực nhớ lại một điều và xin được mở một cái dấu ngoặc ở đây cho mọi nghi vấn. Ông Võ Phiến đã vô tình hay hữu ý khi ông tạo nên phần đông các nhân vật kỳ cục quái dị thuộc về phái nam, và phần đông các nhân vật bất thường thuộc về phái nữ? Chúng tôi có cảm tưởng rằng ông đã hữu ý. Có lẽ vì ông cho rằng người nữ vốn có khả năng bảo vệ được sự kín đáo và

quân bình trong tâm hồn hơn người nam. Và vì vậy khi các biến cố tâm lý hay sinh lý xảy ra, chúng xảy ra một cách vô cùng đột ngột. Anh đàn ông kỳ cục, Võ Phiến cho phép họ kỳ cục đã thôi, kỳ cục suốt đời. Nhưng chị đàn bà bất thường, ông chỉ để họ bất thường như một lần chớp, lóe một cái, hoặc cháy bừng lên. Rồi có khi âm ỉ mãi. Hoặc tắt ngúm. Như cô vợ của Hải trưa hôm ấy, trên đồi nắng gió, cả người cũng như con diều, cho đến cái răng của nàng cũng lóe sáng lên. Một cách khác, vợ Trần Hùng (Thị Thành, 1956) cái cô ả có trái chân thật trắng, bỏ nhà ra đi, để lại có mấy chữ *"Chiều nay tui đi, nhà đừng tìm tui vô ích"*. Rồi lại có cái cô Hạnh thật hiền lành dễ thương trong *Anh Em* (1957), vậy mà hoàn cảnh xui khiến (hay là ma dẫn lối quỉ đưa đường?) đến phải cắn răng lấy một người chồng đáng ghét mà mình cũng không thương nổi, phải ngoại tình, bị bắt cóc, làm đĩ... bán thời gian, nói những lời dứt khoát: *"Không phải lỗi của em. Em chỉ có cách phản đối đó thôi. (...). Em liều rồi. Chỉ có cách phản đối như vậy thôi"*. Và cái con Bạch trong *Thương Hoài Ngàn Năm* (1959) nữa. Chị của Bạch là cô Hoàng *"khi trước cô gái rụt rè kính trọng người văn nhân thanh nhã, nhưng lúc người đó chỉ còn là một hình thù xấu xí bắt đầu lộ ra bản năng hung bạo, thì người con gái thô lỗ hung bạo trong cô cũng vùng dậy kháng cự"*. Cái con Bạch khỏe như trâu, bị ông Học Thạch vỗ mông đó, vậy mà đêm nằm nghe mưa lại *"có cảm tưởng càng được đưa lui tách ra ngoài cuộc sống chung lộn với kẻ khác (...). Và cuộc sống tâm tình* (của Bạch) *thức dậy như những con ốc chỉ chờ khi nào nước hết xao động mới dám dần dần hé miệng thò chân ra cử động"*. Những người đàn bà con gái của Võ Phiến nói chung có một sức hấp dẫn đặc biệt. Chất nữ tính của họ như được hấp nóng bởi cái bất thường.

Cái con Bạch vừa nhắc đến trên làm nhớ đến cô Bạch thanh cảnh hơn mà cũng khó lường hơn trong *Đêm Trăng* (1960). Khi thì *"liếc lên, mỉm cười, nửa khinh thị, nửa khuyến khích"*. Sau đó mấy phút lại *"cúi đầu xuống, gác cằm lên gối, mân mê ngón chân cái. Giọng nói nho nhỏ, câu nói vắn tắt, và cử chỉ của cô ta lúc ấy gây ra một không khí bất ngờ"*. Người đàn ông kể chuyện "đêm trăng" tên Khang đầy tự tín đó, một khi đã ôm ấp được Bạch và *"đạt tới mục đích thô bỉ của mình không gặp khó khăn đáng kể"* lại mất toi đi cái thế chủ động: *"Càng gợi lại để tra vấn mỗi thái độ của cô gái tôi càng cảm thấy rờn rợn. Thật vậy, trước một say mê quá mãnh liệt vượt ra ngoài kích thước thông thường thì dù là dục tình thấp hèn hay là tình cảm cao thượng, tự nhiên ta cũng cảm thấy có cái gì bí hiểm, rờn rợn"*.

Nói đến *(Đêm Trăng*, không thể không nhắc đến nhân vật nam đáng

chú ý kia. Không kỳ cục như Bốn Thôi. Không *cynique* như Khang. Người đó bất thường, người đó là Triêm. Triêm xuất hiện không nhiều, chỉ một lúc ở đoạn đầu và một lúc ở đoạn cuối: *"Từ phía đầu bàn trong nhà, Triêm bỗng lên tiếng hỏi "Cô gái ấy... anh biết tên chứ?". Vẫn cái giọng rụt rè, lần này nghe như van nài thảm thiết làm cả mọi người ngoảnh đầu nhìn vào. Đôi kính trắng hoảng hốt rung lên sợ hãi trong bóng tối. Tiếng Khang thốt ra thản nhiên: "Tên Bạch...". Và ông ta hướng cái nhìn thông minh vào phía cặp kính trắng, tò mò mà điềm tĩnh theo dõi sự căm thù đầy bối rối sợ hãi của cặp kính chõ vào ông ta".*

Mười năm sau những cô vợ Trần Hùng, cô Hạnh, có người đàn bà rất "bình thường" trong *Người Chồng Bất Thường* (1966). *"Chàng hung bạo? tôi biết. Tôi biết hơn ai hết mọi nguy hiểm sống bên cạnh chàng. Nhưng chỉ bên cạnh chàng tôi mới có sự ổn định. (...). Má sẽ cho tôi lấy cái điên của chàng, nhưng không chắc là tôi sẽ không trở lại* với chàng *đâu".* Mà có phải người đàn bà này say mê tôn thờ chồng gì cho cam. Nàng không chắc là sẽ không quay về với hắn chỉ vì với hắn nàng mới có sự ổn định. Một người đàn bà bị chồng đánh, chồng chém, còn cả sẹo ở tay ở sườn, người đàn bà ấy nói: *"Mọi rắc rối, hoang mang, chỉ tại vì tôi rời xa chàng!"* Có phải đây là một khuôn mặt của *khổ tình* (masochistic love) chăng? Chúng ta không cần gọi đúng tên một cái gì chúng ta chưa nhất quyết. Chúng ta chỉ biết chắc rằng đó là một người đàn bà bất thường. "Người Chồng Bất Thường" ư? Người vợ cũng bất thường đâu có kém. Coi mòi nàng còn rắc rối hơn chàng nhiều!

Cùng năm với *Người Chồng Bất Thường* là *Đàn Ông*, (Tiểu Thuyết II, Văn Nghệ, 1988). Một truyện dài "ngắn", một *novella*, chỉ 90 trang nhưng, theo thiển ý, có thể đứng chung với những cuốn tiểu thuyết hoàn hảo nhất trong tất cả tiểu thuyết thế giới mà chúng tôi đã được đọc.

Ở chung một dạo với Lê, nhân vật chính, là Thục. *"Tính chết mấy lần "gởi" chứ phải một lần sao, nhưng không lần nào chết được. Kỳ năm ngoái đây, khoảng xế trưa, trời nóng quá, em trải chiếu nằm dưới đất, nằm hoài không ngủ được, nghĩ lui nghĩ tới chuyện nọ chuyện kia, buồn quá sức, em uống luôn mười viên thuốc ngủ. Em nằm mê man, nhễu một đống nhớt...". Nghĩa, người kể chuyện, "bỗng ngạc nhiên: cái ý định tự tử lại không nảy ra vào những lúc này mà là ngay vào lúc nàng mạnh khỏe phây phây, nhanh nhẩu, cộc cằn. Kỳ cục thật. Tự tử đi tự tử lại, năm lần mười lượt. Đang ăn chơi nói cười, tươi tắn như thế, tánh tình dễ dãi như thế, cạn cợt như thế, mà lại xúc động đến không thể nào kham nổi cuộc sống, mà mong manh như*

hơi như khói...". Thục tự tử, Thục ăn quà, Thục đấu hót, Thục "tiếp khách" nữa. Thục là một cô gái lắm màu sắc, mà màu sắc nào cũng lạ lùng, cũng khác thường. Nhưng so với Lê, chị Lê, Thục đơn sơ quá. Lê không tự tử năm phen bảy lượt nhưng bao nhiêu lần Lê "chết ở trong lòng" không ít chút nào cả.

Lê ít học, nhưng Lê tinh tế, và phức tạp. Từ nỗi sợ hãi cái *"bọc to tướng treo lủng lẳng từ cây đòn dông buông xuống" (chị tin rằng cái bọc ấy gói thây ma của một ông từ thừa* khi Lê còn nhỏ) qua cuộc đời làm vợ cái gã bần tiện lố bịch ham ăn tên Khảo, qua một cuộc ngoại tình, qua một cuộc chung sống tạm bợ với một người tình khác, cho đến cái đêm *"thể xác, da thịt chị, nó lên tiếng. Nó tỏ rằng nó không quên bổn phận (...). Có thai thật sao? Chị có một sự ngạc nhiên gần như thích thú. Thân thể của chị mới vừa tỏ một "thái độ" khác thường, và chị lấy làm dễ chịu"*, chị Lê chết đi sống lại nhiều lần? Đêm đó, chị Lê *"tự thấy mình thua hẳn mẹ ở cái bản năng tự vệ của riêng người đàn bà"*. Cái ông tú Từ Lâm ăn nói hùng hồn như vậy mà dở; đêm hôm ấy ông loay hoay lẩy bẩy làm sao mà chỉ để lại trên lưng bàn chân chị Lê một vết lấm, *"dấu của một ngón chân cái, một ngón chân bẩn...".* Ngồi khoát nước rửa chân sáng hôm sau, Lê *"thấy rằng vì sự yếu đuối ấy chị đã biết quá nhiều. Thật là quá nhiều, về "họ". (...). Thân thể chị quan hệ đến quá nhiều cuộc đời, tâm sự, định mệnh của những người đàn ông. Những người đàn ông! Chị chán họ. Nhưng cũng như một đứa mục đồng tuy khổ sở vất vả vì đàn bò, nó vẫn thương mến con này vì cái sừng gãy, con kia vì nết kén ăn, con nọ vì tính ngoan ngoãn, vì cả những tật xấu, khuyết điểm của chúng... Cũng như thế, chị Lê chán đàn ông. (...). Trong khi tay xoa qua xoa lại trên lưng bàn chân, mơn nhẹ, chị nghe một cảm giác êm dịu. Chị nhẹ tay lần lần. Chị nhẹ tay như là nâng niu âu yếm vết lấm...".* Lê không phải là một người đàn bà bình thường trở thành bất thường. Ngược lại. Lê chịu đựng thường xuyên những bất thường trong cuộc sống, nhưng mặc dù tất cả chị vẫn giữ được cái khả năng tự xét mình và tự hiểu mình. Một người đàn bà như Lê mà có lúc *"muốn thở ra được một hơi dài mênh mang như hơi gió mát thổi trong đêm (...) thoát lên khỏi những ràng buộc phiền toái không đâu của cuộc sống, thoát lên khỏi những phiền hà sâu bọ của cuộc đời, tỉ mỉ nhằng nhịt như những hạt mưa đêm".* Đó chẳng phải là một tâm trạng "bất thường" ư? Một khao khát nội tâm như thế ở một người đàn bà như Lê? Dù sao Lê vẫn là một người rất đáng yêu và đáng nể.

Trong hai truyện được viết một năm trước biến cố 75 (in lại trong

Truyện Ngắn II), Võ Phiến vẽ nên hai người đàn bà cùng tên Lộc (à, Lộc cũng là tên của một trong những người vợ của Bốn Thôi). Trong *Yêu Đương*, Lộc bị người yêu dằn vặt hoài vì cái tính nghi ngờ ghen tuông của hắn. Nàng thông minh, vững chãi, sáng suốt. Chỉ có Thúc, người yêu của nàng mới lôi thôi, phá hoại. Ngược lại, Lộc trong *Quanh Mình* (1974) thật mỏng manh, rắc rối. Không những thế, mẹ Lộc còn "quá" cả con: *"Mẹ nàng mà lấy một lượt hai người chồng? không tưởng tượng được. Bà đâu phải con người lẳng lơ (...). Mẹ nàng không những không phải là một người đàn bà lẳng lơ, bà lại còn quá bảo thủ, cố chấp. Mẹ nàng cũng kín đáo như nàng, ngoài ra bà lại là con người nề nếp thuộc lớp trước: (...). Mà chính bà mẹ của Lộc, chính bà bây giờ có lẽ cũng không ngờ, không nghĩ ra thái độ của mình hồi đó. Biến cố nọ như một chuyện dị thường, từ đâu xảy đến, rồi mất đi, không cắt nghĩa nổi. Trong số những người ngạc nhiên có cả chính bà (...). Bà bước ra khỏi một thời kỳ cuồng loạn và như thế không bao giờ dám ngoảnh mặt nhớ lại. Không ai nghe mẹ nàng nhắc một lời nào tới quá khứ. Mẹ nàng dứt khoát: bà không có quá khứ nữa. (...). Bà như tắt ngấm đi. Nguội lạnh, uể oải".*

"Bà già" quá tay như vậy, hèn chi nàng Lộc này bén nhạy một cách... bất thường. *"Quanh nàng không phải chỉ là một bầu không khí ấm áp, mà có cả một bầu không khí chất chứa những luồng điện nguy hiểm, luôn luôn sẵn sàng phát nổ vì một tia lửa, một bầu không khí đầy bất trắc. Nàng mà ngại sự bất trắc? Vâng, chán cảnh lênh đênh thì có, chứ còn đối với sự bất trắc... Một người con gái chỉ thực sự "sống" trong sự bất trắc. Đến lúc quyết định về với mẹ, với cảnh an toàn, Lộc mới cảm thấy mình đang thu xếp cho một cái gì như là một cảnh hạ màn (...). Khi bất trắc bùng nổ như bom trong đời mẹ nàng thì suốt một đời bà không lấy lại được thăng bằng. Trái lại (...) nàng gần như không ngớt chờ đợi sự bất trắc, những bất trắc làm run rẩy cuộc sống".*

Những bất trắc làm run rẩy cuộc sống? Thuở tiền sử, người đàn bà mình khoác miếng da thú hớ hênh, ngồi canh đống lửa trong đêm tối bịt bùng... Phải chăng cái lo ngại thấp thỏm những bất trắc có thể xảy ra – một con thú dữ... một người đàn ông lạ – đã ăn sâu vào tiềm thức, rồi ngàn năm này qua ngàn năm khác, cái thấp thỏm dần dà biến thành một thứ chất chua làm lên men cuộc sống, làm cho Lộc trong *Quanh Mình* cảm thấy đời mình không chỉ là *"chờ đợi mỏi mòn trong những tình yêu gà yêu vịt?"*

Trong *Nguyên Vẹn* (Người Việt 1978, Văn Nghệ 1988), truyện dài

duy nhất Võ Phiến viết ở hải ngoại, có cô Dung (lại cùng tên với người con gái trong truyện ngắn mang tên nàng (1956). Trong tất cả những nhân vật nữ của ông, có lẽ Dung là người "bình thường" nhất, "ngoan hiền" nhất, "thẳng thớm" nhất. Dung yêu Triệu, 1975 lạc nhau, Dung chạy được qua Mỹ, Triệu đi cải tạo. Dung khắc khoải âu sầu nhớ Triệu. Thế rồi bỗng dưng trong một buổi họp mặt ồn ào vui vẻ ở nhà thờ bảo trợ, có bánh trái, có chiếu phim *picnic..., Dung ngồi yên, mắt vẫn trông lên màn ảnh, nhưng tâm trí lãng đãng (...). Và một hình ảnh hiện ra dần dần trong trí nàng, hình ảnh ông Tùng dưới bóng cây mận ngày nào trên hòn cù lao giữa con sông Hậu... Ông Tùng và nàng... (...). Nhảm! Làm gì có chuyện như thế? Giữa nàng và ông Tùng đâu có gì? Tuy nhiên nàng không thể xua đuổi được cái hình ảnh nọ".* Bảy trang sách sau, người đọc mới thấy tại vì sao. *"Người con gái trở mình, thấy cổ họng nghẹn hơi, tinh thần căng thẳng, hoang mang (...). Chợt một ý nghĩ thoáng qua (...Nàng hốt hoảng, không dám nghĩ xa hơn nữa".* Thú thật, cô Dung đã làm cho chúng tôi choáng váng, ngạc nhiên vô cùng.

*

Quái đản, kỳ cục, bất thường... cầm một truyện Võ Phiến lên đọc vài dòng tự nhiên ta đọc chậm lại, dò dẫm từng câu từng câu như trong buổi nhá nhem đi trên con đường xa lạ quanh co lồi lõm, chân tay mở ra thêm đôi mắt, coi chừng từng bước, từng bước, đề phòng sự bất thường...

Ấy vậy mà xét cho cùng, cái bất thường ở Võ Phiến nói chung, đâu phải là điều quá mới mẻ, xưa nay chưa có ai bắt được. Những khai phá về tâm lý học kể từ Freud trở đi, về phân tâm học, đã từ lâu phơi bày trần trụi, đã mổ xẻ toanh hoanh những gì tưởng là sâu kín bí hiểm nhất của tâm hồn con người. Bệnh trạng phân thân, những trục trặc của giấc ngủ và mộng mị, những uẩn ức tâm lý và sinh lý, những mặc cảm, những cấm kỵ, những bản năng, những ám ảnh, những ảo giác... Nếu võ Phiến cố tình khai thác những khám phá trong các địa hạt này, kể ra cũng không phải là một chuyện khó khăn. Nhưng Võ Phiến không phải là một nhà tâm lý học, một phân tâm gia, ông là một nhà văn, và với nhà văn vấn đề xương tủy vẫn là nghệ thuật. Võ Phiến phiêu lưu vào những ngõ ngách này như *một nhà văn Việt nam, một nghệ sĩ Việt nam.* Và ông đã thành công đẹp đẽ.

Chúng tôi nghĩ rằng ông đã thành công đẹp đẽ trên hai bình diện chính. Thứ nhất, ngoại trừ dăm ba trường hợp hiếm hoi của cái bất thường mang nét quái đản kinh dị, Võ Phiến không xa rời những bối

cảnh và nhân vật tầm thường. Tầm thường trong nghĩa không có gì siêu phàm xuất chúng, lại cũng không có gì ngoại lai. Câu cú chữ nghĩa của ông tạo nên cho chúng ta một không khí quen thuộc, ấm áp. Võ Phiến cố tình vẽ nên những nét hết sức tầm thường để đến khi "hữu sự" ông mới tung ra những cái mà chúng ta không chờ đợi chút nào cả. Thói quen có một sức mạnh vô kể. Cái "thực" mà chúng ta thấy trước mắt hằng ngày, bao nhiêu phần là thực, bao nhiêu phần là do thói quen của ta tạo nên? Thói quen suy diễn, thói quen cảm nhận, thói quen xét đoán, thói quen của tập tục, qui ước, khuôn phép, lễ nghi... Đến khi cái "thực" tưởng là bình thường đó hé ra, "toét" ra, ta mới giật mình hoảng hốt thấy rằng chính cái bất thường sờ sờ bây giờ đó mới là cái cốt lõi của cái thực lâu nay tàng ẩn dưới mắt ta. Mới hôm kia, dừng xe lại trên con đường quê, mua một tá bắp (14 trái, farmer's dozen). Mấy trái bắp bụ bẩm, vỏ xanh rờn, râu bắp óng ánh như tơ vàng. Về nhà, lột bắp nướng than, mới thấy cứ mỗi trái bắp là có một hai con sâu to tổ bố nằm gọn ở trong. Vì đang viết bài này, chúng tôi liên tưởng đến cái thực và cái bất thường. Đất đai này phải ra làm sao đó, mùa hè này nắng mưa phải ra làm sao đó, những trái bắp này mới có những con sâu này. Thì ra cái bất thường là một phần không thể chia tách ra khỏi cái "thực".

Võ Phiến đã thành công ở chỗ ông chờ đợi, ông rình mò, ông bắt được những cái bất thường – bắt một cách coi như dễ dàng lắm, như kiểu chị Bốn Chìa Vôi bắt chim (*Chim Và Rắn*, 1967) – để rồi tủm tỉm xòe tay ra ngay trước mặt ta để ta tha hồ ngắm nghía. Ông còn thành công ở chỗ chẳng những cái "thực" của ông nó "tầm thường" mà cái "bất thường" của ông nó cũng "tầm thường" nữa. Ở điểm này, ông rất "Việt nam".

Những "dị nhân" của chốn thôn dã với những cái móng tay đầy ghét, những anh tiểu công chức ở chốn đô thị, những người đàn ông "vô danh" loay hoay thắc mắc với những cái vặt vãnh không đâu, những người đàn bà, những người con gái tài sắc không có gì đáng ngưỡng mộ... Cái thế giới đông đảo mà lẻ loi, rộn rịp mà âm thầm đó làm cho người đọc bẽ bàng, rồi nao nao... À, thì ra họ, những ông này bà kia, những anh, những chàng, những cô này nàng nọ, nào phải ai xa lạ gì, họ là đồng bào của ta, họ là bà con, bạn bè của ta, *họ là chúng ta* đấy, trời ơi! Truyện của Võ Phiến không có những người đàn bà bình thường bỗng nhiên sống hăm bốn tiếng đồng hồ cuồng loạn như trong Stefan Zweig, không có những ông già lịch lãm phong lưu đã đến thời không "làm ăn" gì được nữa, chỉ còn có thể trả ngàn vàng để ngồi ngắm người đẹp (bị bỏ thuốc mê) nằm

ngủ như trong Yasunari Kawabata. Chỉ tội nghiệp cho ông Bốn Tản với những "lẽ sống" kỳ quặc của ông, chết rồi để lại *"một tí máu phọt từ chỗ sọ vỡ"* và *"một tí đồ lót của "con đĩ già"*. Tội nghiệp cho anh chàng Thúc *"hoảng sợ thấy rõ cái ghen đến đau đớn dày vò ấy dính liền mãi mãi với tình yêu của chàng"*. Tội nghiệp cho cô Lộc ngồi *"giặt mấy món đồ. Hai con vịt xiêm loanh quanh bên cạnh, tìm bắt những con bọ màu đen, nhỏ bằng hạt cải, sinh dôi rất nhiều ở những chỗ đất ướt..."*. Tội nghiệp cho cả những đám mây *"đỏ bầm"*. Tội nghiệp cho trận mưa *"vụt dứt ngang như con bọ đang bay vụt gãy cánh rớt xuống"*. Tội nghiệp cho con cuốc *"kêu đều đều trong nắng rừng rừng..."*.

Và mừng cho chúng ta. Mừng cho "công việc chữ nghĩa", nói như Nguyễn Tuân. Thật ra, mừng cho chúng ta còn hơn là mừng cho "công việc chữ nghĩa" mặc dù chữ nghĩa – chữ nghĩa mà thôi – của Võ Phiến đã là những viên trân châu của văn chương Việt nam hiện đại. Mừng cho chúng ta vì nhờ có Võ Phiến mà chúng ta được lần mò tới gần thêm nữa những thế giới vô cùng tạp nhạp mà cũng vô cùng thống khoái của cuộc sống hèn mọn vô cùng khổ đau này. Nhờ có Võ Phiến mà chúng ta được ghé mắt nhìn thấy trọn vẹn hơn, rõ ràng hơn, cái địa thế hiểm trở cùng những ngõ ngách chi li của cái mà chúng ta có thói quen thường gọi là tâm hồn Việt nam.

Võ Đình

Nhà xuất bản **Thời Văn**

Ra mắt bạn đọc và văn hữu với những tác phẩm:

Nhà Văn Nói Với Chúng Ta *thực hiện Nguyễn Mạnh Trinh*

Sợi Chỉ Trong Hồn *truyện dài Nguyễn Ý Thuần*

Trần Ai Khoai Củ *truyện dài Nguyễn Đức Lập*

Cánh Cửa *tập truyện Nhật Tiến*

Sống Dở *truyện dài Hoàng Việt*

Thư Không Người Nhận *tập truyện Hoàng Khởi Phong*

Liên lạc: Cao Xuân Huy

P.O. Box 3192 Tustin CA 92680 USA

Phone: (714) 544.7650

Nguyễn Đức Lập

Chuyện dài

PHONG VŨ TIÊU TIÊU, LÔI VŨ ĐỘNG

CHƯƠNG 1

Trời đã chạng vạng tối. Vừa thắp nhang một lượt các bàn thờ xong, ông chủ Thạnh ngồi trên bộ ván ngựa, đợi gia nhơn mời ăn cơm.

Từ ngoài cửa lớn, Hai Quờn tất tả đi vô. Y tới trước mặt ông chủ Thạnh, cúi đầu thưa:

– Bẩm chủ, có một người khách, muốn xin gặp mặt chủ.

Ông chủ Thạnh vội vàng bước xuống khỏi bộ ván. Vừa quơ chưn tìm đôi guốc, ông vừa hỏi:

– Ai vậy?

Hai Quờn vẫn cúi đầu:

– Bẩm chủ, khách lạ. Người nầy chưa từng tới đây lần nào và cũng chưa từng thấy vãng lai trong làng.

Hai Quờn nói bằng một giọng tự tin, quả quyết. Là một gia nhơn thân tín của ông chủ Thạnh, Hai Quờn đã được giao phó quản lý mọi công việc trong nhà, ngoài ngõ của chủ. Y là người cẩn thận, hết dạ trung thành. Mỗi lần có khách tới thăm, y là người tiếp xúc trước, rồi nếu thấy cần, y mới bẩm báo cho chủ.

Hai Quờn nói thêm:

– Người khách nầy có vẻ lạ lùng lắm.

Ông chủ Thạnh mau mắn:

– Mời người ta vô...

Trong khi Hai Quờn hấp tấp đi ra, ông chủ Thạnh bước vội vô buồng, lấy một cái áo bành tô nỉ xám khoác vào người rồi ra cửa giữa đứng đợi.

Khách là một người đờn ông trạc ba mươi tuổi, đầu trọc láng bóng, hai mắt sáng quắc dưới đôi lông mày nét kiếm, râu bao hàm lún phún, mặt gân guốc phong trần. Khách mặc một bộ áo quần nâu hơi chật. Bộ ngực của khách nẩy nở vun chùm như muốn bứt tung lớp áo mỏng. Quần của khách xăn tròn tới gối. Đôi chưn trần bê bết bùn đất. Vai khách đeo một cái tay nải vải nâu. Đặc biệt, bên tay mặt của khách có cầm một cây

gậy tròn. Chiều cao của cây gậy lên đến ngang mang tai của khách.

Vừa thấy mặt ông chủ Thạnh, khách khép bàn tay trái, dựng đứng trước ngực, khẽ cúi đầu chào:

– Mô Phật, xin chào chủ.

Trong khi chào ông chủ Thạnh, đầu khách hơi cúi xuống, nhưng lưng khách vẫn thẳng băng.

Thì ra khách là một nhà sư. Ông chủ Thạnh vội vàng chắp hai tay, đầu cúi thật sát:

– Mô Phật, chào thầy.

Ông quay lại hối Hai Quờn thắp thêm đèn măng sông cho phòng khách được sáng sủa.

Ông đưa tay mời khách:

– Mời thầy vô trong nầy.

Ông chỉ vào một chiếc ghế:

– Mời thầy ngồi.

Khách có vẻ bỡ ngỡ, ngại ngùng, hết nhìn đôi chưn lấm đầy bùn đất của mình, tới nhìn cái ghế gõ chưn quỳ, cẩn xa cừ, lên nước bóng loáng.

Ông chủ Thạnh mời một lần nữa:

– Mời thầy ngồi.

Không ngần ngại nữa, khách ngồi ngay xuống ghế. Tay nải khách vẫn đeo trên vai và cây côn, khách kẹp giữa hai bắp vế.

Ông chủ Thạnh ngồi xuống cái ghế đối diện với khách.

Hai Quờn đã xách cái đèn lên, treo vào móc. Một luồng ánh sáng chói chang tỏa ra khắp phòng. Hai Quờn xớ rớ, đứng sau lưng ông chủ Thạnh. Ông nầy khoát tay ra dấu cho người gia nhơn thân tín đi ra.

Dưới ánh đèn sáng choang, bộ mặt của khách được thêm tỏ rõ. Nước da của khách đen sạm, bóng ngời. Khách có cặp mắt theo kiểu "phượng ngủ", lúc bình thường thì mơ màng, khi chăm chú thì sáng như ngọn đèn ló. Cái mũi của khách hình "trái mật treo" đầy đặn, nở nang...

Ông chủ Thạnh chăm chú nhìn vào cây gậy của khách, cây gậy có màu nâu không ra nâu, đỏ không ra đỏ. Ông biết rằng đây là một cây côn, một thứ võ khí lợi hại của khách.

Khách lên tiếng:

– Bần đạo là một kẻ du tăng, muốn tìm một chỗ trụ. Nghe tiếng chủ là người hiền đức, xin nhờ chủ giúp đỡ.

Khách nói lên mục đích của chuyến viếng thăm một cách đường đột,

ông chủ Thạnh không lấy đó làm bất mãn. Trái lại, ông còn hớn hở:

– Như vậy, thiệt là quý hóa. Tôi sẽ phụ trợ cho thầy lập một kiểng chùa. Tôi mong đợi việc nầy từ lâu.

Ông giải thích ý nghĩ của ông:

– Tá điền của tôi ở đây đông lắm. Mỗi năm, họ chỉ bận rộn có mấy tháng làm mùa. Thì giờ còn lại dông dài quen thói. Họ thường tụ tập để nhậu nhẹt, ca xang, đánh bài đánh bạc. Phật Pháp hay đạo lý Thánh Hiền, có bao giờ mà họ thèm để ý tới.

Ông nói chắc ăn:

– Có thầy về đây, có một kiểng chùa, họ sẽ có chỗ mà nghe đạo lý, có nơi để tu tâm dưỡng tánh.

Trước vẻ háo hức của ông chủ Thạnh, khách điềm đạm:

– Tôi chỉ muốn tìm một chỗ trụ. Tôi cũng cần tu tâm dưỡng tánh. Tôi chưa đủ cái đức làm thầy.

Nghe khách nói, ông chủ Thạnh chợt thấy giựt mình. Khách mới bước chưn vô nhà chưa đầy một khắc, còn chưa biết rõ họ tên, lai lịch của khách ra sao, cớ gì mà ông lại có vẻ phấn khởi hưởng ứng ý nguyện của khách?

Ông tìm cách lảng sang chuyện khác:

– Thầy đi đường xa, chắc là mệt mỏi lắm?

Đó là ông kiếm chuyện hỏi cho qua tang lề. Nhìn vào bộ dạng của khách, ông không hề thấy một nét mỏi mệt nào.

Khách rất tự nhiên:

– Từ sáng giờ, tôi chưa ăn một miếng cơm.

Ông chủ Thạnh vội vàng đứng dậy, lớn tiếng kêu Hai Quờn, hối y ra lịnh cho gia nhơn sửa soạn một mâm cơm chay.

Ông mời khách đi ra phía sau rửa mặt. Khách đứng dậy đi theo. Tay nải vẫn đeo trên vai và gậy vẫn cầm tay. Hai Quờn cầm đèn soi cho khách, mặt mày cau có, lộ vẻ khó chịu. Ông chủ Thạnh trừng mắt, nhìn Hai Quờn.

Ông chủ Thạnh đắn đo, không dám đưa đôi guốc cho khách. Ông sợ khách sẽ phật ý vì bị chạm tự ái.

Ông mời khách lên lại nhà trên. Khách ngồi vô chỗ cũ. Lần nầy, khách cởi tay nải để trên mặt bàn, còn cây gậy, khách dựng lên thành ghế.

Tuy lịnh lạc có hơi bất ngờ, nhưng đám gia nhơn của ông chủ Thạnh đã chứng tỏ một khả năng tháo vát. Chỉ một khoảng thời gian ngắn, Hai

Quờn bưng một mâm cơm nghi ngút khói ra mời khách.

Chính tay ông chủ Thạnh so đũa, để đũa trước mặt khách. Hai Quờn bới cơm ra hai cái chén, rồi khoanh tay đứng hầu sau lưng ông chủ Thạnh.

Khách liếc nhìn Hai Quờn, lộ vẻ khó chịu ra mặt. Ông chủ Thạnh đuổi Hai Quờn:

– Biểu sắp nhỏ dọn cơm cho bà và cô Hai... Còn bay, bay cũng lo mà ăn đi...

Ông chủ Thạnh nhìn xuống mâm cơm. Thật là đơn sơ, một dĩa bầu xào, một dĩa cải luộc, một tô nước luộc cải làm canh và một chén chao.

Ông chủ Thạnh hơi ngượng:

– Bị quá bất ngờ, xin thầy độ tạm.

Khách không khách sáo, thò đũa gắp cải, chấm chao, ăn ngay. Khách ăn như rồng cuốn. Ông chủ Thạnh rán theo muốn hụt hơi. Khách làm luôn một hơi sáu chén. Khi khách ngừng đũa, ông chủ Thạnh chưa ăn hết chén thứ hai. Ông cố gắng và vội miếng cơm cuối cùng.

Khách cười tủm tỉm:

– Khi không mà ông phải ăn lạt với tôi. Coi bộ ông ăn không được mạnh miệng.

Ông chủ Thạnh cười đáp:

– Tôi già rồi, ốm yếu bịnh hoạn luôn, ăn cái gì cũng không thấy ngon miệng. Mỗi bữa rán cầm chừng hai chén là đã quá sức... Ăn lạt đối với tôi cũng thường. Mỗi tháng tôi ăn lạt mười ngày, theo Chuẩn Đề Thập Trai.

Ông còn nói thêm:

– Thiệt ra, đối với tôi, mặn hay lạt không thành vấn đề. Tôi ăn chay là ăn theo vợ. Nhà tôi, mấy lúc sau nầy, phát tâm ăn chay. Tôi nghĩ vợ chồng già hủ hỉ với nhau, không lẽ chồng một mâm, vợ một mâm. Tôi ăn với bả cho vui...

Khách phì cười, không nói.

Gia nhơn của ông chủ Thạnh triệt hạ mâm chén, dọn trà và dọn trái cây cho chủ và khách tráng miệng.

Khách ăn hai trái chuối sứ, trái nào trái nấy lớn bằng cổ tay và uống thêm hai tách nước.

Ông chủ Thạnh quan sát khách thật kỹ một lần nữa. Tự nhiên ông phát sinh lòng kính nể vô cùng đối với khách. Những giây phút tiếp xúc vừa qua, đạo hạnh của khách tới mức nào, ông chưa biết. Nhưng ông

thấy ở khách một sự bộc trực, thành thật, thẳng thắn.

Khách như muốn tiếp câu chuyện bỏ dở lúc nãy:

– Ăn mặn hay ăn chay không thành vấn đề. Chỉ cốt là ở cái tâm. "Ăn mặn nói ngay còn hơn là ăn chay nói láo".

Ông chủ Thạnh gật đầu ra dáng tán thưởng. Ông nhổ sực là đã chưa biết được tên khách. Ông chấp hai tay trước ngực:

– Từ nãy tới giờ mảng vui câu chuyện, chưa kịp hỏi phương danh quý tánh của thầy.

Lời nói và điệu bộ của ông có vẻ hơi kiểu cách. Khách nói liền:

– Tên là vật ở ngoài. Người ta gọi tôi là Tâm Đức.

Ông chủ Thạnh lẩm bẩm:

– Đức tại ở tâm.

Khách nhắc lại ý muốn của mình:

– Về thỉnh cầu của tôi?

Ông chủ Thạnh không cần suy nghĩ:

– Điều mong muốn của thầy quá dễ dàng đối với tôi. Điền đất của tôi rộng thênh thang. Thầy muốn cất một kiểng chùa cỡ nào cũng được hết. Cây ván tôi lại có sẵn. Mùa nầy tá điền đang ở không, tôi sẽ điều động họ tới giúp thầy... Còn về lương thực, tôi sẽ lo chu cấp...

Ông làm như mọi việc đã được bàn tính, thỏa thuận xong xuôi:

– Sáng mai, tôi sẽ dắt thầy đi dạo khắp điền, cho thầy chọn đất.

Ông chủ Thạnh chưng hửng khi khách đưa tay ngăn lại:

– Tôi chỉ muốn một chỗ thật khuất lấp, không người qua lại. Tu tâm dưỡng tánh không thể ở chỗ ồn ào...

Khách thoáng mơ màng:

– Thật ra, đối với cái tâm Phật, không có chỗ nào là ồn ào, chỗ nào là vắng vẻ. Động hay tĩnh đều do ở cái Tâm.

Khách thành thật:

– Có lẽ tâm tôi còn động, nên cần một chỗ yên tĩnh.

Ông chủ Thạnh chưa kịp nói gì, khách đã vội thêm:

– Tôi còn có nhiều việc muốn nhờ ông giúp nữa.

Ông chủ Thạnh sốt sắng:

– Xin thầy cứ nói.

Khách lắc đầu, chậm rãi:

– Bây giờ thì chưa cần. Đến lúc, tôi sẽ xin cùng ông.

Khách lại nhắc:

– Về việc miếng đất...

Ông chủ Thạnh làm như sực nhớ ra:

– Tôi đã nghĩ ra một chỗ. Chắc thầy sẽ vừa ý...

Khách an tâm gật đầu, đứng dậy xin từ giã. Ông chủ Thạnh cản lại:

– "Tới đây thì ở lại đây". Để tôi biểu trẻ sắp xếp một phòng cho thầy.

Khách từ tạ:

– Tôi sương gió đã quen. Một gốc cây nào đó tôi cũng có thể yên giấc.

Ông chủ Thạnh vẫn khẩn khoản giữ khách lại. Sau cùng, khách nói:

– Tôi thấy có một cái trại ở dựa mé sông, gần bến của ông. Hay là xin ông cho tôi ngủ tạm ở đó.

Ông chủ Thạnh phân vân:

– Đó chỉ là cái trại mộc. Cửa, vách không có. Bốn bề gió lộng.

Khách cương quyết:

– Chỉ cần một chỗ ngả lưng. Có là tốt rồi...

Ông chủ Thạnh lăng xăng:

– Để tôi biểu trẻ đốt đuốc, soi đường cho thầy.

Ông hơi giựt mình khi nghe khách nói:

– Chỗ đó tôi đã biết. Đường đi tôi đã quen...

Khách lấy cái tay nải đeo lên vai rồi vói tay cầm lấy cây gậy. Khách khép tay, dựng đứng trước ngực, cúi chào ông chủ Thạnh. Cũng như lần chủ khách tương kiến, đầu khách chỉ hơi cúi xuống, lưng khách vẫn thẳng băng.

Khách bước ra cửa, lẩn khuất trong bóng đêm.

Ông chủ Thạnh nhìn theo, rồi cúi mặt lẩm bẩm, băn khoăn:

– Nhà sư hay... tráng sĩ.

*

Khách đã rời nhà từ lâu mà ông chủ Thạnh vẫn còn bâng khuâng, tư lự. Ông ngồi im trên ghế. Cùi chỏ tay trái của ông chống lên tay dựa của ghế, bàn tay đỡ lấy mặt.

Hai Quờn đứng bên cạnh ông chủ Thạnh một hồi lâu, không thể làm thinh được nữa. Y buột miệng:

– Bẩm chủ, người khách nầy thiệt là kỳ quái. Chủ nên tiểu tâm mà đề phòng.

Ông chủ Thạnh gạt ngang:

– Người ta là kẻ tu hành.

Hai Quờn thắc mắc:

– Tu hành đâu mà tướng tá bậm trợn quá vậy? Coi hệt như thể tướng cướp.

Ông chủ Thạnh nạt người gia nhơn:

– Không được nói bậy. Đừng lấy cái bề ngoài để đánh giá con người. Vả lại, người nầy diện mạo đường đường, không có một chút gì là tà vạy. Chớ nghĩ quấy cho người mà mắc tội.

Hai Quờn im miệng nhưng hậm hực ra mặt. Y bước tới, bước lui sau lưng ông chủ Thạnh. Thấy bộ điệu xăng văng, xéo véo của người gia nhơn trung thành, ông chủ Thạnh mỉm cười:

– Không có chuyện gì mà bay phải lo lắng quá như vậy hết. Bay ở đây đã lâu, có bao giờ bay thấy khách tới cửa nhà nầy mà không được tiếp hay chưa? Mình lấy lòng thành mà đãi, cho dù có bụng dạ làm sao, người ta cũng không trở mặt mà hại mình.

Ông còn tìm cách để cho Hai Quờn yên lòng:

– Bay ít đi lại ở bên ngoài. Cái cung cách của khách giang hồ, bay chưa có thế mà hiểu hết đặng. Bởi vậy, thấy có người điệu bộ hơi lạ một chút, bay đã đem bụng sinh nghi.

Làm như được dịp, Hai Quờn nói mau:

– Nhưng, cái điệu bộ của người nầy lạ nhiều, chớ không phải lạ ít. Nói năng, cử chỉ không biết kính nhường.

Ông chủ Thạnh muốn chấm dứt câu chuyện:

– Người ta lòng dạ thẳng ngay, cái đức ở tâm. Không khéo nói để khỏi tổn đức, có chi là lạ... Thôi, bay ra sau đi...

Hai Quờn lui ra rồi, ông chủ Thạnh vẫn ngồi yên, tay chống cằm, bất động.

Ông ngồi như vậy không biết bao lâu, cho tới khi bà chủ Thạnh bước ra đánh tiếng:

– Khuya quá rồi, sao ông không vô nghỉ?

Ông chủ Thạnh ngước lên, có vẻ ngơ ngác. Bà chủ Thạnh lo lắng:

– Ông có điều gì lo nghĩ?

Ông chủ Thạnh lắc đầu:

– Nào có điều chi.

Bà chủ Thạnh tò mò:

– Hồi nãy, có khách nào vậy ông? Thằng Hai Quờn nó nói là khách lạ mà lại kỳ cục lắm.

Ông chủ Thạnh hơi bực mình:

– Cái thằng thiệt là nhiều chuyện.

Bà chủ Thạnh có vẻ bình vực cho đứa gia nhơn:

– Bị tui hỏi, nó mới nói.

Bà hỏi lại:

– Khách nào vậy?

Ông chủ Thạnh trả lời lơ lửng:

– Một vị sư muốn tìm chỗ trụ.

Bà chủ Thạnh làm như tiếc rẻ:

– Một vị sư? Sao ông không kêu tui ra chào. Làng mình bao nhiêu lâu rồi chưa được tiếp đón một vị cao tăng. Tui phát tâm ăn chay niệm Phật, nhưng chưa có người tiếp dẫn.

Ông chủ Thạnh nhìn vợ bằng một đôi mắt chan chứa cảm tình:

– Có phải cao tăng hay không, mắt trần của mình không thể biết được. Có duyên thì gặp, bà đâu phải vội vàng chi.

Mặt ông bỗng trở nên nghiêm khắc, giọng ông bỗng cứng lại:

– Tôi đã giao hẹn với bà, khách khứa của tôi, bà không được hỏi han tới.

Bà chủ Thạnh bối rối, không dám ngó vô mặt chồng. Bà cúi đầu đáp nhỏ:

– Tui nhớ chớ...

Bà tìm cách biện minh:

– Bị thằng Hai Quờn nói, tui phát lo...

Ông chủ Thạnh cầm lấy tay vợ. Giọng ông ấm trở lại:

– Bà nhớ thì được rồi. Tôi mong rằng đừng bao giờ bà quên...

Nguyễn Đức Lập

SÀIGÒN, SAU 12 NĂM

- Sàigòn và miền Nam Việt nam đã thực sự thay đổi, đã sống, đã yêu đương và làm tình, đã trốn lính, vượt biên và đi tù, đã ngừa thai và làm điếm... như thế nào dưới chế độ Cộng sản.

- Chế độ Cộng sản Việt nam thực sự là như thế nào, bộ đội, công an, cán bộ miền Bắc thực sự là những con người ra sao... Tất cả được trình bày khách quan do ngòi bút điềm tĩnh của Thế Uyên.

Xuân Thu xuất bản

giá $10.00

GIỚI THIỆU SÁCH BÁO MỚI

*** Thơ Trần Sa:**

Tập thơ đầu tay của Trần Sa, Tập Hợp (Úc) xuất bản 1989. Phụ bản ca khúc của Hoàng Ngọc Tuấn. Sách dày 110 trang in trên giấy quý, gồm 10 bài thơ đầy chất trí tuệ của một nha thơ nữ hiện ở Canada. Kỹ thuật ấn loát công phu và trang nhã.

Địa chỉ liên lạc:

Tập Hợp P.O.Box 266 Belmore, NSW 2192 Australia

hoặc Trần Sa 1635 Keele St Toronto, Ontario M6M 3V8 Canada

*** Em Đi Sầu Ở Lại:**

Tập thơ đầu tay của Hoàng Thượng Dung. Tủ sách Nhân Chứng (Hoa kỳ) xuất bản 1989. Du Tử Lê giới thiệu. Sách dày 140 trang. Bìa và phụ bản Khánh Trường. Giá 10 Mỹ kim

*** Đếm Những Mảnh Tình:**

Truyện dài của Nguyễn Ngọc Ngạn, tác phẩm thứ 12 của nhà văn sung sức nhất hiện nay tại hải ngoại. Văn Lang (Canada) xuất bản 1989. Sách dày 424 trang. Giá 20 Mỹ kim. Bìa và trình bày Dương Thượng Ngã. Tranh bìa Vi Vi.

*** Thềm Hoang:**

Truyện dài của Nhật Tiến, tác phẩm từng đoạt giải văn chương Toàn quốc năm 1961. Đời Nay xuất bản. Văn Nghệ (Hoa kỳ) tái bản 1989. Sách dày 208 trang. Giá 8 Mỹ kim.

*** Việt Sử Bằng Tranh:**

Bộ sử dành cho trẻ em do soạn giả Bảo Vân Bùi văn Bảo cùng 20 họa sĩ tên tuổi thực hiện. Trọn bộ 30 tập. Quê Hương xuất bản. Giá mỗi tập 8 Mỹ kim hoặc 10 Gia kim.

*** Hoa Phượng Đừng Đỏ Nữa**

Truyện dài đầu tiên của Nhã Ca ở hải ngoại. Thương Yêu 1989. Đang phát hành khắp nơi.

Nhắn tin Văn Học

Văn Học xin nhắn tin chung các văn hữu và qúy độc giả:

Vì một số thay đổi, Văn Học số 45 đã không thể trả lời thư riêng cũng như nhắn tin riêng trên báo cho quý văn hữu cũng như quý độc giả. Văn Học xin chân thành cáo lỗi cùng quý vị.

Văn Học

Bác sĩ
VŨ ĐÌNH MINH
DIPLOMATE AMERICAN BOARD OF INTERNAL MEDICINE AND PULMONARY DISEASES
CHUYÊN TRỊ: BỆNH NỘI KHOA, BỆNH PHỔI
* Bệnh nội khoa: *tiểu đường - máu cao...*
* Bệnh phổi: *Ho - Suyễn - Đau ngực - Lao - Khó thở*
NHẬN MEDICAL VÀ BẢO HIỂM
Giờ làm việc: (gọi lấy hẹn)
Ngày thường: 9 - 12 AM & 1 - 6 PM
Thứ Bảy: 9 AM - 1 PM
Tel: (714) 641.0263
2720 S. Bristol # 210 Santa Ana, CA 92704

PHƯỢNG's
GENERAL MERCHANDISE
TRUNG TÂM MUA BÁN:
QUÀ TẶNG, MỸ PHẨM
QUẦN ÁO TRẺ EM, XÁCH TAY.
ĐẶC BIỆT: Bán sỉ và lẻ tranh sơn mài, giá hạ.
Nhận VISA, MASTER CARD
LAYAWAY - UPS
9681 Bolsa Ave # 11&12
Westminster, CA 92683
(714) 839.1066
(trong khu Crystal Palace trước chợ Man Wah)
Mở cửa 7 ngày từ 10:00 AM - 8:00 PM
* Cần đại lý ở các tiểu bang.
Kính mời

CENTRAL VALLEY
MEDICAL CLINIC

7227 RESEDA BLVD., RESEDA,CA 91335
Tel. (818) 708-7227

B.S NGUYỄN VĂN HƯNG M.D.
Bác sĩ Điều trị OLive View Medical Center
(Khu Cấp cứu và Quang tuyến)
B.S. TRƯƠNG NGỌC THẠCH M.D.
Bác sĩ Điều trị OLive View Medical Center
(Khu theo dõi Nội khoa và Chương trình Săn sóc Toàn diện)

GIỜ LÀM VIỆC
Thứ hai-Thứ sáu 9 AM đến 8 PM
Thứ bảy-Chủ nhật 9 AM đến 3 PM

NHẬN MEDICAL, MEDICARE & BẢO HIỂM
BÃI ĐẬU XE RỘNG RÃI VÀ MIỄN PHÍ

LASER **TRUNG TÂM CHUYÊN KHOA**
BỆNH TRĨ

* CHỮA TRỊ BẰNG TIA LASER DỨT TUYỆT
* PHƯƠNG PHÁP TỐI TÂN NHẤT ĐỂ ĐỊNH BỆNH VÀ TRỊ BỆNH
* KHÔNG CẦN NẰM BỆNH VIỆN
* KHÔNG RA MÁU, KHÔNG ĐAU
* TRĨ NỘI, TRĨ NGOẠI, TRĨ SA
* MẠCH LƯƠNG, SA RUỘT, MỒNG GÀ
* UNG THƯ ĐƯỜNG RUỘT, BỆNH BAO TỬ, SẠN MẬT
* CƠ VÒNG SUY YẾU, SỬA ÂM ĐẠO, CẮT QUI ĐẦU,
* SỬA LẠI BỘ PHẬN SINH DỤC NHƯ THỜI SƠN TRẺ.

BÁC SĨ TRẦN TIẾN HUYẾN , M.D., F.A.C.S.
TOT NGHIEP BANG CHUYEN KHOA GIAI PHAU TONG QUAT TAI UNIVERSITY PITTSBURGH
TOT NGHIEP SIEU CHUYEN KHOA GIAI PHAU DUONG RUOT VA TRI KHOA TAI FERGUSON CLINIC, MI
NGUYEN GIANG SU DAI HOC Y KHOA SAI GON

NHẬN MEDICAL–MEDICARE–TẤT CẢ CÁC LOẠI BẢO HIỂM
GIÁ ĐẶC BIỆT CHO NHỮNG NGƯỜI TRẢ TIỀN MẶT

14571 MAGNOLIA ST., SUITE 207
WESTMINSTER, CA 92683
(714) 898-1177

1905 N. COLLEGE AVE., SUITE C
SANTA ANA, CA 92706
(714) 558-1386

TAM AUTO CENTER

1610 N. Fairview St. Santa Ana, CA 92706
(Góc Westminster và Fairview)

(714) 554-2314

LÀM ĐỒNG - SƠN
SỬA CHỮA VÀ BÁN TẤT CẢ CÁC LOẠI XE

Đặc biệt làm máy xăng, dầu, Tune-up
Làm thắng - Rebuild hộp số - Carburator

Mở cửa từ 7 giờ sáng đến 7 giờ chiều
Chủ nhật từ 7 giờ sáng đến 12 giờ trưa

NHA Y SĨ

DƯ THỊ MỸ LAN

GENERAL DENTISTRY

Chữa bệnh Nướu Răng

9141 Bolsa Ave., Suite 302
Westminster, CA 92683
(714) 898-6449

Giờ làm việc:
Ngày thường: từ 10Am đến 7PM
Thứ Bảy: từ 9AM đến 6PM
Chủ Nhật: từ 10AM đến 2PM

Phiếu mua báo dài hạn

(giá biểu mới kể từ tháng 5.1987)

Họ và tên bạn đọc .....
Địa chỉ : .....
.....
Zip Code .....

Đồng ý mua dài hạn Văn Học từ số:.....đến.....

Mua dài hạn tại Hoa Kỳ và Canada (gửi hạng tư)

Sáu tháng ..... 15 MK
Một năm ..... 30 MK

mua dài hạn tại Hoa Kỳ và Canada (gửi hạng nhất)

Sáu tháng ..... 21 MK
Một năm ..... 42 MK

Giá biểu mua dài hạn cho bạn đọc ở Âu châu

Sáu tháng, gửi tàu thủy ..... 21 MK
Một năm, gửi tàu thủy ..... 42 Mk
Sáu tháng, gửi máy bay ..... 33 Mk
Một năm, gửi máy bay ..... 66 MK

Giá biểu dài hạn cho bạn đọc ở Á và Úc châu

Sáu tháng, gửi tàu thủy ..... 21 Mk
Một năm gửi tàu thủy ..... 42 MK
Sáu tháng, gửi máy bay ..... 40 MK
Một năm, gửi máy bay ..... 80 MK

Đính kèm số tiền : .....
(trả bằng Mỹ kim, ngoài Hoa kỳ xin trả bằng international money order hoặc bưu phiếu, đề tên VAN HOC)

PHIẾU TẶNG BÁO VĂN HỌC

Họ và tên .....
Địa chỉ .....
.....
Muốn mua : * Sáu tháng báo Văn Học .....
* Một năm báo Văn Học .....
Để tặng cho: .....
Địa chỉ .....
.....
Đính kèm ngân chi phiếu : ..... Mỹ kim

TÌM MUA:

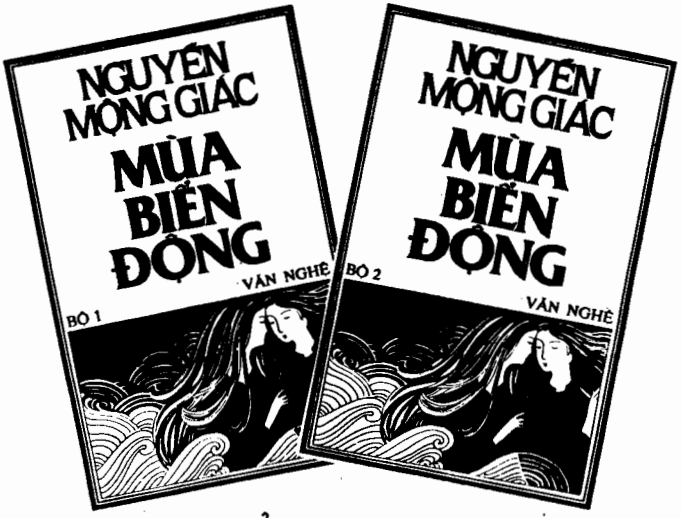

MÙA BIỂN ĐỘNG TOÀN BỘ

1860 TRANG TRƯỜNG THIÊN TIỂU THUYẾT ĐÓNG THÀNH HAI BỘ, CHỈ IN 100 BỘ DÀNH CHO CÁC BẠN CHƠI SÁCH.
BÌA CỦA NGUYỄN ĐỒNG & NGUYỄN THỊ HỢP
GIÁ MỖI BỘ CHỈ BẰNG TỔNG CỘNG GIÁ CÁC CUỐN LẺ

BỘ I MÙA BIỂN ĐỘNG

Gồm các cuốn Những Đợt Sóng Ngầm, Bão Nổi, Mùa Biển Động, dày 760 trang. Giá tại Bắc Mỹ 30 Mỹ kim. Các nước khác thêm 4 Mỹ kim bưu phí.

BỘ II MÙA BIỂN ĐỘNG

Gồm các cuốn Bèo Giạt và Tha Hương, dày 1100 trang. Giá tại Bắc Mỹ 36 Mỹ kim. Các nước khác thêm 4 Mỹ kim bưu phí.

SÁCH CHỈ BÁN THẲNG QUA ĐƯỜNG BƯU ĐIỆN

Trong nội địa Hoa kỳ xin gửi thư và chi phiếu mua sách cho:

NGUYÊN MỘNG GIÁC

15551 S. Pasadena Ave # A Tustin, CA 92680

Các nước khác xin gửi bằng Internatinal money order

---

* Vì số trang tăng nhiều nên giá cuốn Tha Hương nay định là 21 Mỹ kim thay vì 19 Mỹ kim như đã loan trên Văn Học số 41 tháng trước

in lại NVPRINTING (714) 897-3628

Nhà Xuất Bản VĂN NGHỆ
P.O. Box 2301
Westminster, CA 92683 - USA
Phone (714) 832-8445
Ngân, chi phiếu xin đề Văn Nghệ

☐SÁCH IN NĂM 1989:

- **TỐI THÁNG NĂM TẠI QUÁN ĂN ĐƯỜNG FIFTH** — **10MK**
  tập truyện Nguyễn Ý Thuần
- **CHIẾC CẦU TRÊN SÔNG DRINA** — **14MK**
  Ivo Andritch, Nguyễn Hiến Lê dịch
- **ĐƯỜNG MỘT CHIỀU** — **7MK**
  Tiểu thuyết Nguyễn Mộng Giác
- **Ý CAO TÌNH ĐẸP** — **8MK**
  Nguyễn Hiến Lê tuyển dịch
- **TRUYỆN NGẮN II** — **14MK**
  Võ Phiến
- **YOGA CĂN BẢN** — **8MK**
  25 bài thực tập cho thân tâm an tịnh
  Võ Đình Mai
- **THA HƯƠNG (MBĐ5)** — **21MK**
  Tiểu thuyết Nguyễn Mộng Giác
- **THẦN, NGƯỜI VÀ ĐẤT VIỆT** — **16MK**
  Khảo luận Tạp Chí Đại Trường (sách trong nước gửi ra)
- **CĂN NHÀ NGÓI ĐỎ** — **8MK**
  Nguyễn Xuân Hoàng
- **CỎ VÀ TUYẾT** — **8MK**
  Thơ Đỗ Quý Toàn
- **BÀI HỌC CỦA LỊCH SỬ** — **8MK**
  Will và Ariel Durant
  Nguyễn Hiến Lê và Trần Lương Ngọc dịch
- **QUÊ HƯƠNG** — **8MK**
  Thơ tình Định Nguyên
- **THỀM HOANG** — **8MK**
  Truyện dài Nhật Tiến
- **MỘT THUỞ LÀM "TRÙM"** — **8MK**
  Hồi ký Nguyễn Tấn Hưng
- **LỚP LỚP PHÙ SA** — **13MK**
  Tiểu thuyết Kiệt Tấn
- **HỒI KÍ tập I** — **14MK**
  Nguyễn Hiến Lê

Ngoài Hoa kỳ thêm 1MK cước phí cho mỗi cuốn
Muốn có thư mục đầy đủ, xin liên lạc nhà xuất bản

Giá 3 Mỹ kim